

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

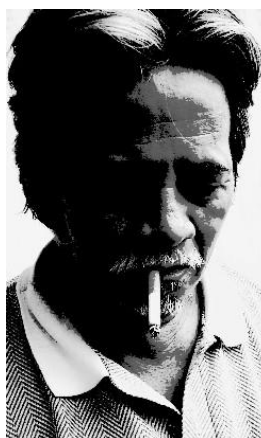
### **Nguyễn Đạt**

#### **Tiểu sử**

Sinh năm 1945 tại Vĩnh Tường, Vĩnh Yên, Bắc Việt. Hiện ở Đơn Dương, Đà Lạt.

#### **Tác phẩm**

Hiện viết truyện ngắn cho riêng báo mạng Tiền Vệ và Khởi Hành.



### **Mục Lục**

**Nhắc nhớ vân vân.. – 2**

**Buổi sáng Thị Ngạn Am – 4**

**Nguyễn Đạt: 60 năm chưa về nẻo hiểm – Lý Đợi – 5**

**Vĩnh biệt Thanh Tâm Tuyên – 12**

**Thơ Vi Diệu ngắn ngủi – 13**

#### **Phụ đính I:**

**Tôi viết - Một tình huống khó xử - Nỗi hoài**

#### **Phụ đính II:**

**Cà-phê Đà Lạt xưa - Tiền đồn xương trắng - Mãi mãi Đà Lạt**

**Quán nửa khuya - Một truyện ngắn – 1 gồm 3 - Một nơi mất tích**

**Vài ngày Nha Trang - Thiếu phụ ở thị trấn sương mù**

**Tiến Lộc Thành ở B'lao - Chấm xuống dòng – Nhân vật**

**Cô gái tinh lẻ - Nhà thờ Hàm và cà phê Lão Từ**

**Ở một nơi nào**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Nhắc, nhớ vân vân...

Đọc lại một bài đã viết, nhan đề bài viết từ chiếc lư đồng mắt cua của nhà văn tiền chiến Nguyễn Tuân. Liên sau, lại đọc vẫn vợ một cuốn sách đã đọc không vẫn vợ, rồi nổi hứng viết lại bài của chính mình đã viết. Thoạt đầu chả hiểu tại sao nổi hứng như vậy. Sau đó biết ngay, nổi hứng như vậy, vì ưa trích vào bài viết lại đoạn viết này, ở cuốn sách đọc lại một cách vẫn vợ: *Nguyễn Tuân, ngày xưa, đã bao nhiêu lần đòi giết cố nhân mà có giết được đâu? Mãi đến già, sau mấy chục năm theo Đảng và bao nhiêu lần “cải tạo tư tưởng”, ông vẫn cứ là ông. Cái chàng Nguyễn tài hoa và kiêu bạc thuở nào vẫn cứ lấp ló đâu đó sau từng trang viết của ông.* (Nguyễn Hưng Quốc, *Thơ Con Cóc và những vấn đề khác*).

Mấy ngày người dân cả nước được nghỉ lễ: ngày giỗ tổ Hùng Vương (mùng 8 tháng 3 Âm lịch), ngày Quốc tế lao động 1-5, và dĩ nhiên, ngày kỷ niệm 32 năm “giải phóng” của nhà nước cộng sản. Dịp này bạn bè chúng tôi nhàn đàm về Sài Gòn sau “giải phóng”. Nhiều điều để nói, mà điều này chúng tôi bảo rất nên nói tới: tên gọi của thành phố chúng ta. Mà hình như đã nhiều người nói tới rồi: tên khai sinh của thành phố đã được gần 300 tuổi, tính tới 30-4-1975, đã bị nhà nước áp đặt tên gọi khác, là thành phố mang tên “bác”! Tuy nhiên, hiển nhiên người dân ngày càng chỉ cần biết và chỉ gọi tên khai sinh của thành phố. Sài Gòn ngày càng xác định tên mình là Sài Gòn. Và nhiều lắm, ý chí quyết tâm lắm, nhà nước cũng chỉ được xem cái tên mình áp đặt là tên gọi hành chánh, tên gọi trên giấy tờ nhà nước cấp phát cho dân. Có bạn nói: nhà nước này thật tức cười, mang tên “Việt Nam đẹp nhất có tên...” để đặt cho “thành phố mộng muội” “thành phố tàn dư của Mỹ Ngụy”. Nếu “bác” mà biết, chắc “bác” không thể nằm yên trong lăng tẩm mà các con cháu “bác” đã đặt định, xây dựng cho mình.

Chúng tôi đang nhàn đàm như vậy, điện thoại di động của tôi reo. “Anh ơi, chiều hôm qua em kiểm soát kho đồ cổ của em, tìm thấy chiếc lư đồng mắt cua. Em để dành tặng anh đấy.” Điện thoại của người em bà con bên vợ tôi, anh ta buôn bán đồ cổ ở đường Lê Công Kiều. Đường Lê Công Kiều là con đường nhỏ, chạy dài suốt phía ngang hông Bệnh Viện Sài Gòn. Gần như hầu hết các nhà phố ở đường Lê Công Kiều buôn bán đồ cổ, bao gồm đồ cổ thứ thiệt và đồ giả cổ, đồ cổ dỏm. Và phần lớn sở hữu chủ của các gian hàng buôn bán đồ cổ như vậy, là những người miền Bắc “có máu mặt”, vào Sài Gòn sau “giải phóng”. Gian hàng buôn bán đồ cổ của người em bà con bên vợ tôi rất khiêm nhường bên cạnh những gian hàng của những người miền Bắc ấy. Mà người Sài Gòn có một gian hàng như vậy sau khi “Sài Gòn giải phóng” cũng là đỡ lắm rồi, cũng là người Sài Gòn “có máu mặt”.

Tôi mừng rỡ vì món quà tặng của người thân, buôn bán đồ cổ. Chiếc lư đồng mắt cua có lẽ chỉ có giá trị với những người như tôi, những người biết nó gắn liền với một tác phẩm của một nhà văn tài danh thời tiền chiến: *Chiếc lư đồng mắt cua* của Nguyễn Tuân. Chính Nguyễn Tuân cũng chỉ quý chiếc lư đồng mắt cua, vì nó là “người làm chứng đứng đắn” cho một quãng thời gian phóng túng hình hài của ông ở nhà hát ả đào của ông Thông Phu - qua lời một người bạn của Nguyễn Tuân - là một nhà nho rất hay, biết rất nhiều điều bí ẩn kỳ quái trong suốt một khoảng giao thời. Nhà văn quý chiếc lư đồng mắt cua lại cũng không chỉ vì nó là “người làm chứng đứng đắn” cho một quãng thời gian phóng túng hình hài của ông, mà còn ở chỗ, ông Thông Phu cho biết nó từng có một lịch sử bí mật, y như chuyện “Gương vỡ lại lành” trong tích cũ. *Chiếc lư đồng mắt cua* không phải là một cuốn phóng sự về nhà hát ả đào, cũng không phải là cuốn nhật ký, mà là một tác phẩm tùy bút về tâm trạng tác giả (Nguyễn Tuân) trong những ngày sống ở nhà hát ả đào của ông Thông Phu, một ông “*Trước khi đứng làm chủ nhà hát ông Thông Phu là một người có danh phận lương thiện của một xã hội trường giả trung lưu đương thời của chúng ta. Ông cũng là một người viên chức chính ngạch nhà nước, ở một cái tỉnh nhỏ Trung Kỳ, cách đây hai chục năm, khi mà người ta làm việc ở toà Sứ, với một cái chức*

*thông ngôn có chất máu giang hồ tài tử ấy ở trong huyết quản đã là một người thiếu lương tâm nhà nghề đối với phận sự nơi buồng giấy.”* (Nguyễn Tuân, *Chiếc lư đồng mắt cua*).

Chiếc lư đồng mắt cua mà ông Thông Phu tặng Nguyễn Tuân, như lời ông viết trong tác phẩm cùng tên, cũng giống như “*Đề nhớ lại một chuyến đi, Nguyễn* (Nguyễn Tuân) *đặt tên con gái là Hương Cầm*” (Tuỳ bút *Mơ Hương Cầm*, của Vũ Khắc Khoan.)

Nhà văn, kịch tác gia Vũ Khắc Khoan, định cư ở Hoa Kỳ, đã mất, trong tuỳ bút *Mơ Hương Cầm*, đã viết về Nguyễn Tuân: “...Nguyễn có một cuộc sống ô ạt, một cá tính rất sắc cạnh và tất nhiên rất quyến rũ. Không những thế Nguyễn lại viết. Nghĩa là lấy ngay cái ô ạt của cuộc sống bừa bãi của mình làm đối tượng cho sự suy nghĩ để rồi, từng chữ, từng câu... giải rộng và dài những cơn tâm sự lên trên giấy trắng. Cũng vì thế mà ảnh hưởng của Nguyễn đã in hằn lên nhiều người chung quanh. Ở đây, thỉnh thoảng những người quen Nguyễn thường vẫn gặp lại, ngùi ngùi nhận ra đây đó một vài cử chỉ, một vài lời nói, nét cười, cách viết của một con người không những đã sống để viết, nhưng lại luôn luôn rất băn khoăn về cuộc sống và ý nghĩa của việc cầm bút...”

Chiếc lư đồng mắt cua mà người em bà con bên vợ tôi vừa tặng tôi, theo nhận xét của anh ta, được chế tác vào khoảng thời gian các vị vua đầu nhà Nguyễn, dùng để đốt trầm. Hiện nay, một số rất ít các “mệ” ở xứ Thần Kinh (Huế) còn lưu giữ. Tôi đọc lại tác phẩm tuỳ bút *Chiếc lư đồng mắt cua* của Nguyễn Tuân, qua những dòng chữ mô tả chiếc lư đồng mắt cua của ông Thông Phu tặng nhà văn, rất giống chiếc lư đồng mắt cua tôi đang có: “...*một chiếc lư đồng. Đồng mắt cua. Nhỏ thôi. Đường kính rộng nhất nơi thân lư cũng chỉ bằng cái đường kính mặt tẩu Vân Nam da đá... chiếc lư đồng mắt cua nhỏ bé ấy giá có đem phát mại đi, gặp những người ưa chuộng thì hời giá lắm cũng chỉ được vài đồng bạc là cùng.*”

Nhà văn Nguyễn Tuân trân quý giữ nó, như đã nói ở trên, lúc ấy nhà văn để chiếc lư đồng mắt cua trên bàn viết, đựng kim găm và dùng luôn làm vật chặn giấy cho gió khỏi lật ngửa những trang chữ ướt. Tôi dùng chiếc lư đồng mắt cua vừa được tặng mấy hôm nay, đựng tàn thuốc lá cho gió khỏi thổi tàn bay rải ra ngoài. Chiếc lư nhỏ đựng tàn thuốc lá rất tiện, tôi xách nó theo bên mình mỗi khi di chuyển chỗ ngồi hút thuốc, nó có hai quai xách cũng bằng đồng mắt cua, như quai xách của chiếc ấm tích pha trà.

Ngắm nghĩa chiếc lư đồng mắt cua, tôi chợt tiếc đã không hỏi Nguyễn Tuân, rằng nhà văn còn giữ chiếc lư đồng mắt cua do ông Thông Phu tặng thuở xưa? Vài tháng sau 30-4-1975, tôi gặp nhà văn Nguyễn Tuân trong một bữa uống rượu ở quán cà phê Tùng, Đà Lạt. Lần đó, ông Tùng, chủ quán, đã mất vài năm nay, trân trọng mời nhà văn Nguyễn Tuân uống rượu. Ông Tùng mang chai rượu Courvoisier mà ông cố giữ lại sau “giải phóng”, dành để mời nhà văn tài danh mà ông nghe tiếng, quý trọng từ lâu. Đó cũng là dịp may của tôi, được gặp tác giả *Vang Bóng Một Thời, Chùa Đàn, Chiếc Lư Đồng Mắt Cua...*

Tôi không thể nhớ rõ sau ba mươi hai năm, tôi đã nói, hỏi được chuyện gì nhà văn tài danh độc đáo ấy, nhưng nhớ mãi câu ông hỏi tôi, thật lạ lùng để hôm nay nhớ lại: “Cậu có bà con họ hàng gì với ông Vũ Khắc Khoan hay không? Nom cậu khá giống ông ấy.” Tôi tiếc vì nhớ lần duy nhất gặp nhà văn Nguyễn Tuân, tôi chưa từng hỏi về chiếc lư đồng mắt cua của ông. Nếu ông còn giữ được lúc còn sống, thì cũng không lấy gì làm chắc chắn rằng sau khi ông mất, đã nhiều năm, nó không có cuộc phiêu lưu nào. Biết đâu nó chính là hiện thân chiếc lư đồng mắt cua tôi đang giữ. Dù sao, ít nhất, nó cũng được ra đời cùng anh em nó, chiếc lư đồng mắt cua của nhà văn vang bóng một thời.

## Buổi sáng Thị Ngạn Am

Căn phòng đầu tiên, phía tay trái, khi vừa hết những bậc cấp dẫn lên tầng trên của một dãy phòng ốc trong chùa Già Lam, đây là am của thượng tọa Tuệ Sỹ, được đặt tên là Thị Ngạn Am. Là Bờ. Hồi đầu thị ngạn, quay đầu nhìn vào là bờ. Nhìn thẳng vào tâm mình. Trục chỉ nhân tâm / Kiến tánh thành Phật.

Đã nhiều ngày tháng, cứ chiều chiều, tôi tới thăm, uống trà cùng thầy Tuệ Sỹ, ở ngoài hiên sau của Thị Ngạn Am, nhìn xuống khoảnh vườn trước đây là khoảnh đất trống có vài ngôi mộ cỏ. Hiên nhiên thầy là vị tu sĩ khả kính như mọi người đã biết, nhà Phật học uyên bác có một không hai, như Bùi Giáng từng bảo vậy. Và người thi sĩ độc đáo nhất Việt Nam còn viết trong “Đi Vào Cõi Thơ”, thầy Tuệ Sỹ là một nhà thơ vô cùng uyên áo. (Tôi không nhớ rõ nguyên văn, nên tạm nói ý Bùi Giáng như vậy.) Và tôi cũng thấy như Bùi Giáng, rằng điểm căn cốt ở vị tu sĩ khả kính, chính là: Tuệ Sỹ, một nhà thơ. Đến thăm thầy Tuệ Sỹ buổi sáng này, tôi nghe thầy nhắc tới một bài viết của Nguyễn Đình Toàn trên báo hải ngoại. Bài viết có ý nói rằng, hình như Tuệ Sỹ là một nhà thơ ẩn trong một nhà tu. Thầy Tuệ Sỹ nhắc tới ý đó của Nguyễn Đình Toàn, với niềm vui hiện rõ trên gương mặt. Nên, từ bấy lâu nay tới thăm thầy Tuệ Sỹ, thực chất là tôi tới thăm một người bạn văn nghệ, đặc biệt ở chỗ tôi gọi là nhà thơ là “thầy” một cách đầy kính yêu, thân thiết. Một nhà thơ sống ở nơi gọi là “Thị Ngạn Am”.

Lần này là sau một thời gian khá lâu, vì bận rộn, tôi không tới uống trà và nói đủ thứ chuyện văn nghệ trên đời cùng thầy Tuệ Sỹ. Lâu nay đã có một chuyện làm tôi mất nhiều thì giờ, là vụ việc in tập truyện ngắn của tôi, cuốn sách này đã từng bị các nhà xuất bản ở Hà Nội thay nhau “ngâm” tới hai năm. Tôi không cạy cục để cuốn sách được in ra, chẳng qua vì nhã ý của một người làm công việc in ấn phát hành sách ngoài Hà Nội, nên mặc nhiên đã “ném lao phải theo lao”. Bây giờ có cuốn sách trong tay, dù sao tôi cũng vui mừng, và tôi mang theo một cuốn tới Thị Ngạn Am tặng thầy Tuệ Sỹ. Chưa in tập truyện nào, nhưng nhà thơ Tuệ Sỹ cũng ưa thích, và từng viết, đã đăng ở đâu đó vài truyện ngắn. Nhiều người nhắc tới một truyện ngắn của Tuệ Sỹ, hình như cảm ứng từ một “sonata” của Beethoven, “Bản xô-nát dưới ánh trăng”.

Thầy Tuệ Sỹ nhận cuốn sách, mở đọc truyện ngắn mà tôi có nhắc tới nhà thơ trong đó. Nhìn gương mặt thầy Tuệ Sỹ hơi nghiêng xuống đọc sách (hình trên), tôi thấy là quá đẹp, lấy máy ảnh chụp ngay. Từ lúc được báo Người Việt gửi cho cái máy ảnh kỹ thuật số, tôi thành ra thích chụp hình, đi đâu cũng mang theo. Thấy tôi chụp hình, thầy Tuệ Sỹ hỏi: “Anh định viết gì đó về tôi hả? Bây giờ mà anh viết về tôi như thế nào, cũng vẫn bị coi là Việt cộng viết về Việt cộng!” Ôi, chuyện này là chuyện đáng tiếc, buồn rầu. Tôi cũng đã nghĩ, tập truyện ngắn của tôi được in ra ở Hà Nội, thế nào cũng có người bảo là tôi vì có chạy chọt, nhờ vả hoặc “đi đêm” gì đó với nhà nước cộng sản, nên tập truyện ngắn của một người viết ở “miền Nam bị tạm chiếm”, tức “nhà văn ngụy”, từng là “ngụy quân” nữa, mới được in ra như vậy. Thật sự, người có nhã ý in sách cho tôi, anh Dương Tất Thắng - Nhà sách Kiến Thức, đã trầy trật lắm mới xin được giấy phép in sách của một nhà xuất bản. Phần tôi, đã phải gửi bổ sung nhiều truyện ngắn khác, vì nhiều truyện ngắn đã gửi bị nhà xuất bản bỏ đi, không duyệt. Có truyện tôi viết, nguyên mẫu nhân vật là nhà biên khảo văn học Đỗ Long Vân (“Một nhà thơ ngậm ngùi đi vào biên khảo” - Bùi Giáng, Đi Vào Cõi Thơ), bị bỏ chỉ vì một từ (Trong truyện có câu: “Đỗ Long Vân, Vô Kỵ giữa chúng ta trở thành vô sản như tôi.”) Rõ ràng tôi chỉ muốn nói bọn văn nghệ chúng tôi quá nghèo, nhưng (có lẽ) cán bộ cộng sản quản lý ngành xuất bản ở Hà Nội cho rằng tác giả dám “phạm húy”, nhắc tới “giai cấp vô sản” một cách vô lối, vô phép. Và truyện ngắn này bị bỏ luôn. Thầy Tuệ Sỹ đã nói trước, nên tôi phải đề cập tới chuyện buồn rầu. Quả là tôi đã nghe dư luận, qua nhiều báo mạng, nghi vấn hoặc đing ninh rằng thầy “Tuệ Sỹ đầu hàng Việt cộng”! Tôi bắt đắc dĩ phải nói tới chuyện buồn rầu đó với thầy Tuệ Sỹ. Không nói ra lời xin lỗi, nhưng trong thâm tâm tôi rất muốn xin lỗi nhà thơ, thượng tọa Tuệ Sỹ, về câu chuyện này. Thầy Tuệ Sỹ bình thản cho biết, thầy từng nhận nhiều cuộc điện thoại từ hải ngoại, cùng một ý như của một Phật tử đã hỏi: “Con nghe nhiều người nói rằng thầy đã thỏa hiệp với cộng sản, con buồn quá,

chẳng biết sự thật thế nào... Con từng rất quý trọng thầy, nên con mong thầy nói cho con biết sự thật!" Và vị thượng tọa chỉ trả lời Phật tử đó, một câu ngắn gọn: "Chị quý trọng tôi hay không còn quý trọng tôi thì tùy chị!" Tôi nghe câu trả lời của thầy Tuệ Sỹ trước câu hỏi này, nhớ lại chuyện về một thiền sư (trong "Góp Nhặt Cát Đá" của thiền sư Muju - bản dịch của Đỗ Đình Đồng.) Vị thiền sư này có đời sống rất trong sạch, được mọi người quý trọng, vậy mà một hôm vị thiền sư bị tố giác là đã làm cho một cô gái mang thai. Nghe vậy, vị thiền sư chỉ nói ngắn gọn hai tiếng "Thế à?" Đứa bé ra đời, họ trao đứa bé cho vị thiền sư. Vị thiền sư lặng lẽ nhận đứa bé, xin sữa và những vật dụng cần thiết để nuôi nó. Một năm sau, mọi người biết được sự thật không phải như vậy, vị thiền sư đã bị mang tiếng oan bấy lâu nay. Cha mẹ cô gái xin đem đứa bé về, và nói những lời xin lỗi dài dòng để mong vị thiền sư bỏ qua chuyện bậy bạ họ đã gây ra. Vị thiền sư cũng chỉ nói ngắn gọn hai tiếng: "Thế à!"

Tôi lại hỏi thêm thầy Tuệ Sỹ về tin đồn rằng thầy Tuệ Sỹ đã rút tên ra khỏi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Nụ cười rất thanh thản của thầy Tuệ Sỹ: "Tự động tôi có tên trong giáo hội, rồi bây giờ tôi lại nghe nói rằng 'tôi đã rút tên ra khỏi giáo hội'... Anh biết đấy, những người làm thơ, những người mang dòng máu văn nghệ, có thể họ sẵn sàng tham gia làm cách mạng, chứ làm sao họ làm được chuyện chính trị... Tôi còn nghe nói rằng, mai một có thể đệ tử của tôi sẽ nhận chức vụ thủ tướng nhà nước! Lạ quá, tôi mà làm gì có đệ tử chính trị nào để mai một ra nhận chức vụ, nắm quyền lực?!..."

Quá nhiều những buổi chiều "trà đạo" cùng thầy Tuệ Sỹ, một người từng bị cộng sản lên án tử hình, rồi bị giam giữ suốt quãng đời tuổi trẻ trong lao tù, nên buổi sáng này, câu chuyện buồn rầu kia là câu chuyện chúng tôi cũng đành phải chịu, phải nghe. Những chuyện đáng tiếc, buồn rầu như vậy vẫn thường xảy ra trong một thế giới ngày càng bất ổn, đầy nghi kỵ, đầy (vô tình hoặc cố tình) ngộ nhận.

Nhìn lên vách tường Thị Ngạn Am treo trang giấy viết hai dòng thơ bằng chữ Nôm rất đẹp, thơ của Thị Ngạn (tức thầy Tuệ Sỹ), tôi xin thầy Tuệ Sỹ một bản chép lại để mang về. Thầy Tuệ Sỹ vui vẻ thực hiện ngay. Trải trên sàn gạch tờ giấy có in ba chữ "Thị Ngạn Am" ở đầu, thầy Tuệ Sỹ gò lưng như một ông đồ thư ở xưa, nắn nót viết câu thơ Thị Ngạn bằng chữ Nôm: *Năm chầy đá ngủ lòng khe / Lưng trời cánh hạc đi về hoàng hôn.*

## Nguyễn Đạt: 60 năm chưa về nẻo hiểm (Lý Do giới thiệu & thực hiện)

### Lời giới thiệu:

Nguyễn Đạt sinh năm 1945, tại Thổ Tang (Vĩnh Yên). Di cư vào Nam năm 1954. Hiện sống tại Sài Gòn. Là tác giả của khoảng 100 bài thơ & 100 truyện ngắn. Ngoài thi tập cá nhân *Nơi giá băng* [Nxb Hội nhà văn, 1991], và 2 văn tập *Kỷ niệm đã quỳ* [Nxb Trẻ, 1996], *Con mộng Cẩm Giang* [Nxb Trẻ, 1997], tác phẩm của ông còn nằm trong nhiều tuyển tập, tạp chí trong và ngoài nước.

Bản tính ham thích những nơi thâm u nẻo hiểm; thích truy vấn văn chương trên con đường vừa thênh thang, quang đãng, vừa nhiều thử thách.

Gần đây, ông đặc biệt chú tâm vào truyện ngắn, và gần như chỉ công bố trên trang website Tiên Vệ. 60 tuổi, vẫn còn viết sung và vẫn còn đặt đề nhiều chất mới, khác, vào tác phẩm; quả là chuyện lạ. Lạ hơn nữa, khi các nhà văn Việt Nam thường rơi vào định mệnh và quỹ đạo của tác phẩm đầu tiên. Đọc tác phẩm của Nguyễn Đạt trên các tạp chí tại Sài Gòn trước 1975, và bây giờ, rõ ràng, chúng ta nhìn thấy một Nguyễn Đạt khác, nhiều trăn trở, bén nhạy; bút pháp uyển chuyển, vi tế và nhiều sức hút hơn.

Vì thế, tìm mọi cách để tác giả này tiết lộ bí quyết của riêng mình, cũng là sự thách thức và quyến rũ với nhiều người có quan sát đến văn nghiệp của ông. Tuy nhiên, với tư cách người thực hiện bài phỏng vấn này, tôi gọi đây là "cuộc khám phá không thành", vì dường như ông cảm thấy vẫn chưa đến lúc để dừng lại, 60 năm chưa phải cuộc đời, nên muốn đi tiếp và chưa muốn nói gì nhiều về những điều mình đã, đang và sẽ làm. Đặc biệt là chuyện đời tư, vốn gắn với một vài biến cố của đất nước.

Bài phỏng vấn kết thúc bằng một ý để mở: Xin hẹn vào dịp sau.

---

*Lúc 5 tuổi ông ở đâu? Làng quê lúc đó với ông có ý nghĩa gì?*

À ra, anh đang tìm hiểu thời thơ ấu, và ngôi làng tuổi thơ của tôi đây. Tôi chẳng được như Chagall hoài niệm về ngôi làng Nga khi ông ở Pháp. Tôi ở nơi sinh tới 9 tuổi, quê tôi chỉ có ông Nguyễn Thái Học không thành công (thì thành nhân), làng Thổ Tang (thủ phủ của Vĩnh Tường, có ông tri phủ Vĩnh Tường của bà Hồ Xuân Hương, qua một bài thơ mà người ta truyền tụng là của nữ sĩ). Tôi không nhớ được nhiều về quê tôi, 9 tuổi tôi đã rời quê, theo gia đình di cư vào miền Nam. Nửa thế kỷ sau (năm vừa qua, tôi 59 tuổi) ra Hà Nội, ghé thăm bản quán chỉ trong 2 ngày, biết làng quê mình vốn giàu đẹp, nổi tiếng lâu đời là nơi kinh doanh sầm uất. Từ xưa, làng Thổ Tang - huyện Vĩnh Tường đã như phố thị của một thị trấn lớn bây giờ. Lúc nhỏ ở quê, tôi đã biết mình có người cha và người chú được xem là hai người giỏi tiếng Pháp nhất làng. Cha tôi theo một ông kỹ sư người Pháp, cưới ngựa trắng đi tìm vàng dọc biên giới Việt-Lào, chú tôi ở Hà Nội đọc sách, theo dõi (và tham gia chút đỉnh) chính trị, viết văn, và mơ màng cùng "nàng tiên nâu". Sau, cha tôi đồng hoá quân đội, làm thông ngôn (cứu được nhiều ông Việt Minh khỏi bị Pháp bắt giữ!). Di cư, tuổi nhỏ của tôi tiếp tục ở Đa Thọ (Đơn Dương, Đà Lạt). Đa Thọ là một ga xép giữa rừng thông, tôi đi xe lửa hàng ngày lên xuống Đà Lạt - Đa Thọ. Điểm tâm hàng ngày kiểu Tây: bánh mì quét mứt cà chua (hoặc phô mai, bơ), cà phê sữa nóng. Vào quán cà phê Tùng (tượng trưng của Đà Lạt), uống cà phê đen, tập hút thuốc lá.

*Vậy là ông nói lẹm sang tuổi 15-16 [tuổi dậy thì] mà tôi muốn hỏi rồi?*

Anh cho rằng 16 tuổi mới là tuổi dậy thì, vì các cụ tiên sinh của chúng ta đã xác định "nữ thập tam, nam thập lục"? Từ năm cuối bậc tiểu học, tôi đã bị ám bởi bờ ngực (và tôi hình dung đôi vú) rất núi lửa của cô giáo ở Đa Thọ. Cho tới bây giờ, nhớ tới Đa Thọ, tôi không quên bờ ngực của cô giáo lớp nhất. Hình ảnh tôi nhớ nhất ở Đa Thọ: mỗi khi có món đồ gì từ Sài Gòn hay bất cứ từ đâu gửi cho mẹ tôi, chỉ cần ghi Cửa Cô Ba Đa Thọ. Bỏ món đồ ấy bên bụi dã quỳ hay bất cứ đâu trước rừng thông Đa Thọ, mẹ tôi ra lấy về. Ở đây không ai bị mất cắp gì hết. Còn tuổi dậy thì của tôi, tức là năm 16 tuổi, như anh (và các cụ tiên sinh) nói, thì phải thú thật là... hết nói! Lúc ấy, tuy đã về Sài Gòn, học trường trung học Chu Văn An, tháng nào tôi cũng lên Đà Lạt một lần, vì nhớ "người tình" ở xóm Bà Thái (xóm gà móng đở!). Tôi ưa thích thú vui đó, nhưng chả ám ảnh gì hết. Thường vì thiếu thốn tạo nên ám ảnh, mà tôi thì có thiếu thốn những "người tình không quá một giờ" đâu! Bên cạnh "những ngày diễm ảo" ở Đà Lạt, tại Sài Gòn tôi học quyền Anh với võ sư người Việt gốc Hoa, Leng-kê-cheng (Lương Kế Chính). Tôi không thể thượng đài vì đôi mắt ngang phẳng với vàng trán, bị trúng đòn chắc chắn bể con người. Nên tôi nhập băng nhóm đi đánh lộn (đánh đấm tay đôi, như trong phim cao bồi Mỹ). Ở trường Chu Văn An khoảng thời gian những năm đầu thập niên 60, băng nhóm Chu Bá Sương khá nổi tiếng, có tôi trong băng đó.

*Còn lúc ông thành niên?*

Tuổi thành niên, tôi học bậc trung học đệ nhị cấp, ban Văn Chương, tại trường Chu Văn An, một trường công lập danh tiếng của Sài Gòn. Học sinh Chu Văn An, ra đời đều là người nổi tiếng về văn nghệ, chiến sĩ tử thủ của quân đội Sài Gòn, và những tay anh chị. Thời gian học ở đây, tôi có những trận đụng độ băng nhóm, bắt đầu làm thơ từ khi đọc tạp chí *Sáng Tạo*, rất thích thơ Thanh Tâm Tuyền, nên ngay những bài thơ đầu, tôi đã làm thơ tự do. Ông Nguyễn Sa là thầy dạy tôi môn triết Tây (lớp đệ nhất C), biết tôi làm thơ, hỏi tôi nghĩ sao về thơ của ông và thơ Thanh Tâm Tuyền, ông muốn biết tôi so sánh thơ của 2 nhà thơ này ra sao. Tôi nói tôi không thể so sánh giữa thơ và bánh kẹo. Nhưng ông không thể ác cảm với tôi cho được, vì tôi đã kêu gọi bạn học cùng lớp không bạo động, dù thế nào cũng phải tôn sư trọng đạo, do vậy ông thoát chết trong ngày lật đổ chế độ tổng thống Ngô Đình Diệm. Người ta có bằng chứng ông là mật vụ ngành giáo dục của chế độ. Tôi thuộc loại học sinh giỏi, đóng góp tích cực cho tờ báo xuân của trường, lên bậc đại học cũng vậy. Tôi học ban Triết Tây, làm báo *Đổi Thoại* của trường Đại học Văn Khoa Sài Gòn, mê triết gia Nietzsche, nhưng mê đi chơi hoang đàng không kém, nên suốt 3 năm ghi danh học tại đây, tôi chỉ thi có 1 lần, được 1 chứng chỉ dự bị triết. Sau vụ “tổng tiến công và nổi dậy” của Việt Cộng tết Mậu Thân (1968), tôi nhập ngũ khóa 2/69 trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức, theo lệnh gọi nhập ngũ (lúc này tôi 24 tuổi). Ra trường, nhận sự vụ lệnh về sư đoàn 5 Bộ Binh, tôi chỉ làm sĩ quan chỉ huy trung đội có 1 tháng (trại quân ở Long Nguyên, Bến Cát, Bình Dương). Rồi đào ngũ, vì quá nhớ “những ngày diễm ảo”, tôi lên Đà Lạt, sống bụi đời.

*Như vậy, ông vào lính năm 24 tuổi. Sau lính, ông làm gì?*

Sớm đào ngũ, sau đó tôi trải qua nhiều thứ lính trong thời chiến. Phải kể tên các thứ binh chủng đó, rất dữ dội, tôi thích vậy, tôi vốn thích Hemingway, và phim ảnh về người hùng miền Viễn Tây Hoa Kỳ, bắn chậm thì chết! Sau khi đào ngũ sư đoàn 5 Bộ Binh, tôi bị bắt lính trở lại (khi về Sài Gòn), đưa ra Huế, sư đoàn 1 Hỏa Tuyền, tôi lập tức tình nguyện vào Đại Đội Hắc Báo, lực lượng đặc biệt hỗ trợ cho sư đoàn Hỏa Tuyền. Sém chết nhiều lần, mùa hè đổ lửa..., đại gì chết sớm, tôi lại đào ngũ. Lại bị bắt lính khi trở về Sài Gòn, lần này, do nghĩ tôi là gã lì lợm, tôi được Biệt đội đặc biệt kỹ thuật (thuộc phòng 7, Tổng Tham mưu) chiếu cố. Biệt đội đặc biệt kỹ thuật được Mỹ huấn luyện ở Cambodia (Cam-pu-chia), hoạt động ở những vùng xôi đậu để bắt sóng truyền tin của Việt Cộng. Chính thời gian làm lính Biệt đội đặc biệt kỹ thuật, mấy ông cố vấn Mỹ quan sát tôi, cho rằng tôi có dấu hiệu bệnh tâm thần. Họ đề nghị đơn vị đưa tôi vào Trại Thần kinh Tâm lý trong Tổng Y viện Cộng Hoà. Tôi có viết trong nhiều truyện ngắn về trại tâm thần này, do đó nhiều người đoán biết tôi từng là bệnh nhân tâm thần. Tôi bị giữ (để chữa trị) trong trại gần 2 năm, bị chạy điện mỗi ngày, tôi hóa khật khùng, trông đích thị là một gã điên.

*Rồi sau đó nữa?*

Sau do thể của chú tôi, một nhà văn được xem là lý thuyết gia chống Cộng số 1 của miền Nam (tự do), tôi được đưa về làm việc tại Cục Tâm lý chiến, chuyên “sáng tác” hò-vè-ca dao (tâm lý chiến), và những mẫu chuyện tưởng tượng về Việt Cộng: Vi Xi ngâm cọng đu đủ lặn dưới nước, Vi Xi rút móng tay sơn sơn bạc của phụ nữ... Lúc này tôi có 2 thượng cấp chỉ đạo công việc: trung tá (họa sĩ) Tạ Ty, thiếu tá (thi sĩ) Tô Thùy Yên, và tuy lúc này tôi không cấp bậc gì hết, nhưng nói chung ở thứ lính này, sĩ quan hay binh lính đều được tôn trọng do nghề nghiệp chuyên môn. Ông Viên Linh [nhà văn] cũng chỉ là lính không lon, nhưng được trọng nể hơn rất nhiều ông sĩ quan. Ở đơn vị tác chiến, lính và sĩ quan rất khác biệt, đơn giản vì trình độ học vấn. Có bằng tú tài 1 trở lên mới được vào trường đào tạo sĩ quan. Một người bạn tôi, con nhà gia thế, họa sĩ, trong quân đội là đại úy Biệt Động quân. Anh nghe người lính nào hát nhạc lính “sến” cỡ: *với lòng nàng anh là hoàng tử ư ư...*, là anh lấy roi quất vào người “hoàng tử” ấy

liền. Tôi nói, nếu hấn không hát những bài hát “sến” như vậy, hấn đâu phải là lính của anh. Chàng sĩ quan Biệt Động quân cười mà nói: *Đã đành số phận kẻ ngu đần* (thơ Đỗ Quý Toàn).

*Bước vào cái mốc của 30-4-1975, ông ở trong hoàn cảnh như thế nào?*

Sau 30-4-1975 tôi vừa đúng 30 tuổi, và hết còn là lính bất cứ binh chủng nào. Lên rừng Tu t'ra (Đơn Dương, Đà Lạt) với ý định sống cùng người Thượng không xong, đi nhật trái thông khô cho những lò than ở Đà Lạt cũng không xong, tôi về Sài Gòn làm công nhân xưởng đóng tàu ở Nhà Bè (tôi khai có nghề đóng quan tài), và lấy vợ. Tám năm sau tôi thoát cái còng số 8. Lại can tội không giác ngộ, đeo một cái còng số 8 khác, cho tới hôm nay (và có lẽ tới ngày xuống lỗ). Sự thật, hôn nhân đối với tôi không phải nhà tù, mà là một bản hợp đồng. Khi một trong hai người vi phạm điều khoản nào đó, hợp đồng rất dễ bị hủy. Về phụ nữ nói chung, tôi thích có những quan hệ rõ ràng, chóng vánh, dứt khoát. Nên tôi ưa thích những người tình một vài giờ chứ không phải những người tình trăm năm (của Trịnh Công Sơn). Tôi biết có những phụ nữ đáng nhớ lắm, nhưng con đường tình với họ dài dặc lê thê, ớn quá.

Nhiều năm sau 30-4-1975, tôi sống khó khăn, phải làm đủ thứ công việc để tồn tại qua ngày. Rồi cũng có cơ hội sống bằng ngòi bút (bàn phím máy vi tính), đó là việc làm hiện nay: viết báo để sống mà viết văn (và làm thơ).

*Sao ông không nói về con đường vào nghiệp văn của mình nhỉ?*

Năm 16 - 17 tuổi, tôi học lớp đệ nhị (ban C - Văn Chương), trường Chu Văn An. Tôi chú ý tới một ông thầy dạy môn tiếng Pháp (không phải lớp tôi), ông [thi sĩ] Nguyễn Đăng Thường. Trông ông trẻ đẹp như thi sĩ Arthur Rimbaud, phục sức rất à la mode, rất hợp với dáng vẻ của ông. Nên khi đọc một truyện ngắn của Nguyễn Đăng Thường (sau này ông cho biết là truyện ngắn đầu tay) trên tạp chí *Trinh Bày*, tôi mê quá và khởi sự viết truyện ngắn từ đây. Trong một tháng tôi viết được 3 truyện ngắn, chưa dám gửi báo nào, sau đó biết có chỗ để gửi thì tìm không ra bản thảo của cả 3 truyện ấy, tôi đã để chúng thất lạc. Thầy dạy tôi môn tiếng Pháp lớp đệ nhị C là ông Đặng Tương, có lẽ cùng promotion với ông Nguyễn Đăng Thường. Lúc nào cuốn *La Nausée* của Sartre cũng nằm trong tay ông. Ông như người bị u uất gì đấy, không dạy học theo chương trình, thường nói triết học hiện sinh với học trò chưa học triết. Một hôm ông tặng tôi cuốn *La Nausée* mua mới, ông nói: “Em (thay vì con, như tiếng xưng hô giữa thầy trò trước 30-4-1975) nên đọc cuốn này. Em sẽ rất thích nó”. Một tuần lễ sau, ông tự vẫn tại một căn phòng ở building Cửu Long (đường Hai Bà Trưng), ông trọ tại đó. Xấp bài thi lục cá nguyệt của lớp đệ nhị C còn để nguyên, ông chưa chấm. Lúc nhân viên ở tòa cao ốc cho thuê phòng này phát hiện, hình như ông đã chết hai, ba ngày rồi. Hình ảnh ông thầy Đặng Tương cứ ám tôi mãi. Tôi nghĩ, điều ấy đã ít nhiều ảnh hưởng tới đời tôi, trong đó tất nhiên có chuyện viết.

Khi Joseph Huỳnh Văn, thi sĩ, người bạn tri âm tri kỷ của tôi chủ trương một tập san văn chương, anh thúc giục tôi viết truyện ngắn, chuyên về truyện ngắn cho tập san, tôi bắt đầu chuyên chú viết truyện ngắn, viết cho mỗi số (cách nhau từ 1 tới 2 tháng). Truyện ngắn "Đại Hồ Cầm" xuất hiện ở đây. Báo ra được 1 ngày, ông Thanh Tâm Tuyền đọc ngay truyện ngắn của tôi. Từ Trường Cao đẳng Quốc phòng, ông gọi điện thoại đến chỗ tôi (Cục Tâm lý chiến) nhiều lần trong ngày (vì tôi đi đâu đó ngoài trại), nhắn tôi hết giờ làm việc ra cà phê vỉa hè đường Gia Long. Tôi nghĩ có chuyện gì. Ông cười rất vui: “Có chuyện gì đâu, đọc cái truyện "Đại Hồ Cầm" của cậu tôi thích quá, mới nhắn cậu ra đây”. Và thêm một câu nữa của ông Thanh Tâm Tuyền, người tôi quý trọng nhất trong văn nghệ (và cả trong cuộc sống): “Tôi cũng muốn viết một loạt truyện ngắn như thế này”. Cái câu thêm này đã thêm sức cho tôi trong công việc viết văn.

*Mong anh nói thêm về quãng thời gian ở nhà thương điên?*



Xã hội nào cũng có những chuẩn mực của nó. Ai xa rời chuẩn mực xã hội, ít hoặc nhiều, có thể bị xem là hơi khùng hoặc rất điên. Và có hai loại để gọi là điên, nên Tổng Y viện Cộng Hòa (của quân đội trước 30-4-1975) chia hai trại thần kinh: Trại thần kinh Tâm lý và Trại thần kinh Giải phẫu. Thứ điên do cơ thể có trục trặc gì đó tạo ra, điều trị ở trại Thần kinh Giải phẫu. Họ đưa tôi vào trại kia, như tên gọi, điên do tâm lý (bị cú 'sốc' nào đó, bị ám ảnh gì đó...). Tôi bảo đảm, ở tất cả những nhà thương điên lớn nhỏ khắp Việt Nam, chưa có khả năng chữa trị bệnh tâm thần. Vậy phải trả lời (thêm): Tôi từng ở nhà thương điên, còn tôi có điên không là chuyện khác. Điều này thì anh có thể nhận xét. Anh có biết danh ngôn phương Tây này: Il y a toujours un peu de folie dans l'amour. Chắc chắn tôi đã điên nặng, vì tình yêu (rõ ràng, cụ thể, chóng vánh).

*Ừ cái lý lẽ về nhà thương điên của ông cũng đúng... Rời nhà thương điên để sống cuộc sống bình thường đâu dễ, vậy mà làm được, lại viết được vài trăm tác phẩm nữa, cũng lạ!*

Đến ngày này (12/8/2005), tôi viết cả thầy khoảng 100 truyện ngắn & 100 bài thơ, đều đã in trong 2 tập truyện ngắn & 1 tập thơ; và các báo, kể cả báo in & báo mạng internet. Điểm chung trong tất cả những gì tôi viết, cả thơ & truyện ngắn, là cách viết, cách nhìn... còn cách viết-cách nhìn như thế nào, thì mời đọc. Có lẽ câu trả lời làm anh ngỡ ngàng chẳng?

*Hoà với không khí tiếp thị và quảng bá tác phẩm theo nhiều hình thức như hiện nay. Nếu bị buộc nói về công việc sáng tác và thưởng thức các tác phẩm của mình, ông sẽ nói sao?*

Nếu có một mệnh lệnh của kẻ có uy quyền ngang với thần chết, buộc tôi nói rằng tôi đã làm tác giả & độc giả của chính mình ra sao, thì tôi xin thưa: Trước đây tôi viết phải có cảm hứng, khi viết, một tay tôi cầm cây viết, một tay tôi cầm cục tẩy. Viết xong, bằng mọi giá, tôi tìm tư thế thoải mái nhất để tự thưởng thức mình. Sau đó, tôi có sẵn tự tin và niềm sung sướng để tìm người chia xẻ. Bây giờ, tôi viết, vẫn cầm cục tẩy, nhưng để tẩy chỗ nào mà trước đây tôi đã dùng nó để thay thế vào chỗ tôi đã tẩy. Sau đó, tôi đọc với con mắt của một nhà phê bình tưởng tượng nào đó sẽ soi mói vào để chê bai. Tôi đưa cho một người bạn tôi tin cậy đọc, và hỏi họ thấy tôi viết ra sao.

*Nghĩa là ông đặt một con người khác vào tác phẩm của mình? Rất khác với cách của các nhà văn khác?*

Tôi làm thơ & tôi viết truyện ngắn là một. Thú thật, bây giờ tôi mới đưa thơ tôi đến gần văn của tôi. Và nói riêng về truyện ngắn, có khi tôi lại làm ngược, nghĩa là đưa truyện ngắn về gần với thơ, tất nhiên là thứ thơ đã đến gần văn của tôi như bây giờ.

Vì thế, anh có là thần chết cũng không buộc được tôi so sánh mình với bất cứ tác giả nào khác. Còn tự nói về mình? Nếu anh thật sự muốn nghe tôi tự nói về mình, tôi sẽ nhờ anh nói giùm vậy.

*Ông cũng không nhìn lại suốt chặng đường văn học của mình không?*

Tôi không thích nhìn lại những gì tôi đã đăng báo, in sách. Tôi đã xong việc với nó rồi. Tôi chỉ bận tâm với cái tôi sắp viết, nghĩa là bận tâm làm sao để không lặp lại cái chỉ đáng giá viết ra 1 lần, khai thác (đào sâu & nhìn xa) 1 lần đã là quá đủ.

*Thế nếu phải hỏi ông về văn học Sài Gòn trước và sau 1975?*

Trước 30-4-1975, Sài Gòn hiển nhiên có một nền văn học, tôi chui ra từ đó. Tôi viết gì thì viết, tới sau 30-4-1975, tôi chỉ có thể viết như xưa trên sách báo in của người Sài Gòn ở hải ngoại,

và dĩ nhiên trên báo mạng Internet. Văn nghệ & tự do là cặp song sinh đặc biệt cùng một cuống rốn. Không có đủ tự do, thì đừng nói gì nhiều.

*Rồi cả những tác giả khẳng định tên tuổi mình sau 1975?*

Bạn văn nghệ của tôi hiện nay toàn là người viết sau năm 1975. Tất nhiên tôi chỉ thích chơi với bạn văn nghệ tôi cho là ra hồn, đáng giá, hoặc đáng chờ đợi. Số người này cũng không đến nỗi quá ít. Về văn, tác giả (chắc là viết sau năm 1975) tôi ưa hơn cả, là một nhà văn nữ ở miền Bắc, nay lại sống ở nước ngoài, Phạm Thị Hoài. Về thơ, Nguyễn Quốc Chánh. Chả cần phải tôi nói ra anh mới biết, Phạm Thị Hoài mà tôi chưa từng gặp mặt, qua những gì tác giả đã viết: một con người thông minh, thẳng thắn, trung thực, cóc sợ cái quái gì... Tôi cũng sung sướng không kém khi có người bạn nhỏ tuổi hơn tôi đúng 1 giáp, nhà thơ Nguyễn Quốc Chánh. Chánh có thể đá ra quần khi nghe tiếng gõ cửa lúc nửa đêm, nhưng Chánh vẫn là anh chàng cóc sợ cái gì hết, khi viết... Vậy thì còn cần nói gì thêm, khi chúng ta đã có một nhà văn và một nhà thơ đặc chất phản kháng, giữa thời đại của sự tha hóa con người lên tới cao độ ở xứ sở chúng ta?

*Rồi cả chuyện so sánh nền văn học với các nền văn học thế giới?*

Văn học Việt Nam & văn học thế giới ư? Tại sao phải thử đặt cái này vào trong cái kia làm chi cho buồn bực, khi mình biết cái lũy tre xanh của làng xã mình có đốn chặt hàng trăm lần cũng khó mà tiêu hủy được.

*Chẳng lẽ ông không quan tâm bất kỳ điều gì?*

Xứ sở ta, sau 1975, tôi không thấy có một biến chuyển tích cực nào, mà ngược lại, vô số biến chuyển tiêu cực. Vấn nạn lớn nhất hiện nay của xứ sở ta, là làm sao để có chút ánh sáng cuối đường hầm dài dằng dặc như dãy núi Trường Sơn kia, đưa văn minh vào đời sống của dân Việt.

Nói riêng về hiện trạng giáo dục Việt Nam chẳng hạn. Chỉ có được một chút hi vọng ở chỗ những người có trách nhiệm về giáo dục đang loay hoay để làm sao thay đổi cái hiện trạng giáo dục nào nề, ấu trĩ và bỉ ổi này.

*Vậy thì đi sâu vào tác phẩm một tí, ông bắt đầu với một truyện ngắn như thế nào?*

Tôi bắt đầu 1 truyện ngắn bằng 1 nhan đề truyện. Hoặc có cái nhan đề, rồi ngồi trước bàn phím máy vi tính, hoặc cứ ngồi trước, cố nghĩ ra cái nhan đề.

*Một tác phẩm thành công, được ông hình dung?*

Một tác phẩm thành công, mà cụ thể như bài thơ chẳng hạn. Nó sẽ mang người đọc (nhưng mang mình trước đã) ra khỏi tình trạng tinh thần hiện tại. Bài thơ có thể làm mình hưng phấn như chưa từng hưng phấn, có thể làm mình muốn chết một cách hân hoan. Cả yêu đời & chán đời đều mãnh liệt. Nó như buổi trưa mà nhà văn Cioran nói: chỉ những kẻ cực kỳ yêu đời & cực kỳ chán đời mới yêu thích thời khắc ấy.

Một truyện ngắn thành công thức tỉnh cái đang ngủ, cái u mê, cái lãng quên trong ta. Nó có thể chẳng giống truyện ngắn như ta biết, nó là bất kỳ cái gì nhà văn có thể viết, nhưng nó khiến người đọc thích thú hơn bất kỳ truyện ngắn nào được xác định là truyện ngắn. Vậy là thành công rồi.

*Ông đã có được nó chưa?*

Tôi luôn nghĩ mình có ít nhất một cơ hội để nói rằng mình có một tác phẩm thành công; cơ hội đó đang ở trong tác phẩm *mà tôi sẽ viết*. Tại sao ư? Tại vì tôi chưa viết được tác phẩm đó, một tác phẩm đang chờ đợi tôi ở chỗ nào đó, rất gần hoặc ở mãi xa kia, mà tôi cũng chưa biết.

*Có khi nào tự hỏi, mình viết văn vì lý do gì?*

Viết văn vì lý do gì? Câu hỏi hơi bị kỳ quặc. Tôi viết văn vì không thể không viết. Cần nói thêm tôi sẽ chỉ có thể nói, rất thành thật: Tôi tin ở khả năng viết văn của mình.

*Quan điểm này được ông gìn giữ từ khi mới bắt đầu cầm bút tới giờ?*

Từ lúc 20 tuổi tới bây giờ, tất nhiên quan niệm về đời sống, về nghiệp văn có nhiều dịch chuyển; dịch chuyển chứ không biến chuyển. Nhưng may mắn, tôi nghĩ vậy, càng nhiều tuổi, những gì đầy trong quan niệm của tôi, về đời sống & nghiệp văn, đều tăng tiến, từ dịu dàng tới mãnh liệt. Bây giờ say mê cái gì, tôi luôn tự nhủ: (say mê tới) chết bỏ.

*Với ông, đồng tiền có ý nghĩa gì?*

Một xã hội thì đương nhiên sức khơi gợi và quán chiếu của đồng tiền có một ảnh hưởng nhất định, nhưng một cá nhân, là tôi, đồng tiền chả có ảnh hưởng gì, dù một chút xíu. Tôi sẵn sàng xin tiền ăn cơm, nếu tôi đói bụng mà chẳng có xu trong túi.

*Nhiều người nói Nguyễn Đạt già mà vẫn còn sung. Mà sung thì rất nguy hiểm cho sức khoẻ. Ông nghĩ gì về sự nguy hiểm này?*

Đúng ra thì tôi viết là sung nhất, những các khác sung thường thôi. Nhà viết phê bình, tiểu luận, khảo luận đáng nể Nguyễn Hưng Quốc từng email cho tôi, rằng ông khâm phục sự viết liên tu bất tận, đặc biệt là những cái gọi là truyện ngắn của tôi gửi báo mạng Tiền Vệ... Tại sao ư? Tôi tiết lộ nhé: tôi gặp một phụ nữ mà đại triết gia Nietzsche bảo (rằng) có những phụ nữ giúp ta (cực kỳ) hưng phấn trong sáng tạo... Người đó là người tôi đã viết (về) rất nhiều lần, nghĩa là trong rất nhiều truyện ngắn của tôi (ở Tiền Vệ).

Còn quan niệm của tôi về 60 năm cuộc đời? Anh có từng nghe ca từ nhạc (sến) này, ở Sài Gòn (và miền Nam tự do, trước 30-4-1975): Anh ơi có bao nhiêu / 60 năm cuộc đời... Tôi rất vui khi ai xem tướng cũng nói tôi có tuổi thọ cao. Và tôi rất ghét khi ai khen tôi đẹp lão. Tôi thích người Pháp, họ ghét tiếng *già, lão*, gọi các lão niên là *homme agé*. Tuổi đời chẳng ăn chung gì hết, đó là tuổi biểu kiến. Tuổi thực sự là tuổi của tâm hồn. Tâm hồn trẻ ắt nhiên có sức sống như tuổi trẻ. Râu tôi bạc từ năm 40 tuổi, lúc đó nhà thơ Bùi Giáng viết trên giấy bạc trong bao thuốc lá mấy câu thơ tặng tôi, có câu: *Râu ria bạc trắng tâm hồn xanh um*.

*Trước khi kết thúc bài phỏng vấn này, ông nghĩ gì về anh trai mình, nhà văn-dịch giả Nguyễn Nhật Duật?*

Anh muốn biết về anh trai tôi, Nguyễn Nhật Duật như một nhà văn, một dịch giả ư! Ngoài tiếc thương của người em, tôi tiếc thương anh tôi là một cây bút viết tiểu luận, khảo luận văn học - triết học đáng trân trọng. Gọi Nguyễn Nhật Duật là nhà văn thì hơi hụt. Tôi được đọc một truyện ngắn, có lẽ là truyện ngắn duy nhất của Nguyễn Nhật Duật, thấy bớt nể anh mình, một cây bút tiểu luận, khảo luận thì đáng nể hơn.

*Cuối cùng, ông nghĩ gì khi trả lời bài phỏng vấn này?*

Nếu có duyên thì hẹn anh một dịp khác, tôi nghĩ còn hơi sớm để trả lời tất cả và chi tiết các câu hỏi của anh, rất là nhiều. Lần này chỉ tập dượt và tóm gọn thôi.

*Xin chúc ông sức khoẻ. Và cảm ơn vì sự nhiệt tình trả lời email trong hơn một tháng, từ ngày 04-8 đến 24-9-2005.*

*La Hán Phòng, 25-9-2005*

*Vì một vài lý do khách quan, sau gần 4 tháng, bài phỏng vấn này mới được gửi đến Tiền Vệ.*

## Vĩnh biệt Thanh Tâm Tuyền

Trưa 23-3-2006, nhận tin báo từ Mỹ của anh Đinh Cường: Thanh Tâm Tuyền đã từ trần... Một cái gì đó vỡ nát trong tôi. Điện thoại cho Trần Thị Ngh., anh Nguyễn Tiến Văn (định cư Canada, về ở lâu tại Sài Gòn)..., tất cả đều đã biết tin Thanh Tâm Tuyền mất.

*Mỗi nhà văn là một kẻ sống sót, Thanh Tâm Tuyền ra đi, mãi mãi để lại những lời thì thầm giữa cơn cuồng nộ của lịch sử. Quý trọng Thanh Tâm Tuyền, tôi càng quý trọng anh, một nhà văn dám thừa nhận sự thất bại. Tôi đã rất yêu mến anh, lưu giữ những ngày Sài Gòn, cà phê chiều vỉa hè dưới bóng mát tàn cây me đường Gia Long, câu chuyện văn nghệ không làm màu, tước bỏ mọi ảo tưởng, nhà văn không có gì ngoài cây bút bé mọn chỉ có thể viết nên nhịp thở **anh một trái tim em một trái tim / chúng kéo đây đường chiến xa đại bác...***

Những ngày Sài Gòn, câu chuyện văn nghệ giữa cái bàn cái ghế, ông lính già trông nom cái ăn cái uống trong cơ quan Trường Cao Đẳng Quốc Phòng. Ông lính già thân thiết ấy hỏi anh Tâm: “Chắc cái lưng đại úy hơi gù gù vì ngày xưa...”, ông đại úy cười rất vui rất thật, cắt ngang: “Anh lại nghe người ta bảo rằng tôi cứ là hay đi vòng vòng bờ hồ Hoàn Kiếm, nên cái lưng tôi nó gù gù chứ gì. Sự thật là hồi nhỏ, ở Hà Nội, tôi phải đi gánh từng gánh nước ở phòng-ten về nhà dùng, nên làm sao cái lưng nó chả gù gù.” Lúc đó tôi là binh nhì ở Cục Tâm Lý Chiến, có lần quá bức ông “sếp văn nghệ”, thổ lộ với anh Tâm rằng tôi định xin đi học lại nốt giai đoạn 2 ở trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Anh Tâm bảo: “Cậu chớ để cái tự ái nó hại mình. Chịu đựng được ông sếp nhiều trái tính trái nết đó cậu mới khá.” Nghĩa là, do lời khuyên của anh Tâm, tôi không động đậy gì nữa ở cái phòng làm việc suốt mấy năm trời, mà cũng không thấy ngọt ngào nữa. Cũng vì anh Tâm quan tâm đặc biệt tới việc viết lách của tôi, nên tôi hằng hái viết truyện ngắn, thứ mà bây giờ nhìn lại, tôi thấy tôi phù hợp với nó hơn phù hợp với thơ.

Lúc anh Tâm đi “cải tạo” tập trung, anh bảo tôi mang con Lu về nuôi: “Tôi đi học tập cải tạo, cậu mang nó về mà nuôi, ở nhà tôi chắc chả ai trông nom nó bằng cậu được. Khi nào nó đẻ, cậu giữ lại cho tôi một con.” Lu có đẻ mấy con, dưới gầm đi-văng, không hiểu sao, mấy ngày sau chẳng thấy con nào nữa, Lu thì kêu rít thảm thiết. Lúc anh Tâm “học tập cải tạo” ở miền Bắc về, con Lu bị bọn trộm đánh cắp.

Anh Tâm “học tập cải tạo” được về nhà vào đúng ngày 30 Tết, tôi là người thứ hai tới thăm anh. Người thứ nhất tới thăm anh, một chàng viết lách có cặp kè với công an sao đó, không rõ vì sao anh Tâm biết, anh nói với chàng này rằng anh quá mệt, xin được miễn tiếp. Cái lần anh cũng quá mệt như vậy, tôi cũng phải ngạc nhiên. Anh tới nhà anh Tô Thủy Yên, dắt chiếc xe đạp vào sâu cái khoảng hẹp giữa hai bức vách. Rồi anh lại trở vào cái khoảng hẹp đó để loay hoay dắt cái xe đạp ra, đi về. Chàng nhạc sĩ “ăn cơm Quốc Gia thờ ma Cộng Sản” đang ngồi ở bàn uống cà phê giữa sân nhà anh Tô Thủy Yên, anh ta vụt đứng dậy, nói với theo, giọng trợ trệ tiếng Huế: “Tôi tệ hại chi mô mà anh không ưng gặp mặt?”

Anh Tâm đã từ trần, tôi thấy tôi bơ vơ quá. Mười mấy năm nay không gặp anh, nhưng vẫn biết anh có mặt, có hít thở dưới bầu trời, một bầu trời dù quá mênh mông, anh một phương, tôi một phương. Tôi đau tiếc lần anh về Sài Gòn, tôi biết muộn, không gặp được anh. Lần đó tôi tiếc nhưng hy vọng lần sau thế nào mà chẳng gặp.

Tôi còn lần nào để gặp anh Tâm, để tin chắc rằng, vẫn còn sờ sờ đây, người không bao giờ bôi vẽ, trá hình với cây bút.

## Thơ Vi Diệu ngắn ngủi

Ngay sau Sài Gòn Giải Phóng (giải phóng cái gì?) tôi lấy vợ, cô Lệ, em cô Hạnh, bạn gái vợ vẫn của tôi. Trước lúc “được giải phóng”, là những ngày Sài Gòn hoảng loạn, sôi sục chuyện ở, đi. Nhà thơ Tô Thùy Yên, trong quân đội là thiếu tá trưởng phòng văn nghệ, cục tâm lý chiến, “sếp” của tôi. Ông nói ngang tàng, phẫn nộ: “Việt cộng mà nó chiếm được Sài Gòn, tôi thà đi công trường chớ không tháo chạy như lũ hèn hạ.” Tôi, thành thật như một nhà thơ: “Tôi cũng ở lại, nhưng tôi không sống ở Sài Gòn. Tôi đi vào rừng.” Tôi đi vào rừng thật, lên Đơn Dương, vào rừng Tut’ra. Tôi từng biết vùng rừng này, quen một người bỏ Đà Lạt vào sống tại buôn Thượng. Buổi chiều, trên thềm tối của căn nhà người quen ấy, tôi áp úng, nói cà lăm, trả lời mấy ông giải phóng về lý lịch nhân thân. Ngay sáng hôm sau, tôi trở lại Sài Gòn. Chính thời gian này, đã cho phép tôi ghi vào tiểu sử in ở bìa gấp của một tập truyện ngắn *làm nhiều nghề mưu sinh*, kể sơ thì có nghề phụ hồ, nhỏ hàng trăm cây cọc sắt, hàng rào của một trại lính cũ, chạy dọc dài con đường Cường Để thơ mộng tới bờ sông Sài Gòn. Con đường chẳng thể ghi dấu những buổi đi dạo với Hạnh. Tôi còn nhớ như mới hôm nào, tiếng cười rúc rích chuột kêu của cô nữ sinh Gia Long bên vai anh chàng vận đồ nhà binh, quân nhu phát sao mặc vậy. Hạnh du học tự túc bên Nhật, trước Sài Gòn Giải Phóng vài năm.

Chính Hạnh ngạc nhiên khi biết tin tôi thành hôn với Lệ. Hòa thì bực giận. Hòa là em Lệ.

Trước ngày đám cưới, người mẹ của ba cô gái nói với cô dâu: “Sao con lại lấy cái thằng lẳng nhăng ấy?” Bà biết tôi từng là bạn trai của Hạnh, sau đó hay gặp Hòa. Rồi lấy Lệ.

Từ Paris, Hạnh lúc đó ở Paris, gửi quà về gia đình khốn khổ ở Sài Gòn Giải Phóng. Tôi nhận được cái đồng hồ đeo tay loại rẻ tiền, vỏ xi vàng như hàng mã, và một lá thư có những lời khuyên nhủ đáng giá: em phải sống thực tế, không thể mơ mộng như trước nữa, vân vân... Tôi không viết trong thư phúc đáp, mơ mộng mẹ gì được nữa, mấy ông Việt cộng giải phóng hết mẹ cả rồi. Tôi viết: dù tôi lấy em hay lấy con của Hạnh, cô cựu nữ sinh Gia Long cũng đừng ra giọng bà chị, bà mẹ.

Lệ ra trường sư phạm vào năm Sài Gòn Giải Phóng, dạy học ở Thủ Thiêm, được cấp nhà trong cư xá công nhân viên. Giáo viên của nhà nước cách mạng, năm nào cũng học tập bồi dưỡng chính trị. Cô giáo Lệ học tập trung ở Thủ Đức. Đợt bồi dưỡng chính trị năm 1983, tôi không biết làm gì cho hết một ngày trống rỗng thất nghiệp, đi xe đạp từ Thủ Thiêm lên Thủ Đức, định cùng về khi cô giáo Lệ hết giờ học. Hóa ra Lệ gửi xe đạp ở nhà người quen tại Thủ Thiêm, lên xe gắn máy Honda người bạn trai chở đi học, và tất nhiên sẽ chở về. Người bạn trai này là đồng nghiệp buôn bán “chợ trời” với người mẹ của Lệ.

Tôi chẳng nhớ lúc ấy tâm trạng mình ra sao, đạp xe trên những con đường thị trấn. Tới nhà ga, quẹo vào. Quẹo xe, liền nhớ một câu thơ Viên Linh: *Á xe ta quẹo lối này*. Vào nhà ga, tức thời nhớ hai câu thơ Bùi Giáng: *Môi cười ở cuối sân ga / Phố là cổ quận nay là tiền nhau*. Thi ca thần diệu thật, tôi chẳng còn nhớ gì cô giáo và anh chàng chợ trời. Tôi nghe tiếng hét, ông Bùi Giáng kêu tên tôi: *Dã quỳ đại ca!* Ông Bùi Giáng xách bị tới nhà ga Thủ Đức. Ông Bùi Giáng lúc nào cũng mang theo cái bị, nó là cái bao tải bần thủ, tôi chưa từng hỏi ông đựng những gì trong đó, ông cũng chưa từng tiết lộ mình đựng những gì trong đó. Có một lần tôi biết trong cái

bao tải có chó con, không biết là mấy con, nghe tiếng chúng kêu, rên âm ỹ. Tôi hỏi ông, có mấy con trong cái bao, ông nói quên chưa đếm, cũng may sau đó ông không trút ra để đếm.

Lần này ông Bùi Giáng tiết lộ: “Có một bao thuốc lá Điện Biên trong bị đây, đại ca cùng trầm gà bán lại cho hàng thuốc lá nào đó, lấy tiền uống rượu.”

Ông Bùi Giáng đi bộ, vai mang cái bị. Tôi cũng đi bộ, tay dắt cái xe đạp, nó cũ kỹ xộc xệch, không chờ đợi được. Chúng tôi đi mời chào ga bán bao thuốc lá Điện Biên cùng khắp dọc đường từ Thủ Đức về Bình Triệu chẳng ai mua. Ông Bùi Giáng bảo: “Đại ca chớ buồn, mà phải vui. Không ai mua thuốc lá Điện Biên, vì đây là thuốc lá Việt cộng, dân chúng tẩy chay thuốc lá Việt cộng.” Ông Bùi Giáng cùng ngồi xuống với tôi, trên lề đường, phía ngoài nhà ga Bình Triệu, chắc hẳn đôi chân ông cũng rã mỏi như đôi chân tôi. Ấy tuy nhiên, sau lưng hai người là một nhà ga, cuối sân ga có nụ cười.

\*

Sau đó tôi chỉ liên hệ với Lệ, làm thủ tục ly dị. Sau đó nữa, tôi gặp Vi Diệu, trong một hiệu sách quốc doanh gọi là Hiệu Sách Nhân Dân. Tôi vào đó để mua bộ sách Lê-nin toàn tập, gồm mấy chục cuốn, giấy trắng mịn mỏng như giấy sách Kinh Thánh, những người mua giấy cân kí trả giá rất cao, gấp nhiều chục lần giá mua từ hiệu sách nhân dân. Với tiền bán bộ sách này, tôi có thể chi tiêu rộng rãi cả tháng, nên tôi cố mua cho bằng được. Những người phụ trách bán sách ở các hiệu sách nhân dân tại Sài Gòn đều biết vụ việc đó, nên họ chỉ bán cho những ai có giấy giới thiệu của ngành văn hóa thông tin. Cái giấy quý giá này, thỉnh thoảng tôi mới xoay xở được.

Tôi vào Hiệu Sách Nhân Dân ở con phố gần nhà, nhà của cha mẹ, tôi về lại đây sau khi chia tay Lệ, xem còn bộ sách Lê-nin toàn tập nào không. Nếu còn, tôi sẽ đi xoay xở giấy giới thiệu. Cô gái đứng sau quầy thu hút tôi ngay lập tức. Cô hơi cúi đầu xuống, đọc sách gì đấy, tóc thả hai bên khuôn mặt thanh tú trong trẻo. Dáng người thanh mảnh càng thêm vẻ rét mướt cao nguyên, cô gái thu mình thêm cho sự tập trung đọc sách. Thay vì hỏi về bộ sách *Lê-nin toàn tập*, tôi hỏi cô đang đọc cuốn sách gì. Cô gái mỉm cười, nâng cuốn sách cho tôi thấy bìa sách: *Ngàn Thu Rót Hột*. Tôi bắt chuyện dễ dàng, nói về Bùi Giáng, cả về thơ lẫn về người. Tất nhiên sau đó tôi biết tên cô gái, Nguyễn Thị Xuân Diệu. “Chắc ba hay má cô thích thơ Xuân Diệu?” Cô gái lại mỉm cười, nói: “Có lẽ ba tôi chỉ thích cái tên đó, đặt tên cho tôi, trùng tên nhà thơ Xuân Diệu mà thôi.” “Còn cô có thích thơ Xuân Diệu?” Cô gái cười thành tiếng nhỏ, rằng thật đẹp, có một chiếc răng khểnh, “Có lẽ tôi thích thơ Xuân Diệu hơn vì cái tên chứ không phải vì thơ Xuân Diệu.”

Tôi nhìn xuống mặt quầy, một bàn tay cô gái úp trên trang sách, những đường gân xanh hiện rõ. Tôi hỏi cô đọc thơ Bùi Giáng nhiều không, cô nói: “Tôi đọc thơ Bùi Giáng từ hồi học ở Đại học Vạn Hạnh. Hồi đó vẫn thường thấy ông Bùi Giáng với cái bị.” Tôi kể chuyện ông Bùi Giáng ga bán bao thuốc lá Điện Biên để lấy tiền uống rượu, cô gái hỏi: “Thế anh cũng không có tiền à?” “Thỉnh thoảng cũng có. Chẳng hạn khi nào có giấy giới thiệu mua *Lê-nin toàn tập*.” Cô gái nhìn tôi, cái nhìn lo lắng, “Bây giờ anh có giấy giới thiệu không?” Tôi lắc đầu, nói: “Khó là cái giấy giới thiệu.” Cô gái nghĩ ngợi một chút, nói: “Thế anh có tiền lấy bộ sách này không?” “Chẳng lẽ lại không có!” Cô gái bán cho tôi bộ sách *Lê-nin toàn tập* không cần giấy giới thiệu.

Tôi lại gặp ông Bùi Giáng, dĩ nhiên lại gặp cả cái bị, ở khu vực Viện Hóa Đạo cũ, một vài ngày sau khi tôi có tiền rủng rỉnh vì *Lê-nin toàn tập*. Ông vận chiếc áo khoác rất đẹp, ông nói của Công Thế Cường ở Mỹ về tặng. Tôi biết Công Thế Cường, một chàng rất đẹp trai, làm ở ngành ngoại giao thời tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, nghĩa là một chàng bánh bao trăm phần trăm, chiếc áo khoác chàng tặng nhà thơ đẹp như xứ sở Hoa Kỳ.

Ông Bùi Giáng nhìn tôi, ánh mắt sáng lên một vẻ điên dại, “Chớ nhà người tưởng ta vận áo đẹp khơi khơi như vậy hả? Đi với ta, tới gặp một trang quốc sắc.”

Ông dẫn tôi tới con phố nhỏ hẹp, đường Trần Văn Văn cũ, dừng lại trước một căn nhà nhỏ, cửa sắt đang đóng. Ông đặt cái bị xuống, mở cửa sắt, tiếng kêu rít vang lên, ông đứng giữa chỗ trống, ngang tàng như một hiệp sĩ thời Trung Cổ.

Cô gái đẹp, tôi cho rằng chỉ có khuyết điểm là vẻ mũm mĩm, và một vẻ tươi thắm quá tràn đầy, ông Bùi Giáng giới thiệu cô gái là Người Đẹp Hồng Ngự. Tôi liền nhớ tới (Nguyễn Thị) Xuân Diệu, quyết định sẽ dẫn ông Bùi Giáng tới, ngay sau khi rời nhà người đẹp Hồng Ngự. (Nguyễn Thị) Xuân Diệu bối rối khi gặp nhà thơ Bùi Giáng bằng xương bằng thịt. Ông Bùi Giáng hỏi chuyện giọng oang oang, cô gái trả lời lí nhí trong cổ họng. Nhà thơ xé bao thuốc lá, lấy miếng giấy bạc bên trong, viết hai dòng thơ tặng: *Gọi là Vi Diệu cô nương / Mùa Xuân hương sắc xin nhường cả hai.*

Những ngày sau đó tôi tới thường xuyên, gần như ngày nào cũng tới Hiệu Sách Nhân Dân, không phải để rình mua bộ sách *Lé-nin toàn tập*, mà chỉ để gặp Vi Diệu, bởi từ lúc này, như thơ ông Bùi Giáng viết tặng cô (Nguyễn Thị) Xuân Diệu, cô là Vi Diệu của đời tôi. Cô luôn đứng sau quầy, tôi đứng trước quầy, một khoảng cách quá thân mật cho hai người đối diện thì thầm. Ấy tuy nhiên, dù đã thân thiết, dù tôi rất muốn nắm bàn tay gầy guộc nổi gân xanh của Vi Diệu, vẫn chưa một lần tôi chạm tới. Có một lần, chợt nhìn thấy một bàn chân của Vi Diệu phía dưới quầy, tôi thảm cảm ơn cái quầy hồng, không che kín sát đất, bàn chân ấy đặt trên chiếc hài, tôi rút chân tôi ra khỏi giày, đặt bàn chân ấy lên chân Vi Diệu. Cô vội rút chân ra khỏi chân tôi, im lặng một lúc, hỏi tôi: “Anh có đọc truyện *Mối Tình Chân* của Nhất Linh rồi chứ?”

Một ngày sau đó không lâu, tôi không muốn nhớ: Vi Diệu cho tôi biết, cô đã đính hôn. Anh Phan Đình Mỹ Kim, và tôi được ai đấy cho biết, anh Kim sắp đi Mỹ, diện HO, bởi là con của ông tướng Lam Sơn - Phan Đình Thứ. Tôi chưa hề biết, gặp anh Kim, nhưng người cha của anh thì không riêng tôi, một triệu người lính Việt Nam Cộng Hòa biết ông. Nhiều người bảo ông có đeo trước ngực cái bùa hay cái răng nanh của heo rừng gì đó, mũi tên hòn đạn của đối phương thấy là phải né. Cái ông thượng sĩ các ké, có vợ đẹp, vợ được ông tướng Lam Sơn chiếu cố. Ông thượng sĩ nổi khùng, xách súng tìm ông tướng, liền nhận lãnh viên đạn của ông tướng bắn chết tươi, ông thượng sĩ không kịp giương khẩu súng phẫn nộ của kẻ mọc sừng. Tôi từng thương xót bụi tre vàng sọc xanh rất đẹp, trong khuôn viên tư dinh của tướng Lam Sơn. Ông mỗi ngày mỗi ra lệnh cho lính di chuyển bụi tre hết chỗ này tới chỗ kia, tới khi bụi tre quá mỗi chân tức mình mà chết. Mới đây, nghĩa là sau khi Vi Diệu cùng chồng sang định cư ở Mỹ trên mười mấy năm trời rồi, tôi lại biết thêm về ông tướng nổi danh tai tiếng. Hóa ra một người tôi quen thân từ mười mấy năm trời, nghĩa là từ thuở Vi Diệu gắn ngùi của tôi, một ông kỹ sư vi tính từ Hà Nội vào, ông ta là anh em con cô cậu với tướng Lam Sơn. Ông ta bảo, vì sao đó thì ông ta không biết, người anh con cô của ông ta, viên chính ủy cao cấp Việt cộng, lại trở thành viên tướng của quân đội quốc gia, thời tổng thống Ngô Đình Diệm. Nhưng ông ta biết rõ, vì sau Giải Phóng “ông anh tôi có nhờ cậu, là bố tôi, can thiệp giúp, nói với mấy ông cán bộ cao cấp ở miền Nam đừng cho truy tìm bắt tội, họ hiểu làm đấy thôi, ông anh tôi không hề chỉ điểm cho ngục quân ngục quyền bắt giữ một người cán bộ cách mạng nào sất!”

Trước ngày thành hôn với con ông tướng Lam Sơn, Vi Diệu nói trả lại những gì tôi đã viết gửi cô, chỉ giữ lại miếng giấy bạc trong bao thuốc lá của ông Bùi Giáng. Tất nhiên tôi chẳng cầm lại những thứ ấy làm quái gì, tôi nói Vi Diệu muốn liệng đi đâu thì liệng. Vi Diệu nói: “Tôi không thể liệng đi được. Anh không chịu nhận lại, muốn tôi đốt thành tro rồi uống phải không?”

Tôi nói tất nhiên tôi không hề muốn như vậy, tôi chẳng muốn cái gì cả. Muốn như vậy cũng chẳng được, mà có được cũng chẳng để làm gì.

Bây giờ Vi Diệu ở Hoa Kỳ, rất có thể cô đọc báo mạng Tiền Vệ, nghĩa là cô có thể đọc những gì tôi viết ở đây. Anh Phan Đình Mỹ Kim cũng có thể đọc. Nếu thấy chi tiết nào làm anh Kim khó chịu, Vi Diệu hãy nói giùm tôi:

Đây là văn truyện của một anh chàng tên là Nguyễn Đạt, muôn đời ở Việt Nam, bạn của cái ông nhà thơ điên Bùi Giáng ấy mà! Mấy ông ấy điên khùng lắm, có gì mà phải chú ý, để tâm..

\*\*\*

## Phụ đính I :



## Tôi viết

Tôi đã thề, tất nhiên thề với chính tôi, đừng nhắc xa nhắc gần tới cố nhân. H và tôi, như lời thầy coi chỉ tay nói, đều có chung dòng máu Hoạn Thư. Ngồi bên H trên chuyến xe lên thành phố có Nhà Thờ Con Gà, tôi nghe điện thoại. K: “Anh có thể quên đêm Giáng Sinh...?”. “What you mean?... I see... I think that...”. H: “Anh nói chuyện với P. phải không?”. Chỉ nói chuyện với chuyên viên dịch thuật Anh ngữ mới chêm vào những câu tiếng Anh như thế. Tôi nói: “Em thiệt thông minh”. H thông minh, và thông minh kinh khủng, khi nhận định về trình độ tri thức của tôi và của một chàng nọ: “Anh học Văn Khoa, là trường đại học ai cũng ghi danh học được, mà anh lại học dở dang nữa. Còn anh H.D. tốt nghiệp Bách Khoa, là trường đại học phải thi tuyển, đậu mới được vào học”.

Tôi yêu H không phải vì H thông minh, hay vì H không thông minh gì lắm, hay vì H gì gì khác nữa. Giá như tôi biết được rõ ràng vì sao tôi yêu H. Có một cô bạn, Ngọc Châu, thuở sinh viên học chung trường đại học, tôi rất quý trọng. Ngọc Châu vừa xinh đẹp vừa rất thông minh, một cô gái trí thức. Nhưng tuyệt nhiên giữa chúng tôi không có yêu đương gì hết, mà chỉ là một tình bạn ơ hờ. Sự quý trọng đã ngăn cản những gì là thắm thiết, nhưng tôi thú nhận, tôi thường nhớ tới cô bạn học này. Một lần cô nói tôi giống Georges Hamilton, anh chàng tài tử điện ảnh tôi rất ghét, vậy mà từ lần đó tôi lại sung sướng vì mình trông giống Georges Hamilton.

Tôi yêu H, đôi chân đau thấp khớp của tôi đi khắp nẻo đường đồi dốc của thành phố cao nguyên. H đột nhiên đi băng ngang đường, đi như điên cuồng, dây giày xỏ tung. Tôi chạy theo hụt hơi: “Em làm sao vậy?”. Tôi nhìn đôi mắt H đang trong cơn sốt. Cơn nhớ nào dấy lên vậy? Ngày tháng nào trở lại vậy? Bóng hình nào vẩy bọc vậy? Lần đầu tiên, tôi nhận ra sự khủng khiếp của yêu đương, sự đốn hèn, sự mê muội. Có phải tôi đã nói: “H, anh yêu em ngang với những chữ”? Tôi không thể lần mò để tìm ra, rằng tôi nói một sự thật, hay tôi nói một câu văn vẻ để ve vuốt một người tình?

Ở quán trên đồi, H và tôi uống rượu. H không thể uống nhiều như tôi, gã lính biệt kích *đập cứt cổ chai bia*<sup>[1]</sup> một ngàn lần trên tiền đồn Tbone giữa rừng núi Hương Trà, Thừa Thiên-Huế. H đã uống nhiều hơn tôi, kêu thêm rượu nữa. H uống để quên, quên để nhớ? “Em điên rồi”. “Không, em không điên, em chỉ muốn say”. Chiếc khăn choàng cổ rơi tuột xuống nền cỏ ướt sương. “Không, em bỏ khăn choàng cổ ra đây, em cần hơi lạnh luồn vào người”. Tôi không cần hơi lạnh luồn vào người, dù hơi lạnh của thành phố cao nguyên đêm Giáng Sinh thấm qua chiếc áo khoác nhẹ mỏng của tôi. Hơi giá buốt từ trái tim, không phải tôi muốn nói văn vẻ, thứ mà tôi thù ghét. Và trái tim, thứ mà người ta nói để thế vì khai sinh cho tình yêu, tôi cảm phần nó. Tôi sợ hãi nó nhiều ngang bằng cảm phần, tôi thừa nhận như vậy.

Đêm đẹp để huyền bí, đêm dịu dàng, hay đêm đau đớn mừng độc, rồi cũng tàn. Tôi nghe điện thoại, tiếng nói của một người bạn vừa từ Mỹ trở về Sài Gòn: “Ngọc Châu gửi Đăng món quà. Cô ấy dặn Đăng đừng nói năng lung tung như thuở còn đi học nữa. Đừng nói ai nghe cô ấy gửi quà cho Đăng, *oiseau rare* mà cô ấy vẫn nhớ”.



Tôi ngạc nhiên, xúc động vì cô bạn học mà tôi rất quý trọng. Hơn ba mươi năm rồi, tôi không gặp Ngọc Châu. Nhưng tôi chưa trở về Sài Gòn, vì H. Ngọc Châu mà biết, chắc chắn cô sẽ bảo *oiseau rare* đã rã cánh rồi. Tôi đã tự hỏi: tôi có là loài chim lạ? Hình như đã có nhiều lần tôi tin tưởng tôi là loài chim lạ, những lần ấy tôi tra vấn về việc viết của tôi. Tôi sẽ viết những chữ để làm hồ thẹn mỗi khi tôi không tin tưởng vào nó. Tôi chỉ còn những chữ để tôi trú ngụ giữa bao đống nát hoang tàn.

Tôi yêu H, dù H đã từng ngộ nhận về những chữ tôi viết. Còn Ngọc Châu rất thông minh, ngộ nhận rằng tôi hay nói năng lung tung. Đây là một ngộ nhận đáng tiếc, nhưng tôi có muốn cũng không tránh được những gì gây ra ngộ nhận, như mọi người, dù tôi có đích thực là *oiseau rare* chăng nữa.

H mong muốn tôi đừng viết những cái này những cái nọ những việc kia. “Tất nhiên, vì em nói đúng”. Tôi sẽ nhớ như vậy, như ý H muốn, vì tôi nghĩ mình không nói cho vãn về, khi tôi nói tình yêu của tôi đối với H ngang bằng tình yêu của tôi đối với những chữ. “Thế anh sắp viết về cái gì vậy?”. Tôi khó trả lời trước khi tôi ngồi vào bàn viết. Có thể tôi sắp viết một truyện ngắn, có nhan đề: *Ông Nhu sẽ sống tới khi chết*, hoặc một truyện ngắn có nhan đề: *Lão Bạch số đỏ*, vân vân. Nhưng H sẽ có ngộ nhận không, khi ông Nhu; lão Bạch, hai nhân vật tiểu thuyết này có mối quan hệ với H ở ngoài đời.

Sài Gòn, 30-12-2004

## Một tình huống khó xử

H không phải là một tình huống khó xử của tôi. H tự nhìn nhận mình là người phụ nữ lụy tình, và tôi thấy H đúng như vậy, u mê một lão già có 40 năm kinh nghiệm mồi chài phụ nữ. Tôi nói: “Anh sẽ chữa bệnh cho em”, xem chừng H bằng lòng để tôi chữa bệnh. Dù sao H cũng không ngăn nổi ý muốn dò tìm lai lịch của ông thầy thuốc, có lẽ để xác định ông thầy thuốc xứng đáng chữa bệnh cho mình hay không. H nói: “ Anh kể những mối tình của anh cho em nghe đi”. Tôi phải nói tới một ngàn lần: “Anh chỉ được làm một thằng cha *tự xục kẹc* suốt 40 năm mà thôi”. Tôi lấy tuổi 20 làm điểm khởi sự cho hành trình tình yêu, và năm nay tôi sắp 60 tuổi, chẳng 40 năm là gì. H không tin, chính tôi cũng không tin, nhưng sự thật là vậy. Một ngàn người đã nói rằng tôi khá đẹp trai. Bỏ qua chuyện nhan sắc vốn không được xem là quan trọng đối với nam giới, và như người ta thường nói “traoi tài gái sắc”, một ngàn người đã nói tôi là một nhà thơ có hạng, từ năm tôi 20 tuổi. Tôi nhớ năm đó tôi còn làm giùm bài thơ cho cô gái, em một người bạn, theo lời yêu cầu của cô, để cô gửi đăng trên báo xuân của trường. Tôi làm sao nhớ tên cô gái, nhưng còn nhớ vài câu thơ trong bài thơ tôi làm giùm cô: *Tôi nói tôi hoài mà tôi không nghe / Tôi bảo tôi hoài mà tôi không đứng lại / Đừng đi chơi khuya về ngủ rồi buồn...*Vài năm trước đây, tôi được nghe một ca khúc của ông Phạm Duy phổ bài thơ ấy. Có lẽ ông nhạc sĩ tài danh cũng chẳng nhớ tên cô gái, nên cũng không nghe ai nói đây là bài thơ phổ nhạc.

Tôi không có mối tình nào để kể cho H nghe, chẳng lẽ tôi kể những mối tình đơn phương. Giáng Châu là cô gái xứng đáng nhất để tôi yêu vào năm tôi 25 tuổi. Năm đó tôi đi lính, chẳng có cô nào vào trại lính thăm tôi, như hầu hết đồng đội của tôi, người yêu có mặt bất luận khi nào có thể. Tôi viết một bức thư, tự thấy rất cảm động, và thâm sâu như *tình sâu của chàng Werther*, vậy mà cô Giáng Châu xem như tờ giấy lộn, chỉ để vứt vào sọt rác. Và từ đó tôi quen với chuyện yêu đơn phương, và khi tôi làm thơ viết truyện, thì những chuyện yêu đơn phương chuyển đổi sang song phương quá dễ dàng. Cần thiết nữa là đăng khác, cái chuyện yêu đơn phương ấy.

Nhiều năm sau đó, tới bây giờ, tôi vẫn làm thơ viết truyện, nhưng lúc ấy tôi đang là lính, thứ lính dữ dội nữa là đăng khác. Anh chàng đổ xăng vào xe Jeep có cái cần ăng-ten kéo cong từ

phía sau xe tới phía trước xe, ngó phù hiệu *con báo đen* ở mũ bê-rê trên đầu tôi: “Bình chủng này là bình chủng gì hả anh?”.

“Không bình chủng nào hết. Đại Đội Hắc Báo, tăng cường cho Sư Đoàn 1 Hỏa Tuyến”. Anh chàng nhìn tôi bằng con mắt khâm phục pha chút sợ hãi. Tôi đạp mạnh ga, chiếc xe Jeep lao tới như máy bay phản lực.

Tôi dừng xe ở một khu vực lạ hoắc, không thể nhận định nơi này thuộc vùng Thừa Thiên - Huế, hay Đông Hà - Quảng Trị. Từ ngôi biệt thự gần như hoang phế, thoát ra tiếng kêu rên đau đớn. Tôi vội vàng xách cái ba-lô không kịp gài nắp, chạy lên bậc cấp của ngôi nhà. Tôi vừa chạm vào, hai cánh cửa gỗ mở ra căn phòng rộng rinh. Cô Giáng Châu chứ không phải ai khác, gương mặt đẹp và nốt ruồi đậm phía tay trái của chiếc cằm có chẻ giữa, cô ngồi như bức tượng đặt trên chiếc ghế bành. Người đàn ông ngồi sụp bên, hai tay ôm chân cô Giáng Châu, ông ta ngoái mặt ra phía cửa, nơi tôi vừa bỏ rơi xuống cái ba-lô. Ông ta trắng trẻo, vẻ thư sinh nho nhã, ngược hẳn với tôi. Ông ta đi nhanh, cũng chỉ vài bước chân, đứng trước gã lính Đại Đội Hắc Báo mà rõ ràng ông ta tin tưởng có đầy sức mạnh. Ông ta khẩn nài: “Xin anh nói giúp tôi, bảo cô ấy vào phòng ăn cùng tôi”. Tôi ngạc nhiên hết sức: Cô Giáng Châu ngồi bình thản, đâu có vẻ gì giận dữ mà không cùng ăn với người đàn ông này, là chồng, hay là người yêu của cô. Tôi hỏi: “Cô ấy là vợ của ông? Cô ấy bị bệnh sao vậy?”. Ông ta, môi đỏ hồng như trẻ thơ, mếu máo nói: “Vợ tôi, nàng như thể bị chứng trầm uất. Tôi đã năn nỉ, dỗ dành bao nhiêu ngày rồi, nàng không chịu ăn uống gì cả”. “Ông nói bao nhiêu ngày rồi không ăn uống, làm sao cô ấy chịu được?”. Người đàn ông ngoảnh nhìn phía tay mặt, một phụ nữ có lẽ là gia nhân đứng bên cửa phía đó. Ông ta nói: “Nàng chỉ uống một chút nước mà thôi. Nàng bị trầm uất. Nàng cứ thỉnh thoảng nhắc tới một cái tên, như thể tên người tình của nàng. Mà không phải đâu, tôi biết nàng từ nhỏ, tới lúc thành hôn với tôi, nàng chưa hề yêu ai để mà nhắc cái tên như vậy. Tôi biết nàng đã bị bệnh. Cái tên nàng nhắc, không biết từ trên trời hay từ dưới đất, đã nhập vào nàng”. Người đàn ông vừa nói tới đây, cô Giáng Châu lại nhắc cái tên mà người đàn ông cho rằng từ trên trời hoặc từ dưới đất nhập vào. Cô gọi tên tôi, chính xác cả họ và tên. Và giọng nói của cô không có chút gì là mê sảng. “Đấy, cái tên như vậy, nàng cứ nhắc mãi không thôi. Anh giúp tôi, giả bộ với nàng như cái tên ấy chính là tên anh vậy, anh nói nàng phải ăn một chút gì chứ”. Không lâu hơn một giây, cô Giáng Châu vừa nhìn tôi vừa vẫy tay gọi tôi tới. Người đàn ông có chạm vào người tôi để thúc giục tôi đi tới chỗ cô Giáng Châu? Tôi không biết gì cả, chân tôi bước cũng chỉ vài bước là tới ngay bên chiếc ghế bành. Cô Giáng Châu nhóm người lên một chút, vẻ mặt cô hiện rõ niềm hân hoan, cô nói: “Em biết mà, sớm muộn gì anh cũng trở về”. Tiếng nói của người đàn ông phía sau lưng tôi: “Đấy, tôi nói đúng không, nàng bị ma nhập, nàng tin rằng anh là người mang cái tên đó”.

Cô Giáng Châu chậm rãi đưa bàn tay ra, đặt bàn tay mềm mại đó lên bàn tay tôi, lúc này nó tự động đặt trên tay gỗ của chiếc ghế bành. Giọng nói như trách móc: “Em biết mà, đời lính cực nhọc nguy hiểm lắm, anh đi lính làm chi vậy? Tay anh khô héo, còn mỗi da bọc xương”. Tôi nghe giọng nói, tôi nghe hơi thở, tôi nghe cái mềm mại của những ngày hư tưởng cô Giáng Châu, niềm hạnh phúc từ đâu vây lấy tôi, chôn chặt tôi bên chiếc ghế bành. Bước chân đi giày đế da gõ lộp cộp trên nền gạch căn phòng, tôi giật mình, nhìn sững cô Giáng Châu nhóm hẳn người lên. Từ lòng chiếc ghế bành, thân thể cô như cơn trần trườn sát bộ đồ lính bụi bặm của tôi. Trong một chớp nhoáng, cô Giáng Châu ôm ghì lấy đầu tôi, chiếc bê-rê Đại Đội Hắc Báo của tôi rớt xuống. Cô hôn tôi, gấn chặt đôi môi như đang trong cơn sốt, vào miệng tôi đắng ngắt vị xì-gà.

Tôi choàng tỉnh tức thời. Người đàn ông, một tay cầm khẩu súng *colt 45* của tôi, một tay giơ tập bản thảo thơ cũng của tôi, chúng tuồn ra từ cái ba-lô không gài nắp lúc nào tôi không biết. Giọng người đàn ông lạnh băng: “Té ra chính là anh. Chính là anh. Thế mà bấy lâu nay tôi tưởng vợ tôi bị bệnh. Còn cô, ha ha ha, cô đóng kịch khá lắm, con dâm phụ”. Những gì diễn ra ngay sau đó rất lộn xộn. Người đàn ông nhắm bắn tôi hay nhắm bắn cô Giáng Châu, hay nhắm

bắn ai trước? Tôi chỉ biết sau giây phút rất lộn xộn, bao gồm giằng kéo, ngăn cản gì đó giữa người đàn ông và tôi, một tiếng súng nổ, cô Giáng Châu cùng tiếng kêu ngã xuống nền gạch căn phòng. Người đàn ông biến mất sau giây phút ngắn ngủi đó. Tôi đứng như bị trời trồng trong vài phút, bên cạnh người phụ nữ có lẽ là gia nhân, và phía trên cái thân thể im bất của cô Giáng Châu trải dài trên nền gạch.

Tôi ra khỏi ngôi biệt thự, không biết để tìm người đàn ông vừa biến thành kẻ sát nhân, hay trở ra chiếc xe Jeep có cái cần ăng-ten kéo cong từ phía sau xe tới phía trước xe.

Tôi không kể cho H nghe câu chuyện này, dù nó cũng ít nhiều mang tính chuyện tình. Tôi xếp nó vào một ngăn ký ức dành riêng cho gã lính Đại Đội Hắc Báo. Phát súng đó không phải do tôi siết cò, nhưng khẩu súng *colt 45* là của tôi. Và bản thảo tập thơ của tôi mặc nhiên là tên phản gián khôn kiếp.

Sài Gòn, 13-10-2004

## Nỗi hoài

Buổi chiều, một trong những buổi chiều cuối năm, quán cà phê nhìn ra dòng sông hẹp, một nhánh của sông Sài Gòn. Hấn từ bên này của dòng sông, qua cầu Tân Thuận, quán cà phê tầm tầm, luôn vắng khách lúc hấn vào. Hấn nhìn ra dòng sông, tất nhiên là như vậy, trước mặt hấn chỉ có dòng sông. Hấn vào cái quán tầm tầm ấy chỉ vì có dòng sông trước mặt. Hấn nhớ H, nhớ mênh mông, trọn buổi chiều trong những buổi chiều cuối năm của hấn, ở cái quán tầm tầm, có dòng sông trước mặt. Buổi tối, hấn làm một bài thơ ngắn (hấn có làm một bài thơ cực kỳ dài, gọi là trường-ca, thì cũng không chứa được nỗi nhớ H.) Bài thơ ngắn của hấn: *Sự trống rỗng của chiều vắng H / Chiếc đầu lâu mở trong hồn / Chiếc lá nén một mùa khô chết // Kể số gì mùa đông / Khi lạnh hàn kết cứng gì hơn / Bụi tre già, máu xương cong buốt nhọn / Thọc sâu vào tim.* Sáng sớm hôm sau, hấn ngồi quán cóc đầu đường Bà Lê-Chân, con phố nhỏ chạy qua một đầu con đường mang tên Mã Lộ, bên hông chợ Tân Định, hấn đọc thầm cho một mình hấn nghe bài thơ của hấn. Hấn không thể biết lúc đọc bài thơ, hấn có nhớ H như buổi chiều hôm trước? Ở con phố nhỏ này, từ quán cóc này, hấn nhìn thấy hình ảnh cuối cùng của H tại Sài Gòn. H đi xe ngang qua quán, dừng lại ở đầu phố trước khi quẹo phải con đường Trần Quang Khải, hấn nhìn thấy H và hấn ngồi bất động. Bây giờ H ở tận bên kia bờ Đại Tây Dương. Vài ba lần H điện thoại về, hấn không thể nói được gì, hấn bị kẹt cứng trong tình thế khó khăn của hấn.

Thái Kỳ, chủ quán cóc, là con trai thứ của người họa sĩ đã gần chín mươi tuổi, người họa sĩ mà hấn yêu mến, đã xem hấn là bạn vong niên. Kỳ nói: “Bữa hôm khai mạc triển lãm, ông già nhắc mãi sao chưa thấy anh tới. Bữa ấy đầy đủ bạn bè thân hữu, tất cả những người quen biết của ông già tới chật cả phòng triển lãm. Họa sĩ Tú Duyên, nhà văn Thanh Châu, đều đã ngoài chín mươi tuổi, cũng có mặt... Rồi đến tận hôm nay, khai mạc phòng tranh đã cả tuần lễ rồi, cũng không thấy anh tới... Hay là anh giận ông già chuyện gì? Mà có chuyện gì thì anh cũng phải biết ông già đã chín mươi tuổi rồi, mấy tháng nữa là đúng chín mươi tuổi đấy. Ông già rất quý anh, nhắc tới anh luôn, bữa khai mạc triển lãm, ông già chờ mãi không thấy anh tới để ông già ký tặng cuốn sách Câu Chuyện Hội Họa.” Kỳ nói một hơi, nói như kẻ mượn rượu để nói cho thoả. Hấn nói, Kỳ có uống vài chai bia rồi phải không? Kỳ gật đầu thú nhận, “Nhưng em không say xin gì hết. Em hỏi anh, ông già có chuyện gì làm anh không bằng lòng, thì có phải vì vậy mà anh giận một ông già đã chín mươi tuổi rồi không? Ông lão Trịnh Cung còn kêu lia lịa ông già là bố. Họa sĩ Nguyễn Trung cũng có mặt trình diện ông già đúng giờ khai mạc phòng tranh. Cô Ý Nhi ôm một bó hoa thật tươi, tới cùng ông xã, giáo sư Nguyễn Lộc.” Kỳ nói như kẻ mượn rượu để nói cho thoả, hấn thừa nhận, anh chàng mà H bảo là khá đẹp trai nhưng đầu rỗng, Kỳ lúc này ăn nói có hùng hồn, có lý lẽ. Tuy nhiên, hấn biết là Kỳ không hiểu câu chuyện giữa “ông

già” và hấn. Hấn biết là Kỳ còn nói không nữa. Một anh chàng khá đẹp trai hay đẹp trai cực kỳ mà có cái đầu rỗng, một anh chàng như vậy không phải là không biết nói không, nói dốt, nói sai sự thật. Cuốn sách Câu Chuyện Hội Hoạ, “ông già” viết từ thuở ông chưa già, thời miền Nam tự do, cách đây đã gần bốn mươi năm, bây giờ được in lại ở Sài Gòn. Hấn biết, nhà xuất bản chỉ tặng tác giả mười cuốn, “ông già” cẩn trọng, tế nhị, chẳng lẽ mang sách tới phòng triển lãm để người tặng người không. Khi anh chàng khá đẹp trai, con nhà danh hoạ (Kỳ đã một ngàn lần xác nhận vinh danh “ông già” như vậy) nói hấn chê tranh “ông già” vẽ dở, nên cóc thèm tới xem tranh triển lãm chứ gì, hấn nói thẳng thừng: “Ông già giận tôi chứ không phải tôi giận ông già. Cậu cóc hiểu gì cả, ông già đíu thèm cả tặng tôi cuốn sách, tôi nói thẳng cho cậu biết như vậy.” Gương mặt đỏ bừng, Kỳ nói không phải như vậy, không phải như vậy, anh có tới đâu để ông già ký tặng cuốn sách. Anh không ghé nhà, cũng không tới phòng triển lãm... Hấn biết anh chàng khá đẹp trai cũng khá lý lợm. Một chàng hoạ sĩ trẻ tuổi, chính hấn giới thiệu chàng này để quen biết “ông già”, trước ngày khai mạc triển lãm tranh, khi Kỳ nói nhà xuất bản chưa mang sách tới tặng tác giả, chàng này đã được “ông già” tặng sách. Chàng hoạ sĩ trẻ nói: “Ông cụ biểu cuốn sách in ra không vừa ý, nên ông cụ không muốn tặng ai.” Và chính hấn mang thiệp mời xem triển lãm tranh của “ông già” tới nhà chị Ý Nhi giùm Kỳ, chị Ý Nhi nói: “Mấy bữa trước Kỳ có chở ông cụ tới đây.” Hấn hỏi: “Chị đã đọc Câu Chuyện Hội Hoạ của ông cụ chưa?” Chị Ý Nhi cười, nói: “Ông cụ tặng sách rồi. Ông cụ nói ông cụ giận anh, giận lắm đấy. Ông cụ nói, ông sống hiền hoà lạng lẽ, ở bên Pháp ông cụ cũng chả phát biểu gì ý kiến về chính chị (trị) chính em, vậy mà anh viết bài đăng báo bên Mỹ, gán cho ông cụ phát biểu rằng chế độ cộng sản thiếu tự do dân chủ.”

Hấn ngồi lặng trên chiếc ghế gỗ xiêu xẹo kê sát bờ tường của một cái đình miếu sau lưng, quán cóc liền sát đó, như hấn đã ngồi lặng trên ghế xa-lông êm ái, sau câu nói của nhà thơ nữ, mà “Người anh thi sĩ” của hấn, định cư ở Mỹ, gọi là “Em gái cộng sản Ý Nhi.” Hấn ngồi lặng im, hồi nhớ gì. H nói: “Một bữa em ghé thăm nhà một người quen ở bên Mỹ, thấy bức tranh của ông cụ. Lúc đó em càng nhớ quê hương.” Hấn từng nói với H, ở Sài Gòn: “Tranh của ông cụ, có thể gọi là hoạ-phẩm-của-nỗi-hoài.” H trầm ngâm: “Nỗi hoài, hoài cảm, hoài niệm. Thiệt hay!... Anh thích tranh của ông cụ chứ?” Hấn gật đầu, nói: “Anh đã được xem bức Thiếu Nữ Trên Hòn Đá Cũ, cứ thắc mắc chả biết bây giờ bức đó ở đâu. Anh hỏi, ông cụ cũng chả biết được bây giờ bức đó ở đâu. Thiếu nữ ấy đã biệt tăm ở cuối vùng trời nào. Anh phải thích tranh của ông cụ chứ. Trừ khi anh là hoạ sĩ, rất có thể anh không thích tranh của ông cụ nữa.” “Có phải nếu anh là hoạ sĩ, anh chỉ thích tranh của chính mình?” “Không phải như vậy. Anh muốn nói về nỗi hoài, về hoài niệm. Nó có thể cần thiết cho thơ, một bài thơ rất hay về nỗi hoài, nhưng nó không chút xíu nào cần thiết cho hoạ.” “Thế anh biểu cái gì cần thiết cho một hoạ phẩm?” “Chả có cái gì cần thiết cho một hoạ phẩm. Nó độc lập, nó thuần túy, nó là chính nó, là màu sắc tự biểu hiện.” Bên bờ tường của một cái đình miếu sau lưng, hấn bắt nhớ H chất ngất. Buổi trưa cách đây mấy bữa, H điện thoại cho hấn, hấn không thể nói được gì, hấn bị kẹt cứng trong tình thế khó khăn của hấn. Buổi trưa ở Sài Gòn, hấn đang dùng bữa. H gọi cho hấn lúc đó, ở bên kia bờ Đại Tây Dương, chính xác là mấy giờ, trong khuya khất? H thao thức với nỗi nhớ? Hấn nhủ thầm, có thể hấn sẽ viết dòng thơ *Ôi nỗi nhớ mà làm chi vậy?*

Nỗi hoài lẽ ra tới đây là kết thúc. Ấy tuy nhiên, vẫn là kết thúc, dù liền ngay dưới đây, (nguyên mẫu) hấn, chính là hấn chứ không là ai khác, viết nỗi vào vài dòng văn, bởi hấn vừa làm được (thơ) vừa viết được (truyện). Vài dòng này thuộc loại *truyện cực ngắn*, hấn nói vậy, cho vài dòng hấn viết, có nhan đề *đàng hoàng*:

*Chàng nhà văn Sài Gòn viết nhiều truyện yêu, nhớ người yêu ở tận nước Mỹ. Truyện gửi đăng báo bên Mỹ để người yêu đọc. Chàng rất muốn được đọc truyện của mình đăng trên báo in ở Mỹ, nhưng làm quái gì chàng có báo bên Mỹ mà đọc. Nàng về thăm nhà ở Sài Gòn. Nàng: “Cô bạn tặng em 80 số báo, biểu mang về cho anh số nào có truyện của anh, nhưng em không mang về.” Chàng: “Sao vậy?” Nàng: “Mang về làm gì?” Chàng không viết truyện như trước, mà*

viết truyện cực ngắn, nguyên mẫu nhân vật vẫn là nàng. Truyện nhan đề “Adieu”, như sau: “Adieu Người Đẹp (xứ) Thần Kinh.”

\*\*\*

## Phụ đính II :



## Cà-phê Đà Lạt Xưa



Hiện diện tại Khu Hoà Bình, trung tâm thành phố Đà Lạt, trên sáu mươi năm, là quán cà-phê Tùng — chúng tôi gọi là “Cà-phê Đà Lạt xưa” — những ầm khách cà-phê từ thập niên 1950 tới nay ở thành phố cao nguyên không thể không nhớ. Qua chừng ấy năm, quán cà-phê Tùng, căn nhà một lầu hai mái ảm áp khiêm nhường, cứ như vậy mà tồn tại giữa những nhà hộp bê-tông mọc sức lên cao tầng. Nhìn vào cái biển quán, ở “auvent” của căn nhà một lầu, *CAFÉ Tùng*, đã là một sức mời gọi lặng lẽ mà quyết liệt một nhà văn trầm tư thắm thiết với hương vị cuộc sống: Nguyễn Tuân. Chính nơi đây, tác giả *Vang Bóng Một Thời* uống tách cà-phê đầu tiên

khi đặt chân tới Đà Lạt sau ngày biến cố lịch sử Ba Tháng Tư 1975. Ông Tùng kể lại: “Tôi không nhớ ông Nguyễn Tuân có uống cà-phê hay không. Tôi đã để dành một chai Courvoisier để mời nhà văn mà tôi từng mong gặp... Ông Nguyễn Tuân bảo, vào cái quán này như vào để nghe một tiết tấu của điệu Blues buồn, tiếng đàn cello trôi lên trong cái không gian lặng thẳm của quán...”

Chúng tôi vào quán cà-phê Tùng từ những năm 1960, phong cách, kiểu dáng của quán thuở ấy tới bây giờ, lúc nào cũng vẫn như vậy. Vẫn những bàn ghế trang trọng đơn giản giữ mãi một vẻ không cũ không mới, trên nền nhạc hoà âm trầm. Chiếm khoảng lớn trên bức tường, hoạ phẩm *Người đàn ghi-ta* của Vị Ý: một mình một bóng vươn dài để gây gục, đầu người, đầu phím đàn chúc xuống bục gỗ thô tháp màu nâu khô. Ở một bức tường phía trong, hoạ phẩm của Cù Nguyễn: *Thiếu nữ mơ màng một hạnh phúc nào...* Nghĩa là chúng ta phiêu bạt bất cứ nơi đâu, khi trở lại vẫn là yên ả chốn cũ, quán cà-phê Tùng luôn đón tiếp chúng ta như vậy.

Ông Tùng đã mất vài năm nay, trở thành người thiên cổ, như nhà văn Nguyễn Tuân còn lại ở quán cà-phê Tùng câu chuyện về ly rượu mạnh, như họa sĩ Vị Ý còn lại trên bức tường quán *Người đàn ghi-ta* mãi hoài cơn đam mê khắc khoải. Người con của ông Tùng, Trần Đình Thông, đảm đương quán cà-phê Tùng tiếp nối ông Tùng. Chúng tôi nghĩ tới những tên tuổi danh xưng như định mệnh: Tùng, Thông ở nơi chốn ngàn thông... Người tiếp nối giữ một lòng kiên trinh với ý vị gia truyền của một quán cà-phê lập nên từ thuở Đà Lạt còn nhiều thơ mộng nguyên sơ, sương còn nhiều mù sa dày đặc, ngựa con theo mẹ đi thong thả trên đường phố cùng khách nhàn du...

Âm khách trẻ tuổi vào những quán cà-phê có nhạc rock nhạc pop, họ không vào quán cà-phê Tùng. Chúng tôi vừa nghe lại trong quán cà-phê Tùng một bản nhạc rất xưa, nhạc nền trong một cuốn phim của điện ảnh Pháp từ những năm 1960: *L'Eau Vive*. Và chợt nhớ thi sĩ Bùi Giáng, ngày đã xa mù mịt, thi sĩ cùng chúng tôi nhìn bầu Đà Lạt âm u qua cửa kính quán cà-phê Tùng như những ngày này. Trung Niên Thi Sĩ (Bùi Giáng) hai dòng thơ trên miếng giấy bạc trong bao thuốc



một  
trời  
  
viết  
lá:

*Quán ngồi mới. Nắng chưa lê  
Chợt vui tràn. Thấy còn nguyên sơ đầu*

## Tiền đồn s(x)ương trắng

Thời gian tôi ở Đại Đội Hắc Báo tăng cường cho Sư Đoàn Hỏa Tuyền dài chừng..., tôi chẳng nhớ được, nhưng đây là chuyện về sau. Chuyện tôi nhớ lại lúc này, là chuyện có liên quan tới anh D., viên thiếu úy (quân đội miền Nam trước 30-4-1975) có viết văn, tôi không biết anh viết văn từ hồi nào. Khi gặp anh, có lúc tôi gọi anh là thiếu úy D., có lúc là nhà văn HMD. Tôi có đọc truyện ngắn của anh trên tạp chí Văn thời ông Trần Phong Giao, phải nói rõ vì sau thời ông Trần Phong Giao còn có thời ông Mai Thảo, thời ông Nguyễn Xuân Hoàng. Tôi không nhớ tôi có thích truyện ngắn của anh hay không. Ai hỏi tôi, nếu một nhà văn quan sát con voi, chăm chú tới nó từ cái vòi đi trước, hai chân trước đi trước, hai chân sau đi sau, cái đuôi đi sau chót, và một nhà văn không chăm chú gì hết ở cái thân thể to như voi của nó, mà cứ thắc mắc làm sao biết được lối đi đến nơi huyết mộ của con voi, thì tôi sẽ thích đọc nhà văn trước hay nhà văn sau? Tôi sẽ trả lời như nhà văn Hemingway thắc mắc, con báo nó lên tận đỉnh cao nhất của Kilimandjaro để tìm gì? Anh D. nghe tôi nói chuyện như vậy, từng nói với ai đấy tôi không nhớ, rằng hình như ông Đạt hơi bị bệnh thần kinh. Anh biết tôi làm thơ viết văn các thứ, nhưng tôi nghĩ, anh có quan tâm tới tôi chẳng qua vì anh rất nể nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Cho nên khi tôi đào ngũ bị bắt đi lính trở lại, không vì nể nhà văn Nguyễn Mạnh Côn nói anh cố giúp tôi về chỗ an toàn nhất của Sư Đoàn Hỏa Tuyền, sức mấy tôi về được. Nhưng mà không phải từ thể lực của anh, mà từ nhà văn Duy Lam, trung tá chánh văn phòng của trung tướng Hoàng Xuân Lãm, tư lệnh quân đoàn 1. Nhà văn HMD. là người liên hệ, để tôi được về chỗ an toàn nhất của Sư Đoàn Hỏa Tuyền, chuyện như vậy đó. Tôi về chỗ thiếu úy D., phòng 5 của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn.

Tôi đứng trên một trái núi giữa vùng rừng núi Hương Trà: Tiền đồn "T Bone". Tôi chẳng biết mình làm gì ở đây, trong bộ đồ lính mới xuất kho quần nhu, rộng thùng thình, chẳng phù hiệu đơn vị, cấp bậc, bảng tên gì ráo. Tôi được ra dấu đứng vào hàng ngũ, sắp có tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và phu nhân tới thăm tiền đồn, ủy lạo chiến sĩ nhân dịp Tết sắp tới.

Trái núi có tiền đồn T Bone rất đá lờm chờm, khe dốc dựng đứng, cây cối rậm rịt. Chẳng có đường lên núi, kể cả lối mòn. Hóa ra người bạn cùng khóa sĩ quan trừ bị Thủ Đức với tôi, khóa

2/69, đang trấn giữ tiền đồn, bên cạnh có 2 vị hạ sĩ quan cố vấn Mỹ. Anh chàng không có 1 giây nói chuyện với tôi, chạy tới chạy lui lo việc đón chào đoàn ủy lạo. Tổng thống và phu nơnh và đoàn tùy tùng. Tôi không nhìn ai chăm chú bằng nhìn vị tư lệnh sư đoàn, gầy guộc khắc khổ nghiêm nghị rầu rầu. Ông Ngô Quang Trưởng còn có vẻ văn nhã nữa, hay tôi có cảm tưởng đó, do biết ông là con rể nhà văn tiền chiến Thạch Lam. Ông đi trong đoàn duyệt qua các hàng ngũ, chợt dừng lại trước mặt tôi, nhìn tôi bằng cái nhìn tự lự, và hỏi: “Ờ ngoài em làm gì?”. Tôi trả lời nhanh, quá là tôi quá xúc động: “Dạ, thưa tôi là sinh viên”. Tôi quen câu trả lời này, để trả lời bất cứ vị cảnh sát nào xét giấy tờ quân dịch. Tôi có thể nói thật với vị tư lệnh sư đoàn hỏa tuyến, rằng tôi là chuẩn úy sư đoàn 5 đào ngũ, mới bị bắt lính trở lại. Nhưng tôi không thể nói như vậy, về thách thức sao đó, với một người có cái nhìn như ông đã nhìn tôi. Sau đó ông gật đầu chào tôi, nói gì với viên thiếu úy đi cạnh, lâu sau đó nữa, viên thiếu úy hỏi tên và số quân của tôi. Một chàng chiến sĩ ở hàng sau lưng tôi, đứng sát gần để nói nhỏ bên tai tôi: “Có lẽ thiếu tướng rút ông về Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn đó”.

Tan hàng, tàn cuộc chào đón tổng thống và phu nơnh và đoàn tùy tùng đi thăm và ủy lạo chiến sĩ nhân dịp Tết sắp đến, tôi chen lên chiếc trực thăng chở lính về Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn. Tôi chợt nhớ ra: thiếu úy D. cử tôi đi viết về đoàn ủy lạo ở tiền đồn T Bone, đăng trên tờ báo Hỏa Tuyến, tiếng nói của chiến sĩ Sư Đoàn Hỏa Tuyến. Thay vì ra chợ Đông Ba uống cà phê L?c Son, tôi phải ngồi tại chỗ làm việc của Phòng 5, hì hục viết cái tin.

Đọc cái tin tôi viết, thiếu úy D. tỏ rõ sự thất vọng: “Anh không nói vào sự kiện chính chi hết. Và không ghi lại lời phát biểu nào của tổng thống và phu nơnh?”. Tôi không nói gì. Chẳng lẽ tôi nói: “Tổng thống và phu nơnh phát biểu y chang những lần phát biểu trước, và y chang những lần phát biểu sau”. Rồi tôi đi uống cà phê L?c Son ở chợ Đông Ba muộn hơn mọi lần, trời đổ mưa, kêu tô bún bò bán ngay phía trước, ăn xong, thấy cũng người ngoại ít nhiều nỗi buồn chiến sĩ. Khuya hôm ấy, trên chiếc giường sắt nhà binh còn mới, tôi nhớ lại hình ảnh buổi sáng trên tiền đồn T Bone. Tôi viết bài thơ ngắn, gửi tuần báo văn nghệ Khởi Hành của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội ở Sài Gòn:

Rừng Núi Hương Trà. Tôi đùa chiếc nón sắt / Quay trên đầu ngón tay / Chiếc trực thăng sà xuống / Rạp mấy đầu cỏ may // Tôi đùa chiếc nón sắt / Mây đầy núi đọa đày / Ôi mộng đời chết tiệt / Rừng mưa lá mấy hồi.

T Bone, hai cái xương xếp thành hình chữ T thì hết xảy rồi. Nhưng mấy ông chiến hữu Hoa Kỳ chung dòng máu với Alfred Hitchcock, mới hình tượng xương trắng ghê hồn đó, đặt tên cho tiền đồn. Đi dọc đường Trường Sơn, nhà văn chiêu hồi Xuân Vũ viết về xương trắng đã đành, còn trên trái núi có tiền đồn T Bone, tôi nhìn sương mù trắng sớm mai, trắng chiều lạnh. Tôi tự hỏi, có gì an ủi được nỗi buồn chiến sĩ nơi đây. Những người lính dùng tiền làm giấy mời lửa hút thuốc, vì lãnh lương xong biết tiêu tiền ở đâu bây giờ? Có người lính buồn quá, một tay cầm súng Carbine, bắn cho viên đạn xuyên qua bàn tay kia.

Thiếu úy D. nói với tôi với tất cả vẻ chân tình anh có được: “Đối với tôi thì anh Đạt khỏi phải suy nghĩ, anh là người thân của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn mà tôi rất quý trọng, tôi giúp đỡ được chi là tôi vui, nhưng anh nên có chút quà biếu thiếu tá trưởng phòng. Anh Đạt biết đấy, về Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn khó lắm, lại là về làm báo. Thiếu tá mà không nhận anh về, thì anh phải ra trung đoàn tác chiến rồi”.

Tôi có thể ra trung đoàn tác chiến: trung đoàn 1, trung đoàn 2, trung đoàn 3, trung đoàn 54. Tôi có thể xin đi tiền đồn S(X)ương Trắng. Tôi có thể..., chỉ không có thể ngồi trong Phòng 5 viết tin chiến trường. Tôi mới viết một cái tin, một cái tin hiểu hỷ giả tạo, tôi đã chán quá rồi. Sau vài ngày tôi không trở về cái bàn cái ghế cái giường sắt nhà binh, thiếu úy D. mới biết tôi lại đào ngũ. Những gì sau đó anh không thể biết, vì anh chưa từng nhìn thấy mặt mũi một người lính Đại Đội Hắc Báo nào, tăng cường cho Sư Đoàn Hỏa Tuyến từ bao giờ.

## Mãi mãi Đà Lạt



Xuan Hong lake in the 50'. La Genoudie (log) coffee house is in the center; Palace hotel on the right, behind the pine trees; and the Sport Club House on the far left.

Phạm Công Thiện, những ngày tôi tả đỏi khát cô đơn chất ngất ở Đà Lạt, những ngày thơ mộng nhất đáng nhớ nhất của đời ông. Quán Cà phê 31, nằm giữa lòng thành phố cao nguyên, Đồi Tư Nghĩa và tôi uống cà phê đen nóng, cho dù chẳng cần nóng cũng không hề lạnh lẽo. Qua cửa kính, ngó lên cây tháp nhà bưu điện, ngó lên nhà thờ có hình con gà trên chóp đỉnh, ngó xuống những mái nhà cao thấp lô nhô chập chùng. Mặt trước, vẫn là con đường Tự Đức thuở nào, hơn ba mươi năm tới nay mang tên Hồ Tùng Mậu. Cà phê 31 ở dưới dốc rẽ nghiêng xuôi của con đường.

Đồi Tư Nghĩa và tôi tin rằng Phạm Công Thiện là người duy nhất sẽ viết rất hay, nghĩa là viết rất đúng, nhận ra chân dung đích thực của Đà Lạt. Phạm Công Thiện đã sống ở Đà Lạt trọn vẹn cuộc sống tuổi trẻ của nhà văn, một nhà văn bao gồm trong đó nhà triết học, nhà thơ. Nhà văn, ngôi nhà mở rộng cửa đón kẻ điên, người thất bại, trẻ cô cút, tật nguyên, hành khát vô gia cư, cô gái giang hồ, phụ nữ bất hạnh, những con người mộc mạc, những tâm hồn nghệ sĩ ở đời... Nhà văn đóng kín cửa trước những kẻ khôn ngoan, bọn hợm hĩnh, những tên bóng loáng mày râu nhẵn nhụi áo quần bánh bao, ma cô dẫn mối, những con buôn đủ mọi ngành nghề, những người đẹp đồng đánh hoa hòe hoa sói... Nhà văn đóng kín cửa cả với những ông thánh. Đồi Tư Nghĩa đã liên hệ với chị Lê Khắc Thanh Hoài ở Mỹ, có thể chị sẽ chuyển thư của Đồi Tư Nghĩa tới được Phạm Công Thiện, hình như bây giờ ông không muốn giao tiếp với ai. Bức thư sẽ chỉ có một dòng, nhắc Phạm Công Thiện viết về Đà Lạt, như lời ông hứa từ thuở nào. Như Robert Burns, William Saroyan với trái tim trên cao nguyên.

Đồi Tư Nghĩa đã sống bốn mươi năm ở Đà Lạt, và sẽ sống ở đây tới chết. Tuổi thơ của tôi ở Đà Lạt, ga xép Đa Thọ, chiếc đèn bão nửa đêm, chuyến tàu dừng giữa hai bên rừng thông, quỳ đại. Rồi ở Sài Gòn, tôi về Đà Lạt bất cứ lúc nào có thể, nghĩa là những lúc mà không ai có thể. Mười ngày vừa qua, tôi ở Đà Lạt cùng rớt bão mưa lũ mây tĩnh phía bắc miền Trung. Nhà thờ, thu lỏi hình con gà trên thánh giá mù mịt trong mưa sớm mai, xẩm lạnh trong chiều. Đứng ngó nhà ga Đà Lạt, nhớ một thuở xưa, trước 30-4-1975. Huy Cường, chàng tài tử điện ảnh bụi đời, mở mắt thức dậy rủ đi uống cà phê. Tôi hỏi đi uống cà phê ở đâu, chàng đáp: À la gare! Tôi hỏi có tiền không, chàng đáp: À la ghi (sổ)! Trong nhà ga Đà Lạt có cái cân hàng hóa rất lớn, Huy Cường bảo giống hệt cái cân ở một nhà ga Paris, nơi chàng (tưởng tượng) đã tới! Bây giờ ngôi nhà ga Đà Lạt cứ bèn vững chờ đợi một ngày không biết là ngày nào hoạt động. Có thể nói ngôi nhà ga đã chết, như chàng tài tử đẹp trai đã chết. Bởi vì xương sống, hệ thống đường ray móc xích tàu hỏa, bị người ta bóc gỡ từ lâu, để gì lấp đặt trở lại cho những chuyến tàu lên xuống dốc đồi.

Đà Lạt vẫn đẹp những dốc lên xuống, những lối quanh cong. Vọng Nguyệt Lầu, cái quán thuở xưa, nghe tên biết ngay trăng gió phong tình, bây giờ vẫn nhô đầu ở khúc quanh đường Tăng



Bạt Hồ, đổ xuống dốc đường Trương Công Định, nhưng chẳng thấy đâu những người tình của Modigliani.

Tôi có một bài thơ từ năm hai mươi hai tuổi, về Đồi Cù Đà Lạt, bây giờ thấy như lời báo trước điềm gở: *Ở đây, đúng nơi đây, trên Đồi Cù / Em đã nằm, đã vui đùa, lăn trở / Và một loài cỏ rất lạ / Vui đùa cùng em / Cười vỡ ngực // Tôi trở lại nơi này, đúng nơi này, trên Đồi Cù / Tìm dấu vết xưa // Nào có chi thay đổi / Duy loài cỏ ấy / Bây giờ / Chẳng còn ai tìm thấy.*

Đà Lạt đã mất Đồi Cù, bởi vì Đồi Cù từ nhiều năm nay đã kín cổng cao tường, là cõi riêng của giới nhiều tiền. Một sân gôn thượng thặng, một thứ cỏ Nhật Bản hay Đài Loan gì đó mướt láng một cách rất nhân tạo, nghĩa là giả tạo. Đồi Cù không còn là trái đồi mênh mông cho bất cứ ai lang thang, chơi đùa, nghỉ chân, ngả lưng, nằm dài trên cỏ. Dưới vô số những cây thông già thông non, đủ mọi loài hoa cỏ hoang dại thả sức mọc. Mùa nắng, ngõ cỏ đã khô chết hết, một trận mưa đầu mùa, cỏ tươi thắm trở lại. Đà Lạt không còn Đồi Cù ấy, Đà Lạt mất một bài thơ.

Quán Thủy Tạ những ngày này đang sửa chữa, sơn trắng nhòa trong mưa, tôi nhớ miệng cười vẫn thắm tươi của Nguyễn Thị Hoàng, dấu chị đã đi qua một ngàn lẻ một hạnh phúc đau khổ những ngày Đà Lạt. Tôi nhắc và chị còn nhớ, chàng trẻ tuổi gan dạ trên chiếc máy bay, xa xuống hồ Xuân Hương trao thư tình. Chẳng biết cô gái nào đấy có nhận được lá tâm thư của chàng không, lòng nước hồ sương ôm trọn chiếc máy bay với chàng tuổi trẻ. Phía bên kia, một quán cũng trên hồ, nhà hàng Thanh Thủy màu tím Huế. Tôi lại chợt nhớ ngôi nhà văn, để biết rằng, chỉ mở cửa duy nhất cho những bà Điềm Phùng Thị làm nên một thứ nghệ thuật điêu khắc đáng tôn quý, mở cửa cho những chân dung người nữ Lê Khắc Thanh Hoài, những ca sĩ Hà Thanh, những nữ sĩ Túy Hồng. Rồi đóng cửa.

Đỗ Tư Nghĩa vẫn ở Đà Lạt, tôi vẫn về Đà Lạt, thấy kệ những thứ khi tiều hôm nay. Cái xã hội nhà nước hôm nay tạo ra vô số chuồng khỉ. Chúng tôi bảo nhau cố giữ cho mình đừng giống những con khỉ chính hiệu, dù phải ở trong chuồng khỉ. Họ cũng sức mấy triệt tiêu được một Đà Lạt có lịch sử đã trên một thế kỷ rồi. Mặc dù những đường phố núi uốn lượn mơ màng đã tràn ngập làn sóng văn minh xe gắn máy, chúng điên cuồng lấn lướt, chúng điên cuồng xô đẩy. Ông chủ quán cà phê Tùng đặc trưng Đà Lạt từ nửa thế kỷ qua, lên khỏi bậc cấp chợ Đà Lạt, bị chiếc xe gắn máy lao trên đường cướp đi bó hoa trên tay cùng sinh mạng. Mặc dù những sở hữu chủ mới của nhà cửa quán tiệm nhà nghỉ khách sạn những hộp cao tầng rất thực dụng xuẩn ngốc vô cảm vô tâm, nhà phố cũ Đà Lạt vẫn giáy rách giữ lấy lẽ. Chúng tôi biết, bà chủ quán cà phê Tùng nhất quyết giữ nguyên trạng quán cà phê linh hồn Đà Lạt.

Đà Lạt vẫn còn những khoảng vắng lặng để thành phố im lìm thức, ở hờ ngủ. Đỗ Tư Nghĩa miệt mài gõ phím máy vi tính, tiếng lách cách vang vọng căn nhà gỗ, anh ở trọ, một mình. Một bản dịch nghiêm chỉnh, một cuốn tự truyện Osho. Cuộc đời của luận sư Rajneesh Chandra. Cuốn sách ra đời vào đúng năm anh sáu mươi tuổi, đối với Đỗ Tư Nghĩa, thế là quá đủ. Những vụ việc lươn lẹo, hành xử của bọn con buôn đã có từ thuở nào. Saroyan bảo, cái khả năng, động lực quơ tiền bạc vào túi luôn là điều rắc rối, đáng kinh tởm. Đỗ Tư Nghĩa đã không một lời lên tiếng đòi một con buôn trả mình một xu nhuận bút thù lao dịch thuật cuốn sách để đời. Anh lặng lẽ, co ro đi trên những nẻo phố mù sương giá băng Đà Lạt. Anh im lìm thức, ở hờ ngủ cùng Đà Lạt. Anh không may mắn bận tâm tới bọn chúng, những con buôn, những nhà cầm quyền, những kẻ làm chính trị, những cán bộ văn nghệ, tất cả bọn chúng.

Chúng tôi chui vào căn nhà gỗ, uống rượu vang sản xuất tại Đà Lạt. Chúng tôi hỏi nhau, nếu Đà Lạt không có Phạm Công Thiện, Lê Trung Trang, Nguyễn Mùi đã từng sống ở đây, nếu không còn những đấng tử, những chàng gan dạ, liều lĩnh, những nhà văn nhà thơ họa sĩ đích thực sống ở đây, nếu không có họ, Đà Lạt sẽ ra sao nhỉ?

Nhưng Đà Lạt đã có một lịch sử ấy, Đà Lạt sẽ mãi mãi là Đà Lạt...

\*\*\*

## Phụ đính:

### Quán nửa khuya

Hóa ra người đàn ông cao gầy mang kính trắng bước sang đường là người bạn cũ, tôi đang đợi anh tại quán cóc của Kỳ, ở một góc phố vùng Tân Định. Người bạn cũ chẳng giống như tôi hình dung, chúng tôi không gặp nhau đã trên ba mươi năm. Chậm rãi chào hỏi, bắt tay nhau. Tôi không nhớ ngày trước anh có vồn vã khi lâu ngày gặp bạn, bây giờ thì chậm rãi, hơi ẻo ỏi, giống sự lãnh đạm. Anh nói cũng chậm rãi, nhỏ giọng. Và anh nói chỉ là trả lời những gì tôi thăm hỏi. Buổi gặp lại của hai người bạn sau mấy chục năm xa cách không đến nỗi nhạt nhẽo, nhưng không đậm thắm.

Sau buổi gặp, cảm tình của tôi đối với anh tăng gấp đôi, dĩ nhiên không chính xác cân đong đo đếm như vậy. Cái nhìn của tôi về anh thay đổi, chuyển vị hẳn người bạn cũ, trong gương tượng của tôi chỉ là một anh chàng đẹp trai và dễ mến mà thôi. Anh hiểu biết, có thể gọi là trí thức, dĩ nhiên trí thức không nhất thiết là người có học thức cao rộng. Bạn học cũ, tôi biết rõ anh học tới đâu trước khi di tản sang Mỹ. Từ đó tới nay đã trên ba mươi năm, anh có thể đã là người học thức cao rộng, dĩ nhiên điều đó chẳng quan trọng.

Nhưng nếu anh không có gì thay đổi, vẫn là người bạn cũ như tôi mừng tượng... Dĩ nhiên người bạn cũ cộng thêm trên ba mươi năm cuộc sống bên Mỹ, tôi không thể mừng tượng cho ra được. Dù sao tôi vẫn mừng tượng, hơn nữa, tôi thường được nghe tin tức về anh. Tôi đã mừng tượng, nghĩa là anh chàng đẹp trai bạn tôi có cuộc đời ái tình hôn nhân gay gắt... Tôi chẳng quan tâm những chuyện ái tình hôn nhân của ai để làm gì, nhưng anh là người bạn cũ vừa đẹp trai vừa dễ mến. Tin tức chủ yếu về anh cũng lại là chuyện đó. Tôi thấy chuyện đó có phần ngộ nghĩnh, đã trở thành một chi tiết trong một truyện ngắn của tôi, đăng tải trên báo mạng Tiền Vệ. Nhân vật chính trong truyện ngắn đó là ông Sơn Núi, một nhà thơ.

Đêm mưa, ở lại nhà Nguyễn Thiên Chương, ông Sơn Núi và tôi ngủ trên sàn nhà. Không nghe ông Sơn Núi ngỏ lời lên giường, còn tôi rất sợ tiếng mưa trên mái tôn, nó là một cuộc tra tấn, khủng bố khủng khiếp. Ông Sơn Núi dậy rất sớm, lúc hai giờ sáng, đánh thức tôi bằng câu hỏi: "Này, ông là bạn lão B.X.H. hả?" "Ừ, bạn học cũ thời trung học đệ nhất cấp. Mà sao ông biết?" "Biết chứ! Lão ấy lấy con mu (ông Sơn Núi gọi mẹ là mu) vợ cũ của ông Tướng Râu Kẽm. Hồi con mu này còn nhỏ, tôi dạy kèm Anh ngữ ở nhà con mu tại Nha Trang." "Đúng, bạn tôi đã từng lấy cô ta, nhưng nay họ lại bỏ nhau rồi." (Sau đó họ lại Châu-Về-Hiệp-Phố, như tôi vừa biết khi gặp lại bạn cũ.) Ông Sơn Núi lại nhắc câu hỏi về người bạn học cũ của tôi, rằng lão ấy ra sao. Tôi nói: "B.X.H. rất đẹp trai. Về đẹp của Marlon Brando cộng với Kennedy." Ông Sơn Núi cười thích thú một chập: "Cộng với c. lỗ nữa chứ!"

Lúc viết ra chi tiết này, tôi nhớ lại như chuyện mới hôm qua: hai cậu học trò ngồi cạnh nhau cùng các bạn học, tập trung tại sân trường để nghe ông Tướng Râu Kẽm nói chuyện về binh chủng không quân của quân đội Sài Gòn. B.X.H. chăm chú nhìn ngó ông tướng, vẻ rất ngưỡng mộ, nói nhỏ với tôi: "Sau này tớ mong được vào không quân, chỉ xách cặp táp -nghĩa là làm tà lọt- cho ông Tướng Râu Kẽm là khoái rồi..." Sau này ở bên Mỹ, anh kết hôn với 'con mu' -lúc này đã ly dị ông Tướng Râu Kẽm- từng học tiếng Anh thầy Sơn Núi dạy kèm tại tư gia. Tôi thấy có phần ngộ nghĩnh lúc nghe tin đó, dĩ nhiên có phần ngộ nghĩnh không hẳn là ngộ nghĩnh. Có phần ngộ nghĩnh, nghĩa là trong đó có sự tréo ngoe, có cái gì đó giống như cú lộn mèo. Tôi ghi lại nguyên văn lời ông Sơn Núi nghĩa là tôi đồng tình với lối nói của vị gia sư về người học trò. Thú thật tôi không thiện cảm với người đàn bà của anh. Những gì tôi biết, thì người đàn bà này là một con buôn với cái vốn liếng có sẵn. Về Sài Gòn lần này cùng bà ta, anh cho biết, chỉ là về cùng một chuyến, mở quán phở tại Sài Gòn là chuyện của bà ta. Nhiều người ở Sài Gòn đã

biết tin bà ta sẽ mở quán hàng phở, như số đông Việt kiều đã về Sài Gòn mở công ty, làm ăn này nọ.

Anh không nói gì về chuyện này, hiển nhiên không phải chuyện của anh, như anh đã xác định. Anh gửi Kỳ và tôi thiệp mời dự buổi khai trương quán phở, do Kỳ nói với anh rằng có đọc tin trên báo mạng về cái vụ mở quán. Tôi nghĩ anh ở trong tình trạng chẳng-đặng-đừng, vì lịch sự, khi đưa thiệp mời cho Kỳ và tôi.

\*

Buổi đầu tiên gặp lại người bạn cũ, như tôi đã nói, B.X.H. chỉ trả lời những gì tôi thăm hỏi. Có thể anh không chú ý kiếm lời, có thể anh đã trở nên người trầm lặng. Anh còn nói gì được khi tôi hào hứng quá, hỏi anh hết chuyện này tới chuyện khác. Thật ra, anh tự ý cho tôi biết tin tức về những bạn học cũ hiện nay làm gì, ở đâu, vân vân. Thay vì nói X và Y ở cùng một thành phố, anh nói: “X và Y ở cùng một tỉnh.” Cái từ Tỉnh nghe rất Sài Gòn, Việt Nam. Tôi không nhớ được nhiều bạn học cũ mà anh nhắc. Tôi xa họ sau khi tôi rời trường trung học Hồ Ngọc Cẩn, chuyển sang học trường Chu Văn An. Anh thi học tiếp ở trường Hồ Ngọc Cẩn hai năm nữa, và nghỉ học sau khi thi rớt tú-tài-phần-một.

Tôi ngạc nhiên khi anh tới nhà tìm tôi. “Biết bạn ở đây thì mấy lần về trước tôi đã ghé nhà bạn rồi. Về Sài Gòn lần nào tôi cũng đi qua con phố này... Bạn biết cái ‘quán nửa khuya’ ở đường Minh Phụng đây chứ?...” Tôi không hề biết cái quán nào ngoài cái quán cóc của Kỳ ở vùng Tân Định, và vài cái quán ở khu vực nhà thờ mang tên Jeanne d’Arc, gần Ngã Sáu vùng Chợ Lớn. Ngày ngày tháng tháng, tôi ngồi cả buổi ở một trong vài cái quán đó, ngó tới ngó lui ngôi trường Chu Văn An, sau bao biến thiên vẫn mang tên trường Chu Văn An, nhưng không phải là trường trung học Chu Văn An như thuở trước, nghĩa là ngôi trường ghi dấu ấn sâu đậm nhất trong quãng đời đi học của tôi. Đây là một thời điểm ảo đã mất, dĩ nhiên như vậy. Và dĩ nhiên như vậy tôi còn một-chút-gì-để-nhớ... Và tìm-lại-thời-gian-đã-mất từ ngôi trường vẫn sờ sờ trước mắt, trong một buổi sáng ngồi quán cóc ở khu vực nhà thờ nữ thánh huyền thoại của Pháp quốc...

*Quán nửa khuya đèn mờ như sương khói...*

Đèn mờ để chịu cho cơn ngái ngủ, cho tiếng hát sương khói hòa trộn không gian. Những chùm hoa bằng lăng sáng rõ màu tím dịu dưới ánh đèn đường. Ba cô tiếp viên, bộ đồ bà ba hòa dịu đường nét thân thể nẩy lửa... Hóa ra B.X.H., từ chốn thiên đường xa tít mù như ảo vọng, trở về thành phố cũ ở quê nhà, dẫn bạn cũ tới một nơi tuyệt vời như không có thật. “Quán mở cửa suốt đêm đây, bạn có thức khuya được không?... Thích uống bia thì uống bia, rượu Tây cũng có. Bia rượu ở đây có đủ thứ hết...” Bây giờ là dịp để tôi nói rằng tôi đang thoải mái để chịu nhường nào. Tôi nói đây là chỗ tuyệt vời có thật, chỗ lý tưởng cho một người đã hàng chục năm mất ngủ. “Từ mười mấy năm nay, tôi không thể ngủ được giấc ngủ bình thường như mọi người, không thể ngủ dù một giấc ngắn chừng một tiếng đồng hồ. Nhưng sức khỏe của tôi vẫn bình thường, rất bình thường là đằng khác. Duy có điều, là tôi luôn ở trong tình trạng ngái ngủ. Tôi thấy lời Trang Tử có phần thích hợp với tình trạng của tôi: Im lìm thức, ơ hồ ngủ...” Anh nói: “Tôi hiểu, đúng như vậy. Ông cậu của tôi, ông cậu là luật sư ấy, chắc bạn còn nhớ, bị mất ngủ suốt hai mươi năm, vẫn sống thọ tới tám mươi tuổi đấy.”

Một cô đi lướt ngang, một cô khác đứng tần ngần nơi bàn chúng tôi, tỏa đậm mùi nước hoa. Ở một bàn trong góc tối, hơi khuất ánh đèn mờ, một ông khách gầy guộc, mang kính trắng, ngó xuống ly nước, có lẽ là ly cà phê đá, mấy ngón tay ông ta gõ nhịp trên mặt bàn. “Quán này đang hoàng, không phải quán bia ôm, cà phê ôm đâu... Ở Sài Gòn có cả quán thịt chó ôm, bạn biết không?...” “Ờ, tôi cũng chẳng ưa ôm áp gì trong quán xá. Vào quán này để nghe nhạc xưa, nhất là được nghe nhạc boléro chẳng hạn, thật gọi cảm cho những nỗi mệnh mông u hoài...”

Anh gật đầu, những sợi tóc mềm ngắn nằm im nhẹ trên vàng trán phẳng rộng. Một lúc anh cúi đầu xuống: anh không còn giống tài tử điện ảnh Mỹ Marlon Brando cộng với tổng thống Hoa Kỳ hào hoa Kennedy nữa, tôi ngỡ mình đang ngồi chung bàn trong ‘quán nửa khuya’ ở đường Minh Phụng, với nhà văn Ái-nhĩ-lan James Joyce...

*Con đường mang tên em, đèn khuya mắt đỏ còn đầy dấu xưa...*

Bài hát nhắc tôi những ngày ở Huế mùa-hè-đỏ-lửa, bên đồng đội, những gã lính Đại Đội Hắc Báo bặm trợn mang về tư lự u hoài trong một quán cà phê bên dòng sông Hương nửa đêm về sáng... “Hồi đó bạn có mối tình nào với một em nào của xứ Thần Kinh thơ mộng?... Ừ, tôi cũng ớn các em gái xứ Thần Kinh lắm, dính vào các em là tiêu đời... Ấy nhưng mà, bạn, một chàng biệt kích báo đen, thì cũng chả đến nỗi phải sợ các em đâu...”

Chuyện trò trong ‘quán nửa khuya’, tôi không ngờ B.X.H. quan tâm tới văn chương nghệ thuật, rất am hiểu, cảm nhận tinh tế nữa là đằng khác. Anh đọc hầu hết các tác giả văn xuôi văn vần Việt Nam đương đại cả ở trong nước lẫn ở nước ngoài, dĩ nhiên như vậy là đã đọc ít nhiều thơ truyện của tôi. Nên tôi hỏi hời hợt anh đã đọc truyện nào của tôi trên báo mạng Tiền Vệ, nói mơ hồ về cái truyện trong đó tôi có nhắc tới anh (dĩ nhiên tôi không nói tới ‘con mu’ gì hết.) “Truyện ấy hả? Tôi cũng đã đọc rồi... Nhân vật Sơn Núi có phải là nhà thơ Nguyễn Đức Sơn không?...” Nghe anh nói vậy, tôi yên lòng. Nghĩ là anh không quan tâm cái vụ ‘con mu’ gì hết, anh còn khen: “Bạn viết lạ lắm, khác hẳn những tác giả trước cũng như sau... Người đọc bạn sẽ hình dung bạn là còn rất trẻ. Giả dụ tôi không biết bạn, tôi cũng sẽ hình dung bạn như vậy. Và đọc bạn viết, thấy giống như đọc truyện của một nhà văn nước ngoài nào đó, bằng tiếng Việt...”

\*

Ông khách gầy guộc mang kính trắng bây giờ ngồi ngả người vào cô gái, hình như là cô lúc nãy đứng tần ngần ở chỗ bàn chúng tôi, mái tóc thả dài của cô bây giờ kéo hết sang bên ông khách. Điện thoại di động trong túi quần tôi reo. Tiếng nói của Kỳ: “Anh còn thức đấy chứ hả?... À mà anh bị chứng mất ngủ, đâu có ngủ nghề con cóc khô gì... Này anh, em đang say ngất ngư đây, anh B.X.H. mang ra quán bờ kè Tân Định một cặp Rémy Martin, mà chỉ có ba người thôi... Em có nói để kêu anh ra nhưng anh B.X.H. có về không ưng. Hình như anh ấy giận anh cái gì đấy... Hình như về chuyện thơ văn gì đấy mà... Anh ấy bảo... anh ấy chê anh viết cái gì đấy, anh ấy bảo là anh bày đặt viết lách tào lao... Viết không ra cái đéch gì, không đáng xách dép cho những người bạn thân của anh ấy ở bên Mỹ, những nhà văn danh tiếng lẫy lừng như... như Nguyễn Đình Toàn, Du Tử Lê, Ngọc Hoài Phương gì gì đó nữa... em không nhớ hết nổi. Anh ấy vào trong toa-lét này giờ chưa ra... Dám có em nào đang níu kéo anh B.X.H. ở trong đó... Thôi né. Minh Bò con ông giáo sư âm nhạc Trần... xin gục tại chỗ từ lúc này. Em cũng say quá chừng rồi. Thôi anh ráng ngủ đi. Anh cứ nhắm mắt lại, đếm chậm chậm từ một tới mười tới một trăm tới một ngàn...”

Hóa ra tôi vào ‘quán nửa khuya’ có một mình. ‘Quán nửa khuya’ có mình tôi và ông khách gầy guộc mang kính trắng, và ba cô gái vận đồ bà ba nữa chứ. Tôi vẫy tay gọi cô gái đang ngồi cạnh cô gái gục đầu ngủ, tóc lòa xòa trên mặt bàn, bảo mang ra một chai rượu vang đỏ. “Có rượu vang Pháp, vang Tây Ban Nha, vang Chi-lê, vang Ác-hen-ti-na, anh hai uống thứ nào?” Tôi nói thứ nào cũng được, miễn là rượu vang. Giọng cô gái ngoan ngoãn, ngọt ngào: “Dạ!”

Lúc này, bài hát tôi ưa nghe trong những năm chinh chiến, càng ưa hơn từ thời gian tôi bị chứng mất ngủ, vang lên trong đêm khuya khoắt: Màn đêm dần tàn, tôi đến sân ga đưa tiễn người trai đi về ngàn...

Thật ra, bài hát nào tôi cũng ưa nghe, miễn là giai điệu boléro. Cũng chẳng cần đúng giai điệu boléro, miễn là tựa tựa như vậy, cũng đủ dịu dàng êm ái dỗ giấc ngủ ơ hờ. /.

Sài Gòn, tháng 11.2009

## Một truyện ngắn

Người đàn ông tóc muối tiêu, muối nhiều hơn tiêu, dù người đàn ông đội mũ vải rộng vành. Tôi biết người đàn ông này có mái tóc như vậy, tôi biết từ lúc mái tóc người đàn ông này chưa như vậy, tôi biết người đàn ông này từ lúc chưa là một người đàn ông để có mái tóc muối tiêu, hay để về đây khi mái tóc còn xanh xanh.

Quán nước, nói chung người ta vào căn nhà lá trống trải này để uống cà phê, một quán cà phê ở chốn quê, nơi gọi là xã Đồng Thạnh, thuộc huyện Hòa Đồng, tỉnh lỵ Gò Công. Vì thế tôi nhớ liền tên của chủ nhân quán nước, Ba Thạnh. Tôi vào quán uống cà phê từ bao giờ không nhớ, vài ba lần hoặc vài ba chục lần thì cũng vậy, nói chuyện phát phơ với Ba Thạnh. Sau đó, nhiều năm qua đi, muối đổ dày trên mái tóc người đàn ông đội mũ vải rộng vành, tôi không một lần trở lại Đồng Thạnh, vào quán cà phê Ba Thạnh.

Quán vẫn như vậy, căn nhà lá trống trải, buổi trưa càng trống trải, người khách duy nhất là người đàn ông đội mũ vải rộng vành. Người đàn ông lưu lại trong trí nhớ những người ngồi quán với bao thuốc lá Bastos xanh đậm, người đàn ông hút mỗi ngày một gói, ít nhất là như vậy, và nhả ra một ngàn vòng tròn khói, nhiều nhất là như vậy, ai mà đếm.

"Mày dia hồi nào đó Đấng?", Ba Thạnh từ phía sau quán đi ra, nói lớn sau lưng người đàn ông đội mũ vải rộng vành đang ngồi trên chiếc ghế gỗ thấp chùn, nhả những vòng tròn khói. Người đàn ông đội mũ vải rộng vành tên là Đấng, Ba Thạnh vừa gọi như vậy. Đấng trả lời bằng một vòng khói tròn lớn và đậm, không nhúc nhích trên cái ghế gỗ thấp chùn, cái ghế gỗ duy nhất trong quán, còn toàn là ghế nhựa. Có lẽ Đấng nhỏ tuổi và nhỏ con hơn Ba Thạnh, người đàn ông mập mạp đẩy đà nhanh nhẹn, hàng râu mép được chăm chút cắt tỉa, người ta gọi đấy là râu con kiến. Thầy giáo Nhi thì bảo Ba Thạnh để râu kiểu tài tử xi-nê Clark Gable, ông vua không ngại gì đó, ở xứ Đồng Thạnh này ai mà biết.

"Thầy giáo Nhi bây giờ ở đâu?"

"Thằng chả đổi trường, rồi dia thành phố sao đó, tao nghe nói chớ đâu biết... Mà mày được trả tự do khi nào?", Ba Thạnh đứng sát gần Đấng, đứng trước mặt Đấng, ngó phía trái ngó phía phải người đàn ông đội mũ vải rộng vành, vẫn không nhúc nhích trên cái ghế gỗ thấp chùn, và tiếp tục hút thuốc nhưng không nhả thêm vòng tròn khói nào nữa, "Coi mày vẫn tốt tươi hồng hào, mày vẫn phong độ lắm, đẹp trai". "Thôi dẹp giùm đi anh Ba, đẹp trai mẹ gì nữa". Ba Thạnh kéo cái ghế nhựa tới ngồi đối diện Đấng, cười hề hề, hàng răng đều đặn, trắng bóc: "Thì đẹp lão... Dù mẹ, gái Đồng Thạnh mày muốn tán em nào cũng còn dính như nhựa".

Đấng quăng mẩu thuốc ra sân. Từ nhà ra sân ra con lộ rục rảng không biên giới. Bây giờ Đấng đã nhúc nhích trên cái ghế gỗ thấp chùn, nhúc nhích nhiều là đấng khác. Đấng cười lớn tiếng: "Để dành tiết mục đó cho anh Ba, tôi về đây kiếm thầy giáo Nhi mà thôi". "Mày khỏi kiếm làm chi... Thằng chả đã rời xứ Đồng Thạnh này từ khuya rồi, hết dan díu ái tình tâm bậy. Còn vụ án ông thầy rấn coi như đã xong. Chỉ tội cho mày tù oan mấy năm". "7 năm, thưa ngài. Tù oan hay không, tôi nghĩ chỉ mình anh Ba biết". Ba Thạnh lại cười hề hề, kéo dài hai con mắt muốn không còn nhìn ngó gì: "Dù mẹ, tao thương mày nhứt ở đây, tao không biết mày bị tù oan thì ai biết. Tao tin chắc thằng cha thầy giáo chài chuốt tối ngày đó nó dàn cảnh ám hại ông thầy rấn, nhưng ngặt không có bằng cứ". "Tôi chả muốn nghe nói tới rấn rết, sự phụ tôi có tên tuổi hẳn hoi, ông Tư Thiết". "Thì tao có nói chi đâu... tao cũng thương tiếc ông lắm chớ, ông sống hiền như ông thầy tu". Đấng nhìn Ba Thạnh, một khối lù lù trước mắt Đấng. Sau lưng Ba Thạnh là không gian trắng lóa. Đấng nói thấp giọng: "Sao anh Ba tin chắc là thầy giáo Nhi dàn cảnh ám hại ông Tư Thiết?". Ba Thạnh cười rộ: "Thằng chả phải khử tình địch chớ! Để sống làm kỳ đà

cản mũi sao!”. Đấng lắc đầu: “Anh Ba dùng chữ sai rồi đó. Ông Tư Thiết là người chồng chứ đâu phải là người tình của vợ ông ấy. Tôi tin là thầy giáo Nhi không dính dáng gì tới cái chết của ông Tư Thiết. Xã hội không bắt đúng bắt oan thầy giáo Nhi là vậy”. Ba Thạnh đưa bàn tay mập mạp, những ngón tay thon, người ta gọi là ngón tay tháp bút, ngón tay búp măng, nắm một bên vai Đấng, lay lay bên vai ấy: “Mày không làm thầy giáo như thầy giáo Nhi, nhưng tao thấy thằng chả phục mày lắm, biểu mày không phải là đệ tử của ông thầy rần đâu, vì mày có trình độ học thức lắm, thằng chả kêu mày là người bắt rần giả danh... Mày có nhớ, bữa thằng chả ca ngợi tiếng ca của vợ ông thầy rần... ông Tư Thiết, thì mày biểu, giọng bà ca nghe tạm được, nhưng mỗi khi gặp tiếng nào cuối cùng là chữ *g*, như *bàng hoàng*, thì bà bỏ phứt chữ *g*, ca là *bàn hoàn*. Gặp tiếng nào cuối cùng là chữ *t*, bà ca thành *c*, và ngược lại, *c* ca thành *t*, *rao rục* mà thành *rao rứt*, *ngắt ngậy* mà thành *ngác ngậy*, nghe muốn độn thổ không kịp, mày nhớ không? Thầy giáo Nhi nói mày ỷ là dân Bắc Kỳ, bắt bẻ từng chữ đúng sai”.

Đấng hơi cười cười: “Anh Ba trí nhớ có hạng đấy. Tôi thì chỉ nhớ thầy giáo Nhi nói anh Ba là người đàn ông quyến rũ nhất Gò Công, với hàng ria Clark Gable, tốt nghiệp đại học giang hồ, về Đồng Thạnh giả dạng làm chủ quán lều tranh”.

Ba Thạnh lại cười hề hề, đứng dậy, khéo léo đẩy cái ghế nhựa không ngã đổ: “Uống cà phê đá ha?”. Đấng cũng đứng dậy, lắc đầu, vành mũ vải quay qua quay lại: “Thôi khỏi”. Ba Thạnh đứng ngó Đấng đi ra ngoài lộ, tiếng nói bảm sau lưng Đấng: “Mày vẫn ở cái nhà hoang *Lầu Bà Tám* hả?”. “Vẫn”. Tiếng cười hề hề như tiếng dê kêu của Ba Thạnh lại cất lên thêm một lần nữa.

Buổi tối Ba Thạnh lên vào ngôi nhà bỏ hoang, ngày xưa là biệt thự của bà Tám, vợ Ông Hội Đồng xã Đồng Thạnh. Ba Thạnh nện cái chày vồ gì đó xuống chỗ nằm của Đấng, đúng chỗ gối đầu. Từ một xó tối đặc, Đấng xuất hiện, đập gậy vào cánh tay Ba Thạnh. Cái chày vồ gì đó rơi khỏi tay Ba Thạnh, ngay tức thì Đấng giáng quả đấm thẳng vào mặt Ba Thạnh.

Đấng nói: “Thầy giáo Nhi chỉ thích giọng hát của bà vợ ông Tư Thiết, còn anh Ba mới thích toàn bộ bà ta. Tất nhiên anh Ba phải khử ông Tư Thiết, chứ không phải thầy giáo Nhi làm chuyện đó”.

Đấng nói vậy, nhưng không phải vì suy luận như vậy mà Đấng biết sự thật Ba Thạnh ám hại ông Tư Thiết. Đấng chỉ biết trong khi ở tù trong trại giam của công an thị xã Gò Công, Ba Thạnh vốn là tay giang hồ, sát thủ lạnh lùng như máy, nổi tiếng ở một vùng xứ Quảng. Ấy vậy mà Đấng tưởng Ba Thạnh là người Gò Công. Ba Thạnh có vợ ở thị xã Gò Công, chủ một sạp bán vải ở chợ trung tâm thị xã, thỉnh thoảng mới về thăm vợ con.

Sẩm chiều hôm trước, Đấng trở lại Đồng Thạnh. Tối đến nhà ông Tư Thiết, Đấng khựng lại, nghe tiếng nói Ba Thạnh trong căn nhà khép cửa, để đèn ngủ.

“Cái chày vồ gì đây, hử là hung khí anh Ba đập vào đầu ông Tư Thiết. Còn con rần, chắc là con rần tôi cho anh Ba hồi đó, anh thả nó vào trong áo quần ông Tư Thiết, làm như ông Tư Thiết chết vì sinh nghề tử nghiệp. Và người có khả năng điều khiển rần ở Đồng Thạnh này, ngoài ông Tư Thiết là tôi chứ còn ai khác nữa. Anh Ba biết tôi bị tù oan, chứ mấy ông xã hội bắt tôi là phải”, Đấng nói, trong khi Ba Thạnh còn ở thế nửa ngồi nửa nằm. Cú đấm thẳng của Đấng khiến Ba Thạnh thúc thủ.

Tôi đưa truyện ngắn "Một Truyện Ngắn" này cho người bạn là nhà phê bình văn học xem. Anh nói: “Ờ, đây là *truyện ngắn*, còn những cái trước của ông hầu hết là *ký*, ghi lại chuyện thật của mình mà thôi, chẳng có xây dựng nhân vật, bố cục, chi tiết, gút thắt, kịch tính gì cả”.

Tôi ngạc nhiên về nhận xét của người bạn, nhà phê bình văn học. Rồi tôi nói sự thật, *truyện ngắn* này là *ký* hơn tất cả những cái trước. Hoàn toàn là chuyện xảy ra với tôi. Thay vì nhân vật chính xưng *tôi*, tôi cho *tôi* cái tên là Đấng. Bảo đảm một trăm phần trăm là chuyện thật. Có chút xíu không đáng kể, tôi chỉ bị giam giữ 7 tháng ở trại giam giữ của công an thị xã Gò Công, nhưng tôi nói với Ba Thạnh, đúng tên anh ta là vậy: “7 năm, thừa ngài”.

## 1 gồm 3

Hắn, tôi từng gặp ở đâu đó, một tỉnh lẻ thuộc miền Trung. Tôi gặp lại hắn ở Sài Gòn, cư ngụ cùng khu phố nghèo, dù mẹ kiếp nghèo, tuy nhiên cái quán nửa khuya đầu hẻm 24/24 giờ mở cửa, ngồi uống một ly cà phê đen cũng được nghe nhạc vàng mệt nghỉ, tới chán không thôi. Nói chuyện gì cũng vậy, chuyện gì cũng thú vị dù có thối tha đến mấy, hắn từng học hành tới nơi tới chốn, và hắn chịu chơi. Hắn đẹp trai, râu ria và mệt mỏi thấy mẹ, cũng hay hay, như tài tử điện ảnh Mỹ. Hóa ra, trước 30 tháng 4, tôi về Đại Đội Hắc Báo thì hắn vừa ra khỏi, đi bụi đời dân vốn là lính đào ngũ, trải dài từ Huế xuôi xuống ngược lên khắp miền Trung. Hắn lấy vợ, một cô gái tỉnh lẻ thuộc miền Tây, ít học, đẹp nẩy lửa, về Sài Gòn cư ngụ cùng khu phố nghèo với tôi. Bây giờ hắn và tôi thường xuyên gặp nhau, tìm lại một thời đã mất qua những bản nhạc vàng, quán nửa khuya 24/24 giờ mở cửa.

Không thấy hắn trong quán nửa khuya. Tiếng hát một ca khúc nhạc vàng muôn thuở: Quán nửa khuya đèn mờ như sương khói... Đù mẹ, khói lựu đạn. Tiếng cãi lộn ngoài con hẻm, sát bên quán: Có người thấy rõ ràng cô mở phèo-mơ-tuya quần gin thẳng cha giám đốc công ty... Thế anh biểu tui làm gì để có tiền cho anh ngồi một chỗ mà viết tối ngày. Tui chỉ lo kiếm tiền, có bao giờ thắc mắc anh viết cái giống gì, mà anh còn thắc mắc tui cởi quần ông này cởi quần ông nọ. Cô không có quyền nói gì về cái việc viết lách của tôi. Tôi muốn biết thằng cha đó là thứ gì mà cô mê mẩn, sẵn sàng ăn nằm với nó? Anh biết rồi mà, ông là giám đốc công ty chứ còn là thứ gì nữa mà anh còn hỏi. Ông là khách xịn nhứt của nhà hàng, mỗi lần cùng bạn bè tới, ông mang theo 5-7 trăm đô. Ông chỉ xài tiền đô, không thêm xài tiền Việt Nam... Tôi mà có súng như hồi đó, tôi cho cô ăn một viên đạn ngay tức thì. Thôi đừng nói làm phách, có súng mà bắn cái lồn què...

Hắn nhớ cái thời Đại Đội Hắc Báo. *Than ôi, dầu thì hôi, đời thì tăm tối em ôi* <sup>[1]</sup>. Nhắc lại bất cứ cái thời nào cũng thấy rầu bỏ mẹ.

*Nhà thơ thờ cha nội Stalin*, nói phải tội, dù sao cũng đã ra người thiên cổ. Thế ông nhà thơ ngồi lồm tuồng thì còn sống à? Nói gì thì nói, phải trả lại lẽ công bằng cho người ta. Cái còn lại là gì, của một nhà thơ? Thơ của nhà thơ thờ cha nội Stalin sẽ ngã quy ngay tức khắc, khi đứng ngoài biên chế chính trị. Còn như thơ của nhà thơ ngồi lồm tuồng, dù bị bỏ ảm mốc hay vất vương ở đâu, cũng sẽ đứng lên được là thơ. Vậy mà ở xứ sở ta bây giờ, đã thành truyền thống nhà chính trị thích làm thơ, và nhà thơ thêm làm chính trị. Bởi vậy mới ra nông nổi: Thơ ca của xứ sở ta ở trên mức về một chút, do bàn tay các nhà chính trị thích làm thơ đẩy lên tới mức đó. Còn nhà thơ thêm làm chính trị, đã làm sáo rỗng thơ ca bằng những tu từ nhơm nhớp về nguồn. Tôi hỏi: Anh viết văn hả? Tôi viết. Tôi chỉ còn tin vào những chữ.

Anh có biết ông kia không, hình như là nhà văn gì đó. Tôi cũng không quen biết ông ấy, có vẻ là một nhà văn từ trước 30 tháng 4. Mục kính của ông ta trở xuống sống mũi cùng những giọt mồ hôi chảy dài trên khuôn mặt sáng, râu lồm chồm. Một con chó chạy ra cùng hai đứa nhỏ. Nó, con chó ấy khá đẹp đực, lúc thì tới chiếc xe tải nhỏ, lúc thì tới chiếc xe ba-gác máy, người bánh xe, sau khi người, co một chân lên, đá vào bánh xe mỗi chiếc một cái. Hai đứa nhỏ, đứa bé trai lớn hơn đứa bé gái, đứng lơ ngơ bên nhau trên vỉa hè, một trong những vỉa hè không phải là vỉa hè, mà đúng là vỉa hè của khu phố nghèo. Chúng, hai đứa nhỏ ấy, ôm giữ mấy thứ đồ chơi rẻ tiền, tất nhiên bằng nhựa.

Chiếc xe ba-gác máy nổ máy. Người đàn ông có vẻ là một nhà văn từ trước 30 tháng 4, ngồi chen giữa đồng sách trong thùng xe. Đứa bé gái ngồi trên bọt-ba-ga của chiếc xe, thấp chùn sau lưng anh lái, một tay lau nước mắt, một tay ôm mấy thứ đồ chơi bằng nhựa. Chiếc xe ba-gác máy đi khuất góc phố, chiếc xe tải nhỏ bắt đầu nổ máy. Người đàn bà, vẫn còn nước nôi lấm, và đứa bé trai ngồi trong ca-bin cùng bác tài xế. Tiếng người đàn bà: Sao con giữ con búp-bê của em?

Chiếc xe lăn bánh, rời khu phố nghèo, hai mươi năm ấy không buồn sao đang <sup>[2]</sup>

Hắn nói: Ôi cái cảnh chia tay sao mà buồn vậy. Nhưng dù mẹ, con vợ tôi nó đi về nhà nữa, tôi chẳng có cơ hội nào để chia tay sao mà buồn bã. *Con đường mang tên em, đèn khuya mắt đỏ còn đây dấu xưa.* Hắn lại nói: Con đường này tên là gì? Xin thưa, đường Minh Phụng, bà con ở đây nói đó là tên chàng kếp hát cải lương. Hắn lại hỏi: H của ông bây giờ ra sao? Tôi nói về sự bốc hơi của thể lỏng. Lúc đầu tôi thấy H ở thể rắn. Hóa ra không phải. Mà H có phải của tôi đâu. Tôi chẳng trách nhiệm gì hết về mọi chuyện.

Hàng cây bằng lăng dọc vỉa hè đường Minh Phụng, một trong những vỉa hè không phải là vỉa hè, mà đúng là vỉa hè của khu phố nghèo, hoa phớt màu tím xứ Huế, lãng mạn bỏ mẹ, bẽ gì cũng là an ủi. Nhạc vàng sến bỏ mẹ, bẽ gì cũng an ủi nỗi lòng hai người đàn ông nguyên là lính Đại Đội Hắc Báo, ăn thịt hộp ba lát, hút thuốc lá Camel hương vị Thổ Nhĩ Kỳ, lãnh lương Mỹ một thời.

## Một nơi mất tích

(Nhân vật xưng) tôi, hắn có thể trở lại căn nhà này vài ba lần hay vài ba chục lần nữa, ai mà biết được. Dù sao thì ngay lần này, lần mà tôi hiện diện ở đây, căn nhà đã không còn nữa. Tuy nhiên việc hình dung ra nó, căn nhà ấy, chẳng có gì khó khăn. Bởi vì căn nhà xoàng xĩnh tới nỗi chẳng có gì để hình dung, chẳng có gì hết. Một mái trú đột nát, bốn bề tường vách loang lổ, có một lỗ hồng, lũ chuột ra vào tìm kiếm thức ăn, chúng cư ngụ, hẳn thế, chúng sinh sản nữa, ở đâu đó trong bức tường.

Vài cái rương gỗ, một cái giường sắt nhà binh, vài quyển sách, một khung hình không có hình. Trên mặt một cái rương, tôi đặt bức thư đã xé mép phong bì, chặn trên bức thư bằng một cục đá cuội khá lớn. Bức thư ở đó chẳng nhắc nhở tôi gì hết, không chừng chỉ có cục đá cuội gây chú ý, bức thư chị Hợp mang tới giùm Hạnh. Tôi từng quen biết Hạnh, chị Hợp từng quen biết Hạnh.

Tôi quen cả hai người cùng lúc, chị Hợp và Thành, người chồng của chị. Một bạn học cũ chơi thân với Thành từ thuở nào, ngưỡng mộ Thành. Theo lời bạn học cũ nói về Thành, tôi cho rằng Thành còn tự ngưỡng mộ mình hơn cả sự ngưỡng mộ của bạn. Suốt thời trẻ, anh ta chỉ vận quần lót, đi lại, ngắm nhìn mình trong gương ở phòng khách mỗi ngày ít nhất nửa buổi.

Chị Hợp tới lúc tôi vừa thức dậy, không phải chị tới sớm, mà là tôi thức dậy quá muộn. Chị ngồi trên mép giường sắt nhà binh, trong nhà không có cái ghế nào, không có thứ gì để ngồi, ngoài cái giường tôi vừa ngủ dậy. Tôi đoán chị Hợp đã có con lớn tuổi, có thể đã lập gia đình rồi là đằng khác, sao chị ngồi rụt rè, ở mép giường? Tôi lấy nước mời chị uống, và tôi ngồi trên mặt rương gỗ, bên cạnh bức thư của Hạnh có một cục đá cuội khá lớn chặn giữ. Tôi hút thuốc và định nói gì đó chưa biết, chị Hợp nhìn chỗ bức thư có chặn trên đó một cục đá cuội khá lớn, “Anh đã gặp Hạnh rồi chứ?” Tôi lắc đầu. Tôi không tìm tới chỗ Hạnh ở làm gì, nơi mà Hạnh viết trong thư là đã rời khỏi. Chị Hợp không hỏi thêm lời nào, chị nhìn vu vơ các chỗ trong căn nhà. Cái nhìn lướt qua, trở lại, vẫn cái nhìn vu vơ, lướt qua lỗ hồng của lũ chuột. Tôi nói khi chị không nhìn vu vơ nữa, chị nhìn tôi, cái nhìn có sự ngạc nhiên trộn lẫn nỗi buồn nào đó, cái nhìn làm tôi hối hận về sự ơ hờ của tôi đối với bức thư chị mang tới tuần lễ trước, “Tôi tưởng chị biết Hạnh đã rời khỏi đây?”

Chị Hợp cúi đầu, hai tay giữa hai chân duỗi thẳng, mái tóc chị hơi dài, dợn sóng chảy xuôi xuống hai bên khuôn mặt. Chị Hợp ngồi như thế một hồi lâu, chị ngước khuôn mặt, và tôi có cảm giác vừa đi qua con phố sau cơn mưa bốc lên mùi gỗ ẩm. Tôi đã đi qua con phố như vậy bao giờ chưa? Con phố ở đâu đó, hình như ông Jean-Paul Sartre đã đi qua. Có phải vì cái tựa quyển sách tôi vừa nhớ ra, tôi nhớ tới Thành, *buồn nôn*?



Anh ta dẫn cô cháu họ tới ở tạm trong căn nhà này, “chờ dựng thu xếp chỗ ở mới”, với xấp hình khoả thân mà anh ta tự hào về tay nghề nhiếp ảnh của mình, “những bức ảnh khoả thân cỡ quốc tế, chụp cô gái có thân thể đẹp tuyệt vời như thần Vệ Nữ”. Chị Hợp chắc không hề biết những tác phẩm nghệ thuật của người chồng, những tấm hình khoả thân với đủ tư thế khiêu dâm của người cháu gái, chị Hợp là di ruột.

Chị Hợp, vừa cúi xuống lại, bất chợt ngược khuôn mặt, *con phố sau cơn mưa bốc lên mùi gỗ ẩm*, chị nhìn tôi, cái nhìn ngạc nhiên trộn lẫn nỗi buồn nào đó lạ lùng, cái nhìn chuyển nhanh sang vợ như làn khói thuốc lá tôi thờ. Tôi thề rằng tôi không tự chủ được gì hết, tôi vụt đứng lên, đi tới chỗ giường sắt nhà binh, và chị ngã xuống, sém chút nữa va đầu vào vách tường. Tôi ôm choàng thân thể chị Hợp, chị giấu mặt trong tóc, tôi hôn vào tóc vào tai, tôi muốn ngấu nghiến chị như con thú đau đớn tuyệt vọng. Rồi tôi im ỉm. Chị Hợp khóc không tiếng.

(Nhân vật xưng) tôi không thể hiểu vì sao Thành biết chuyện này, sau hai tiếng đồng hồ chị Hợp rời căn nhà tôi ở. Anh ta là một nghệ sĩ nhiếp ảnh to khoẻ, nhưng không phải vì thế mà tôi bàng hoàng. Tôi hãi hùng trộn lẫn lo sợ trộn lẫn hối tiếc, hoàn toàn vì chị Hợp. Thành gằn tiếng: “Cậu đê tiện lắm. Thế là hai kẻ đê tiện đã lộ mặt, đưa gian phụ, đưa dâm phụ.” “Không phải như vậy, anh hiểu lầm rồi.” Thành cười nhạt, “Tôi không hiểu lầm. Từ lâu tôi đã biết tình ý của hai người. Và cậu còn đủ tự trọng để không chối cãi chuyện vừa rồi chứ? A ha, quần nhau đã đời trên giường lò xo sắt nhà binh! Cả hai người cao đạo, bây giờ lòi cái đuôi chim chuột.” Hình như tôi sắp đưa thẳng tay ra, bóp cổ tên tổ sư chim chuột chính hiệu. Hình như anh ta lùi lại một chút, giáng thẳng nắm đấm vào mặt tôi. Hình như máu mũi, máu miệng tôi phun ra, nhanh như bước chân anh ta rời khỏi căn nhà tôi ở.

## Vài ngày Nha Trang

Nha Trang, tôi chỉ tới một lần, cách đây vài chục năm, trước 30-4-1975. Tới Nha Trang lần đó, tôi không biết gì nhiều hơn về Nha Trang ngoài khu vực Đồng Đế, có trung tâm huấn luyện, đào tạo hạ sĩ quan của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Lần đó, nhân dịp nghỉ phép, tôi ra thăm người bạn cùng khoá sĩ quan trừ bị Thủ Đức, đang làm cán bộ huấn luyện tại trung tâm. Đây chỉ là chuyến thăm người, không phải thăm cảnh. Chúng tôi ngồi quán cà phê ở khu vực Đồng Đế, loanh quanh trong đó: giáo xứ Ba Làng, bờ vụng biển Bãi Tiên... Chuyến thăm bạn, và quen biết thêm người, vị sĩ quan mà chúng tôi quý mến, thiếu tá Lương Quang Xuyên, lúc đó là trưởng phòng quân báo thuộc trung tâm huấn luyện.

Tôi vốn đặt trái-tim-trên-cao-nguyên từ thuở nhỏ, những Di Linh-Đà Lạt-Đơn Dương trở thành những “*nơi chốn* — theo Giáo sư Alain — *treo trên cổ con người như hình phạt*”, nghĩa là tôi bị tuyên án không thể thích hợp nơi nào khác. Nên tôi tới Nha Trang lần này thì chỉ vì công việc. Xong công việc, một mình ngồi quán Bốn Mùa đẹp đẽ hiện đại trên đường phố lớn bên bờ biển. Bãi Trần Phú, tên gọi dậy sắc màu Việt cộng, nhưng bãi biển rất Tây, với du khách nước ngoài, Việt kiều, tràn ra tắm biển sớm.

Chợt cái vật bất ly thân ở thời nay — cái điện thoại di động — nó reo. Tôi mừng rỡ, vội nói cho người bạn họa sĩ Nguyễn Hưng Trinh biết, rằng tôi đang ngồi trong quán Bốn Mùa, trên bãi biển Trần Phú của Nha Trang đây. Tôi quen Nguyễn Hưng Trinh qua người anh, nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc. Căn nhà của Nguyễn Hưng Trinh ở quận 7, nơi Nguyễn Hưng Quốc tụ tập bạn bè thân quen trong một lần anh từ Úc về Sài Gòn. Tôi biết Nguyễn Hưng Trinh đã dời chỗ ở, ra Nha Trang từ mấy tháng nay, nhưng không biết lối đi tìm khi tới thành phố biển, và cũng không nhớ số điện thoại di động của Nguyễn Hưng Trinh để gọi.

Ngôi nhà trên Núi Sạn của Nguyễn Hưng Trinh có vị trí khá đẹp, nhìn ra vụng biển, dãy núi chập chùng sương trắng vờn quanh mỗi sớm mai. Dãy núi mà người ta huyền thoại hoá, thành chuyện cổ tích, bảo rằng các nàng tiên cư ngụ ở trên núi này vẫn rủ nhau xuống tắm ở bãi biển

phía dưới. Đây là Bãi Tiên, tôi đã cùng người bạn uống cà phê nhiều buổi, cách đây vài chục năm.

Từ cái “chòi vọng cảnh” của Nguyễn Hưng Trinh, mãi trên cao Núi Sạn, nhìn dãy núi chập chùng trước mặt, đúng là phía khu vực Đồng Đế với dáng núi y hệt nàng tiên nằm xoã tóc. Tôi nhớ bức tượng của trung tâm huấn luyện - trường hạ sĩ quan Nha Trang, một người lính trẻ đang đứng ở thế thao-diễn-nghỉ. Nhớ câu thơ không biết đích danh chàng tân binh kiêm thi sĩ nào là tác giả, loan truyền khắp nơi, khi nhắc tới trường hạ sĩ quan Nha Trang ai cũng nhớ: *Anh đứng ngàn năm thao diễn nghỉ / Em nằm xoã tóc đợi chờ ai.*

Tôi nói chuyện cùng vợ chồng Nguyễn Hưng Trinh về chuyến tới Nha Trang lần đầu, tôi chỉ biết khu vực Đồng Đế, và nhắc tới vị sĩ quan khả ái mà tôi quen biết qua người bạn, thiếu tá Lương Quang Xuyên. Hoá ra bác Xuyên là cha vợ Nguyễn Hưng Trinh, chị Lương Thị Mỹ Hạnh. Gia đình chị thuộc giáo xứ ba làng ngoài miền Bắc di cư vào miền Nam tự do năm 1954, chị Mỹ Hạnh sinh trưởng tại Nha Trang. Sau 30-4-1975, bác Xuyên đi học tập cải tạo, gia đình đi kinh tế mới vùng tỉnh Đồng Nai. Nguyễn Hưng Trinh gặp người hôn phối ở đây. Tôi lưu lại Nha Trang mấy ngày, ở nhà Nguyễn Hưng Trinh trên Núi Sạn. Trong mấy ngày này, tôi đã có hào hứng đi dạo phố Nha Trang.

Những con đường nhô cao để dẫn ra biển ở những thành phố biển luôn thấy đẹp. Phố xá Nha Trang hình như không thay đổi nhiều, nhà phố hư cũ được sửa mới theo thời gian cũng giống đa số tỉnh thành khác: những cái hộp cao thấp lô nhô, kiểu dáng tạp-pi-lù. Nha Trang ít vẻ phương Tây như thành phố biển Vũng Tàu. Tôi thấy một đặc điểm thích hợp với tôi, kể hay la cà ngồi quán cóc vỉa hè ngó phố xá ngó người qua lại, thì ở rất nhiều đường phố của Nha Trang đã đáp ứng dư. Đi bộ dăm ba phút lại gặp một quán cóc vỉa hè, kể cả hàng ăn lẫn hàng uống. Hai con sông chạy ngang thành phố ra biển, những bến tàu thuyền, hẳn rất gọi cảm đối với nhiều hoạ sĩ, chẳng biết có Nguyễn Hưng Trinh trong số đó không. Chiếc cầu mang tên Cầu Xóm Bóng, bắc ngang sông Cái, nhìn từ bên này cầu: một vùng cây cối xanh tốt um tùm ôm lấy THÁP BÀ PONAGAR của dân tộc Chăm ở bên kia cầu.

Tháp Bà Ponagar, tức Tháp Thiên Y Thánh Mẫu ở Nha Trang của dân tộc Chăm. Thiên Y Thánh Mẫu, bà chúa xứ của dân tộc Chăm, khác với Bà Chúa Xứ thờ phụng ở núi Sam vốn không phải của người Việt Nam, mà của Vương quốc Phù Nam đã bị tiêu vong từ thế kỷ thứ IV. Tôi vào nhìn ngắm Tháp Bà Ponagar với những tháp lớn, nhỏ, là công trình kiến trúc kỳ diệu, gần với kiến trúc của đạo Hindu - Ấn Độ, nhưng có những đặc điểm riêng biệt của đất nước Chăm-pa. Ngày lễ lớn nhất của dân tộc Chăm, người Chăm ở khắp nơi tụ tập về đây.

Gặp chuyến xe buýt đi Lương Sơn, cách xa thành phố Nha Trang khoảng 15 cây số về hướng bắc, tôi chợt nhớ nơi Thượng toạ Tuệ Sỹ bị công an nhà nước đón lõng để đưa về quản thúc hồi mấy năm trước, sau khi thầy ra thăm Thượng toạ Huyền Quang nằm bệnh ở Bình Định trở lại Sài Gòn. Nhưng không phải nơi này, Lương Sơn là tên một chợ đầu mối cá sông biển của Nha Trang. Còn Lương Sơn, nơi thầy Tuệ Sỹ bị đón lõng, thuộc tỉnh Ninh Thuận. Nhớ thầy Tuệ Sỹ, tôi liền nhớ và tới thăm thầy Phước An, huynh đệ gần gũi với thầy Tuệ Sỹ, hiện vẫn ở chùa Hải Đức trong thành phố Nha Trang.

Chùa Hải Đức tọa lạc trên một trái đồi lớn trong thành phố, từ đó nhìn được gần như toàn cảnh Nha Trang. Trước 30-4-1975 chùa Hải Đức là Phật học viện lớn nhất của phía Nam Trung phần, một thời gian dài thầy Tuệ Sỹ và thầy Phước An cùng ở đây. Khi xảy ra biến cố Ba-Mươi-Tháng-Tư, thầy Phước An đưa thầy Tuệ Sỹ về nương náu nơi cánh rừng heo hút của Vạn Giã — tỉnh Khánh Hoà — thuộc một ngôi chùa ở địa phương mà thầy Phước An quen biết. Còn thầy Phước An, khi về lại chùa Hải Đức, bị buộc phải đi vùng kinh tế mới ở Đại Ninh — tỉnh Lâm Đồng.

Thầy Phước An hồi tưởng đêm cuối cùng trước khi đưa thầy Tuệ Sỹ vào rừng : “Nằm trong ngôi chùa ở thị trấn Vạn Giã chờ sáng đi vào rừng, hai anh em chúng tôi nghe tiếng xe chạy ngoài đường phố mà buồn nảo ruột.” Rồi thầy nhớ lại tất cả, ở chùa Hải Đức, cũng gọi là Phật

học viện Nha Trang: “Hồi đó ở đây vui lắm, nhiều buổi chuyện trò văn nghệ hào hứng lắm. Nhà thơ Quách Tấn, nhà văn Võ Hồng lui tới đây luôn. Phạm Công Thiện cũng từng ở đây một thời gian dài.” Tôi hỏi thầy Phước An về tình hình hiện nay của thầy ở chùa Hải Đức, vì tôi nghe nói có nhiều bất an trong thời gian qua. “Cũng vẫn có nhiều phức tạp trong ngôi chùa này. Nhưng dầu sao bây giờ tôi cảm thấy mình không còn bị những con mắt cá chìm theo dõi từng bước chân như thời gian qua. Họ phải hiểu rằng mình chỉ là ông thầy chùa thích văn chương thơ phú, có hoạt động tổ chức xách động chống đối gì đâu. Muốn vu khống cho mình cũng không dễ.”

Thầy Phước An dẫn tôi thăm cảnh đồi chùa, tới lưng chừng lối dốc, thầy chỉ cây khế già cỗi gần bên: “Đây chính là cây khế mà ngày trước Phạm Công Thiện từng viết nên bài thơ hai câu trong thi tập *‘Ngày sanh của rấn’: Mưa chiều thứ bảy tôi về muôn / Cây khế đồi cao trở hết bông.*”

Tôi chào tạm biệt thầy Phước An, rời chùa Hải Đức. Phật học viện xưa, bây giờ chỉ còn chút ít dấu vết ở nơi chưa sửa tới, của ngôi chùa đang xây dựng lại, thầy Phước An cho tôi biết vậy. Mà thầy Phước An không nói ra, tôi cũng phải biết vậy. Và tôi biết rằng, mấy ngày ở Nha Trang là quá đủ, cho cả niềm vui, nỗi buồn.

## Thiếu phụ ở thị trấn sương mù

Lão-thầy-thuốc-về-vườn, bạn tôi gọi một thằng cha tôi biết sơ sơ như vậy; và chỉ cần gọi như vậy, tôi biết ngay lập tức bạn tôi muốn nói tới ai. Lão-thầy-thuốc-về-vườn, tôi chả muốn nhắc nhớ làm gì; lẽ ra tôi không thể gọi thằng cha thầy thuốc về vườn là lão, một đại danh từ, dù trong trường hợp này, rõ ràng không mấy may tôn kính; thằng cha thầy thuốc về vườn ấy chỉ xứng đáng để tôi gọi là thằng, thằng thầy thuốc về vườn, thằng con heo bệnh hoạn dơ dáy đê tiện ngu xuẩn hạ cấp. Bạn tôi nói tiếp như vậy. Tôi muốn dùng từ chính xác: Bạn tôi rửa sả một thằng cha tôi biết sơ sơ như vậy.

Tôi cho rằng tôi hiểu bạn tôi trong câu chuyện bạn tôi nói tới; đã hơn-một-lần bạn tôi nói tới câu chuyện ấy; nghĩa là câu chuyện mà bạn tôi buộc phải nhắc tới một thằng cha tôi biết sơ sơ; và nghĩa là, câu chuyện về thiếu phụ ở Thị Trấn Sương Mù. Lão-thầy-thuốc-về-vườn; không, phải nói chính xác như bạn tôi đã khẳng định: Thằng thầy thuốc về vườn, thằng con heo bệnh hoạn dơ dáy đê tiện ngu xuẩn hạ cấp; bạn tôi đã kể câu chuyện ấy hơn-một-lần; lần này bạn tôi tuôn ra một chuỗi rửa sả con heo bệnh hoạn, rửa sả một thằng cha tôi biết sơ sơ, nghĩa là tôi chỉ biết hần địch thực là một nhà thơ giả hiệu nhà hoạ giả hình; bỗng nhiên bạn tôi ngưng rửa sả, về mặt trầm ngâm. Rồi bạn tôi bảo: Chả nên nói gì về thằng cha này nữa; nói mãi cũng vậy thôi, chả thay đổi được gì hết. Không những thế, bây giờ tôi lại thấy tội nghiệp hần; hần có là thằng con heo bệnh hoạn thì tôi lại càng tội nghiệp cho hần. Tôi gặp lại hần cách đây không lâu, sau sự vụ cực kỳ tệ hại của hần đối với thiếu phụ ở Thị Trấn Sương Mù. Buổi gặp ấy tôi thấy hần thê thảm quá. Cái đầu thì rụng gần hết tóc, cái dáng đi thì như một thằng cha bị bệnh giang mai hết thuốc chữa. Hần lấy ra trong túi nhựa cuốn báo *Văn Quán*, nghĩa là Tiếng Nói Hội Dương Của Nhóm Ý Thức Mù Loà, cái nhóm văn nghệ nửa mùa trước Ba Mươi Tháng Tư Bảy Mươi Lăm. Hần cầm cuốn báo chết tiệt đó, đi qua mặt tôi, đi tới và khúm núm dâng tặng một nhà văn mà hần ngưỡng mộ. Nhà văn này sống nhiều năm bên trời Tây, viết lách chả được bao nhiêu và chả ra cái thể thống gì. Một truyện ngắn có-lẽ-để-đời của nhà văn, chỉ được duy nhất cái nhan đề truyện nghe lạ, lạ như bài thơ trên xương cụt quái quỷ gì đấy. Nhà thơ Huy Tưởng, bạn tôi, từng thấy hần khúm núm đưa bản thảo một vở kịch vở cộm gì đó, cho người chủ trương một tờ báo mạng văn nghệ uy tín, từ nước ngoài về thăm bằng hữu và người thân quen làm văn nghệ ở Sài Gòn. Huy Tưởng bảo: Hôm đó có tiệc tùng ở quán Phố Hoài; khi tiệc tàn, thấy bản thảo vở kịch của hần nằm dưới chân bàn cùng xương cá xương gà xương vịt. Tôi thì

biết tổng cái chuyện vẽ vờ của hắn. Toàn là ăn cắp ăn nhặt, hết ăn cắp của Duy Liêm thuở xưa tới ăn nhặt của Bửu Chỉ thời nay; thời nay nhưng Bửu Chỉ cũng đã trở thành người thiên cổ từ khuya rồi. Tám danh thiếp của Minh Nguyên, bạn thân của hắn, một ông già hiền lành, không biết nói dóc bao giờ. Hắn trình bày tám danh thiếp ấy, ký hoạ chân dung người bạn thân chẳng giống người bạn thân tí nào, mà giống y chang một hình hoạ làm *vignette* trình bày báo của Duy Liêm; lại viết kèm theo chân dung một người không biết nói dóc bao giờ, hàng chữ: *cá thàng tu!* Nghĩa là hắn bày đặt hết chỗ nói, bày đặt không đúng chỗ nữa là đằng khác; ra cái điều ta đây hiểu biết nhiều nền văn hoá của thế giới, cả Đông lẫn Tây.

Ấy vậy đó, vẫn cứ phải nhắc nhở tới hắn, ôi người bạn khốn khổ của tôi. Bạn tôi chửi rủa đã đời thằng con heo bệnh hoạn dơ dáy đê tiện hạ cấp, bây giờ bạn tôi lại tội nghiệp hắn. Tôi cho rằng không nên tội nghiệp gì ráo; hắn đã làm tan hoang một góc đời thiếu phụ ở Thị Trấn Sương Mù; hắn vẫn tiếp tục thi thố thơ ca rác rưởi của hắn, vẽ vờ vớ vẩn của hắn. Buổi ra mắt tờ báo *Văn Quán*, hắn tỉ tê với một người đẹp sinh liên hoan trình diễn văn nghệ, để người đẹp này ngâm nga cái gọi là bài thơ tâm tình ngoài-vòng-phủ-sóng của hắn, đăng chình inh trên trang giấy thuộc *cahier* đầu của tờ báo. Ấy tuy nhiên bạn tôi tội nghiệp hắn cũng được thôi; nghĩa là thôi thế thì thôi mặc kệ cái thằng con heo ấy; đừng nhắc nhở chi nữa tới những thứ nhơ nhớp nhầy nhụa ở cuộc đời đã quá dư đau thương khốn khổ.

Tất nhiên, người thiếu phụ ở Thị Trấn Sương Mù, qua câu chuyện bạn tôi kể, thật đáng mến thương quý trọng. Tôi bình sinh không mấy tin tưởng ở những gì người ta bảo là tuyệt vời trên cõi nhân gian, nhất là cõi nhân gian hình chữ S này; nhưng người thiếu phụ ở Thị Trấn Sương Mù quả là tuyệt vời. Ấy vậy mà tôi chưa từng được gặp thiếu phụ tuyệt vời của bạn tôi; nhưng cứ theo lời bạn tôi kể, thì tôi thấy nàng đích thị là loại phụ nữ mà Nietzsche nói tới. Nietzsche bảo, đấy là loại phụ nữ đầy khả năng trợ lực, thôi thúc nguồn sáng tạo, loại phụ nữ xứng đáng để trở thành cảm ứng (không phải cảm hứng) cho tác phẩm của người nghệ sĩ đích thực.

Thiếu phụ ở Thị Trấn Sương Mù tuyệt vời như thế, cứ sao nàng lại dang tặng tình yêu của nàng cho cái thằng con heo kia? Bạn tôi bảo, đã nghe nàng tâm sự: *Anh có thấu hiểu niềm đau của một cảm tử quân?* Thời gian tình cờ gặp hắn từ Sài Gòn lên Thị Trấn Sương Mù, nàng đang khốn khổ trong vòng vây khốn của một gia đình; nàng ở tâm trạng và tình thế phải làm một cảm tử quân, xông lên phá vòng vây khốn giết lấy lá cờ; trong giây phút ấy còn đâu sự suy tính lá cờ ấy đích thực chỉ là tà vậ hay có chính nghĩa. Hoá ra, lá cờ ấy là lá bùa của tên phù thuỷ. Hắn cao tay ản, dìm nàng sâu xuống cơn mê muội, cơn mê ảo tưởng về một tình yêu kéo dài tới mấy năm trời.

Hơn-một-lần tôi mong gặp thiếu phụ ở Thị trấn Sương Mù. Là cố quận, Thị Trấn Sương Mù không mấy lạ lẫm với tôi. Ấy tuy nhiên, nhân vật của bạn tôi đang sống trong một không gian kỳ ảo; đấy là điều tôi chỉ biết được qua bạn tôi mà thôi. May thay, tôi gặp bạn tôi ở Thị Trấn Sương Mù, trong chuyến tôi đi lên miền cao nguyên còn nhiều hoang sơ của thế kỷ bê tông cốt sắt lạnh lùng. Bạn sẽ dẫn tôi tới chốn kỳ ảo lung linh mà tôi chưa từng biết. Bạn lắc đầu, nói: Tiếc thay, nàng đã bỏ đi khỏi Thị Trấn Sương Mù. Làm sao nàng sống được ở đây nữa, khi những tám hình do thằng con heo bệnh hoạn chụp, đã gửi tới từng người thân của nàng? Tôi hỏi bạn tôi những tám hình gì; bạn tôi sực tỉnh, nói: Hoá ra tôi chưa cho bạn biết cái chuyện hắn chụp hình trong lúc ân ái với nàng? Rồi chả biết vô tình hay cố ý, hắn để vợ hắn đem sao chép ra hàng chục tấm, gửi tới địa chỉ của tất cả những người trong gia đình nàng và gia đình chồng nàng.

Kinh ngạc và kinh tởm cực độ cái vụ việc do thằng cha thầy thuốc về vườn gây ra; rồi tôi cũng bình tâm. Rồi tôi muốn hỏi thật người bạn: Thế là thế nào? Nhưng bạn tôi đã rời Thị Trấn Sương Mù. Thế là thế nào, tôi không cần hỏi người bạn nữa. Đây đích thị là một truyện ngắn mới của bạn tôi. Không biết bạn tôi đã đưa đăng truyện ngắn này ở đâu, trên báo viết hay báo mạng, trong nước hay ở nước ngoài. Thiếu phụ tuyệt vời đó có lẽ là nhân vật hư cấu, là sản phẩm trí tưởng tượng của nhà văn. Hơn-một-lần bạn tôi cho biết, đấy là chuyện tình bí-mật-bị-bật-mí của thiếu phụ ở Thị Trấn Sương Mù. Thế thì người vợ của thằng thầy thuốc về vườn

lấy đâu ra địa chỉ của từng người thân trong gia đình vợ chồng thiếu phụ ở Thị trấn Sương Mù, để gửi những tấm hình mà thằng chồng hạ cấp của mình là tác giả thực hiện? Cụt hứng tò mò về những chuyện ly kỳ có thật ở đời, nhưng tôi bái phục sản phẩm của nhà văn bạn tôi. Hẳn nhiên thằng thầy thuốc về vườn có thật, hẳn là một thằng cha tôi biết sơ sơ; nhưng tôi không muốn gặp hắn tí nào, tôi không muốn nôn mửa kể cả khi say rượu nữa kia; tôi chỉ mong gặp thiếu phụ tuyệt vời của bạn tôi mà thôi. Thế là tôi lại vững lòng hoài nghi, có ai có gì tuyệt vời ở cõi nhân gian hình chữ S này, ngoài trí tưởng của người nghệ sĩ?

## Tiến Lộc Thành ở B'laio

Tặng sư Nguyệt Quang

Tôi nói với nhà sư: “Để tôi chờ thầy về...” Chúng tôi rời căn nhà của tác giả *Tinh Sương* và *Đại mộng*, hai thi tập của nhà thơ có vóc dáng cao lớn dềnh dàng, tâm hồn lại rất mong manh sương khói. Anh chuyện trò đối đáp với ai cũng như gây gỗ, nhưng không vì thế mà tôi bót mền anh. Ăn nói thì cộc cằn thật đấy, nhưng anh nhân hậu. Căn nhà ở ngoại ô thị xã Bảo Lộc, tên gọi nguyên sơ là B'laio, cây cỏ hoang dại mọc đầy chung quanh, một con suối chảy róc rách thì thào ngay trước sân nhà.

Nhà sư và tôi, trước khi về Lộc Thành, cách thị xã Bảo Lộc chừng hai mươi cây số, chúng tôi ghé thăm Thanh. Tôi gặp Thanh lần đầu cách đây vài ngày, nhưng cả Thanh và tôi ngỡ đã quen nhau từ lâu lắm, từ một tiền kiếp nào. Đã uống cà phê ở căn-nhà-ngoại-ô của tác giả *Tinh sương* và *Đại mộng*, nên lúc này chúng tôi bảo Thanh pha trà đặc biệt của B'laio để cùng uống. “Hóa ra thầy có làm thơ tình?! Thấy có thơ của thầy trong cuốn *Thơ tình miền Nam...*” Nhà sư đặt chén trà xuống cái đĩa trên mặt bàn, nhìn Thanh và nói chậm rãi: “Tôi có làm vài bài thơ mà người ta gọi là thơ tình, nhưng đã từ quá lâu rồi. Lúc đó tôi mười sáu tuổi, mới bắt đầu làm thơ mà thôi.” Khuôn mặt người-phụ-nữ-tôi-quen-từ-tiền-kiếp còn trẻ lắm; tôi nhìn thấy vẻ yên tâm trên khuôn mặt ấy, sau khi nhà sư cho biết về lai lịch những bài thơ tình đại đột của người tu hành. Câu chuyện vu vơ, thơ mộng như người ta nói, giữa ba người, trong căn nhà xinh đẹp vắng vẻ, đầy nắng sớm hiền lành của B'laio. Rồi chào từ giã, dĩ nhiên chúng tôi cùng nói với nhau, hẹn sẽ tái ngộ bất cứ lúc nào có thể. Mà có thể chẳng bao giờ tái ngộ, tôi vẫn luôn nghĩ vậy, khi chào từ biệt bất cứ một người nào.

\*\*\*

Qua khỏi trung tâm Lộc Thành một đoạn đường khá xa, gặp ngã rẽ vào con đường để đi tới cái thất của nhà sư. “Lối này vào nơi gọi là Tà Ngà, Núi Chúa. Tôi ở mãi sâu đời rừng phía trong đó.” Chiếc xe gắn máy hiệu *Viva-Đời sống* của tôi bắt đầu chạy giữa cây cối rậm rịt của những đời rừng, con đường uốn lượn lên xuống, nhiều chỗ gặp ghềnh khúc khuỷu.

Cái thất xinh đẹp của nhà sư, trên nền đất trũng mà lại cao, thung lũng vây bọc chung quanh; lối vào thất là một cái dốc thoải thoải. Chúng tôi uống trà dưới mái hiên thất; sân rộng có nhiều cây, nhiều gió; lúc gió đậm, cành lá va chạm nhau, rào rào như trời đổ mưa. Tôi chợt nhớ bài thơ về nơi có tên là Vị Thành trong một ngày mưa của Vương Duy, nhà thơ đời Đường - Trung Quốc đặc biệt thơ hay vẽ giỏi, am tường âm nhạc, say mê Thiền học, đầy thực nghiệm Thiền quán. Tôi nhớ Thanh nữa, người-phụ-nữ-tôi-quen-từ-tiền-kiếp. Trong đầu tôi hình thành bài thơ *Mưa ở Lộc Thành*, dù rằng lúc này ở Lộc Thành không mưa như ở Vị Thành của Vương Duy: *Mưa tuôn dào dạt Lộc Thành / Ở không cành lá chạm cành lá thôi / Nơi đây đậm gió thưa người / Nhớ Thanh chợt ấm đất trời ở B'laio.*

Nhà sư ngó tôi, mỉm cười và nói: “Anh Đăng chắc có nhiều cô theo lắm nhỉ?” Tôi ngừng cảm nghĩ về bài thơ vừa hình thành trong đầu, cười với nhà sư: “Có một cô theo tôi thôi: cô lô cô lốc ấy mà!” Tôi liền nhớ tới H, liền nhớ tới Thanh. H và Thanh không phải là cô-lô-cô-lốc, dĩ nhiên; H và Thanh là gì nhỉ? Là cơn mộng huyền của tôi? “Có thể vì các cô không thể hiểu anh, mà

thường là như thế, các nhà thơ luôn luôn cô đơn... Tôi đọc thơ anh từ nhiều chục năm rồi, trên báo *Khởi Hành* của Sài Gòn cũ. Tôi cũng tập tành làm thơ từ thiếu thời; nghe danh nhà thơ Thanh Tâm Tuyền từ lúc đó, nên tôi đã đổi trường học, theo học năm đệ tam ở Trường trung học tư thục Trường Sơn, vì nhà thơ Thanh Tâm Tuyền dạy môn Việt văn đệ nhị cấp ở đó. Tôi chăm chú học vì thầy Dzur Văn Tâm dạy tận tâm lắm; tôi luôn ngồi học ở bàn đầu trong lớp để nghe cho rõ lời thầy Tâm giảng dạy. Chắc cũng vì thế, thầy giáo Dzur Văn Tâm -- nhà thơ Thanh Tâm Tuyền -- đặc biệt thương mến tôi; thầy rủ tôi về nhà thầy; thầy hỏi tôi có làm thơ không...” Ngừng một lát, uống một ngụm trà; về mặt nhà sư mơ màng, hồi tưởng: “Tôi đưa nhà thơ Thanh Tâm Tuyền coi vài bài thơ của tôi lúc đó; ông cầm đọc lâu lắm, rồi ông nói để ông giữ. Khoảng một hai tuần lễ sau, vào lớp ông đưa cho tôi cuốn báo *Vấn Đề* số mới ra, có đăng mấy bài thơ của tôi mà ông giữ đó. Thì ra, nhà thơ Thanh Tâm Tuyền đưa tận tay, thơ tôi được đăng liền ở nguyệt san *Vấn Đề*. Ông lại biểu tôi, khi nào có thơ mới, cứ tới tòa soạn báo *Vấn Đề*, đưa thẳng cho ông Vũ Khắc Khoan... Rồi khi tôi tới thăm ông, ở chỗ ông làm việc, tòa soạn nhật báo *Tiền Tuyến*, ông chỉ tôi chỗ nhà thơ Viên Linh đang ngồi ở một bàn đối diện, nói: ‘Đây là nhà thơ Viên Linh, phụ trách tuần báo *Khởi Hành*, em có thể đưa thơ cho nhà thơ Viên Linh để đăng ở tuần báo *Khởi Hành*.’ Thế là từ đó, thỉnh thoảng tôi gửi thơ và được chọn đăng ở *Vấn Đề*, ở *Khởi Hành*, hai tờ báo văn nghệ uy tín bậc nhất của miền Nam tự do. Và tôi đọc được thơ của anh Đăng cũng ở mấy báo đó, nhiều nhất là ở *Khởi Hành*...”

\*\*\*

Tôi từng đọc thơ của nhà sư, từ lúc anh Tâm nói chuyện với tôi về thơ của người học trò ở Trường trung học Trường Sơn, và đọc nhiều bài thơ khác, ở một tờ báo mạng sau này. Tự đề nghị chở nhà sư về Lộc Thành, một nơi chốn ở B'laho thân thuộc mà tôi không hề lưu tâm, cũng vì tôi biết nhà sư là tác giả những bài thơ tôi từng chú ý. Tới Lộc Thành, tôi tiếc không có thời gian để ở lại đây lâu hơn một hai ngày; nơi này làm tôi bắt nhớ ngôi chùa cổ, giữa khu rừng thông cao nhất ở Dran. Nay Sương, cô gái Thượng xinh đẹp và rất Tây, học tại Lycée Yersin ở Đà Lạt, đã chỉ nhớ tới tôi mỗi khi Nay Sương muốn lên văn cảnh ở ngôi chùa cổ ấy. Nay Sương bảo, ở đây lại có một vị tu sĩ trẻ mà rất uyên thâm Thiền học, từng tu học ở những Thiền viện nổi tiếng bên Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan... mà không hề dương danh, ít người biết đến. Đúng là tôi đã gặp vị tu sĩ đó, dù chỉ một lần, nói chuyện với nhau về thơ Vương Duy; đặc biệt, vị tu sĩ đã đọc lên bài thơ *Tương Tư* cho tôi và Nay Sương nghe, bảo đây là một trong những bài thơ tình hay nhất của nhân loại từ ngàn năm nay, từ-cổ-chí-kim. Tôi nhớ buổi gặp duy nhất ấy, vào đêm cúp điện ở Dran; khuôn mặt vị tu sĩ, và cả Nay Sương, và dĩ nhiên là cả tôi nữa, dù tôi không thể nhìn thấy khuôn mặt tôi, trong ánh lửa ngọn nến, thật lung linh diệu ảo.

Tôi nói đôi điều, về sự tình tế, cô đọng trong thơ của nhà sư, qua những bài tôi đã đọc và nhớ được trên trang báo mạng gần đây. Một cơn gió đậm ủa tới, cành lá va chạm nhau, rào rào như trời đổ mưa. Chỉ thêm một chút xíu mềm lòng nữa, tôi đã buột miệng, đọc cho nhà sư nghe bài thơ “Mưa Ở Lộc Thành” còn ở trong đầu. Tôi nói với nhà sư: “Thế là thầy và tôi biết nhau từ lâu lắm rồi, bây giờ là gặp mặt, nói chính xác là, gặp mặt lần đầu.” Nhà sư mỉm cười, nói chậm rãi, âm giọng mơ hồ: “Anh Đăng nói đúng. Nhưng chính xác là: bây giờ chúng ta gặp mặt lại, sau nhiều năm mịt mù xa biệt. Tôi vẫn nghĩ anh Đăng có nhiều mỹ nhân theo anh lắm. Ngay từ buổi đầu gặp anh, cách đây vài chục năm, trong ngôi chùa ở Dran, anh không nhớ là bên anh có cô gái K'ho tuyệt mỹ hay sao? Cô ấy tên là gì nhỉ?”

Hóa ra nhà sư chính là vị tu sĩ tôi đã gặp tại ngôi chùa cổ, giữa khu rừng thông cao nhất ở Dran. Tôi ngậm thán phục trí nhớ của nhà sư. Duy có điều, Nay Sương nào phải là một trong nhiều-cô-theo-tôi-lắm-nhỉ. Cô nữ sinh Lycée Yersin chỉ nhờ tôi dẫn lên ngôi chùa, khi nào cô thích ngắm cảnh tịch liêu tuyệt đẹp ở đây mà thôi.

## Chấm xuống dòng

Khởi chằm xuống dòng, cái buổi chiều tôi từ miền tây Nam bộ về Sài Gòn, căn nhà của ông tổ trường dân phố ở Phú Nhuận. Ông Vịnh cho nhà thơ ngậm ngùi đi vào biên khảo cư ngụ hàng chục năm, khởi trả tiền thuê mượn gì hết. Ông Đỗ đã chết 1 năm, tôi hưởng dư âm, được ở chùa 1 năm còn muốn gì nữa. “Bây giờ gia đình tôi kẹt quá mới tính bán đi căn nhà này. Tôi phải sửa sang lại chút đỉnh, ngó tầm tạm người ta mới mua”. *Lời nói không mất tiền mua / Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*. Tôi cũng nhớ câu ca dao này. “Bác phải sửa lại thôi. Nhà ngó xập xệ bán mất giá ổng lắm... Cũng đang định nói với bác, có người bạn, bạn vong niên như ông Đỗ, bảo tôi về ở chung. Ông ấy ở một mình buồn quá”. Làm quái gì có ông ấy, cái ông bạn vong niên như ông Đỗ. Ruột gan trong bụng tôi vừa rơi tuột xuống đáy bụng, hình như thế, chứ làm quái gì có chuyện như thế.

Buổi sáng rất sớm ở quán cà phê quen thuộc, nhà thơ ngậm ngùi đi vào biên khảo ngồi uống cà phê một mình ở đây chừng mười một năm, cộng thêm 1 năm ngồi cùng với tôi. Con gái ông chủ quán cười thật xinh tươi, hỏi: “Chú lại sắp đi xa nữa hả?”. “Ừa!”. cái túi xách to nhất tôi có được, đựng hăm bà lằng. Có vài quyển sách, của tôi và của nhà biên khảo. Mang theo luôn khung có hình ông Charlot đi tìm vàng.

Ông chủ quán xuất hiện mới chết chứ. Lại phải nói câu từ biệt (ngậm ngùi). Nhưng tôi chưa phải nói gì hết, ông chủ quán đưa tôi một tờ giấy xếp đôi: *Em đã lòng sực khắp nơi chẳng gặp, chẳng nghe tin tức gì. Dám chị Huyền Thoại về Đơn Dương rồi lắm, quê nhà của chị ấy mà. Em, Minh.*

Cái cô Minh này trả ơn tôi giới thiệu 1 thằng bồ bảnh bao. Minh đẹp và xéch xi quá cỡ, thằng bạn giang hồ của tôi hết sức hài lòng. Anh chàng Bảo giàu quá cỡ, hai cái quá cỡ ở với nhau trong cái biệt thự to tổ bố.

Tôi quen Hạnh ở Đà Lạt, được giới thiệu là nữ họa sĩ tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định. Hạnh ký tên dưới những bức tranh là Huyền Thoại. “Cô chọn cái tên nghe cải lương bỏ mẹ”. Hạnh chỉ cười nhẹ nhàng, nụ cười khá đẹp, y chang nụ cười của Françoise Sagan hồi mới viết văn (dĩ nhiên là tôi nhìn ảnh in trong sách báo). Ấy vậy mà Hạnh lại có cảm tình với tôi ngay từ buổi ban đầu. Hạnh bảo tôi giống tài tử James Dean bụi bặm trong phim *Thành Công Vĩ Đại*. Hạnh đòi tôi cho đọc thơ văn tôi viết. Dĩ nhiên là tôi đưa hết cho Hạnh những gì tôi đã viết, kể cả những gì tôi định viết. Những gì tôi định viết đó, tôi nói miên man trên bãi cỏ bờ hồ Xuân Hương. Dĩ nhiên, thỉnh thoảng tôi thừa cơ Hạnh đang say sưa nghe, ôm chặt thân thể Hạnh, hôn lâu từ 5 phút trở lên. Rồi Đà Lạt Sài Gòn giải phóng, tôi không còn gặp được Hạnh nữa. Cô bé Minh, chả hiểu sao quen biết Hạnh, bảo từng gặp chị Huyền Thoại ở Sài Gòn, đoán chị Huyền Thoại chắc bây giờ về Đơn Dương. Tôi hy vọng là vậy. Tôi càng cần lên Đà Lạt, ở Sài Gòn tôi bế tắc quá rồi.

Chằm xuống dòng, gặp người bạn học cũ, bây giờ làm quản lý một khách sạn ở Đà Lạt.

Ngày nào tôi cũng ngồi quán cà phê Tùng, uống 2-3 ly cà phê kéo dài thì giờ, dĩ nhiên với mối hy vọng gặp lại Hạnh. Buổi đầu gặp Hạnh, chính là địa điểm này đây, cộng với vô số ngày của Hạnh ở quán cà phê đặc sản Đà Lạt. Tôi càng khâm phục nữ họa sĩ vẽ nhiều bức tranh thiếu nữ đẹp hơn bức tranh thiếu nữ choàng khăn tím Huế ngự trị nhiều năm trên tường quán cà phê Tùng. Hạnh không tỏ ý gì treo một bức tranh nào, bên cạnh hoặc không bên cạnh bức tranh của Đinh Cường, dù Thông, con trai lớn của ông Tùng đề nghị. Không có bóng dáng nào trong quán, lướt qua cửa kính, hoặc thoáng đâu đó ở khoảng mênh mông trước quán, lên xuống bậc cấp của chợ Đà Lạt, để tôi ngỡ rằng gặp Hạnh.

Rồi tôi nghĩ rằng, dù sao sống ở đây là sống với hy vọng một ngày gặp Hạnh.

Trở về cố quận Đơn Dương, biết đâu gặp Hạnh. Thị trấn Dran hiu hắt, chả hy vọng gặp Hạnh ở đâu đó trong vài con phố quanh hiu, nhà Hạnh ở đâu tôi chưa từng biết. Cuối cùng, gọi là cuối cùng vì tôi đã gặp Hạnh, trong căn nhà gỗ (phần mộ thanh xuân), trước cổng có dàn hoa giấy màu tím khô mỏng như giấy.

Tuổi thơ của Hạnh rất buồn: cô cháu gái xinh đẹp mười bốn tuổi không thoát khỏi người chú dề già thành quỷ. Nhiều mối quan hệ trần ai tội lỗi và không tội lỗi, Hạnh đẹp như trái mận chín đậm ngọt ngào của một vườn mận Trại Hàm - Đà Lạt. Hạnh ngã đầu vào vai tôi khi tôi đọc thơ

Bùi Giáng (thay lời muốn nói): *Lên mù sương xuống mù sương / Bước xa bờ cỏ xa đường thương yêu / Tuổi thơ em có buồn nhiều / Hãy xin cứ để bóng chiều bay qua / Biển dâu sự tình giang hà / Còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh.* Hạnh (thừa dịp) ngả thêm đầu tóc, cười như chuột rúc rích trên ngực tôi, cười một hồi rồi hỏi: “Tập *Mưa Nguồn* của Bùi Giáng ngày xưa anh vẫn còn giữ chứ?”. Tôi trả lời đúng kiểu của tôi: “Giữ mẹ gì được. Mẹ anh còn đi đời nhà ma từ khuya rồi, nói chi tập thơ *Mưa Nguồn* của Bùi Giáng. Mà tập thơ *Mưa Nguồn* nay được in lại rồi, do nhà thơ Ý Nhi ở Nhà Xuất Bản Hội Nhà Văn in lại”. Hoá ra Hạnh đọc nhiều thơ, có đọc thơ Ý Nhi nữa, giọng Hạnh nghe khào khào, giọng con mèo cái (trên nóc nhà cháy bùng): *Trong ánh chớp của phận số, em kịp nhận ra anh / Trong vòng xoay của phận số, em dừng lại đúng nơi anh...*

Chấm xuống dòng, sang trang, Hạnh như huyền thoại của tôi, bỏ Đà Lạt đi đâu mất biệt. Tôi không biết đạo diễn đại tài Trương Nghệ Mưu của đại lục Trung Hoa buồn bã cỡ nào khi Củng Lợi bỏ đi, rồi sau đó cô diễn viên tài sắc này lấy một doanh nhân Singapore làm chồng. Tôi không buồn bã chút xíu nào, chỉ lấy làm tiếc một điều: tôi đã khinh bạc, nói cái tên Huyền Thoại là cải lương. Hạnh bây giờ là nữ chủ nhân một motel ở nơi hoang mạc xa xăm của xứ Úc Đại Lợi xa tít mù, và kinh doanh khoáng sản opal cực kỳ quý hiếm, có trong lòng đất nơi đây. Một thị trấn dưới mặt đất mát mẻ, có cả nhà thờ, đẹp như một nhà thờ thời Phục Hưng. Và đến bây giờ tôi càng không buồn gì hết. Tôi gặp người phụ nữ chả làm thơ vẽ tranh gì hết, mà là nguyên mẫu của bài thơ, bức tranh đẹp nhất tôi có thể có được, nếu tôi làm thơ vẽ tranh. Bây giờ thì tôi viết những gì đây, bắt đầu bằng mẫu tự H.

## Nhân vật

Anh thích tên em là Hợp. Hồi đó ba mẹ em đã chia tay rồi trở lại với nhau mới có em, đặt tên em như thế là vậy đó. Châu Về Hợp Phố áy mà. Ở Huế, hậu cứ đại đội hắc báo của anh trong đồn Mang Cá. Nơi em sinh ra chính là ở đó. Năm 1953, năm em mới lọt lòng mẹ, anh là chú lỏi 8 tuổi, nhật quả bàng, quả sấu rụng trên vỉa hè Hà Nội. Hiệp là tên của nam, Hợp thì có thể là nam, có thể là nữ. Một cái tên trung tính, anh thích cái tên như vậy. Chẳng quan trọng gì, chỉ là một tên gọi. H cũng được. Cũng được sao được, hay là đẳng khác. H(át) là K (ca), Ca Hát. Nàng nghe hết thấy âm thanh trong trời đất / Hết thấy âm thanh khuất lấp đời ta...<sup>[1]</sup> Anh luôn cầu nguyện Quán Thế Âm Bồ Tát. Avalokitésvara Bhodisátva. Anh mà cầu nguyện ai, anh chỉ cầu nguyện ông tổ sư nói dóc mà thôi.

Cái thuở ban đầu lưu luyến áy / Ngàn năm hồ để đã ai quên...<sup>[2]</sup> Cái thuở ban đầu như thế nào mới lưu luyến chứ. Tôi đang ngồi ở quán X (quán ở rất gần nhà H), rất muốn gặp H. H sẽ tới. Bây giờ là 7 giờ, H sẽ tới lúc nào? Bởi vì Thuở chờ đợi ôi thời gian rét lắm...<sup>[3]</sup>

7 giờ 30 được không? H sẽ tới lúc 7 giờ 35. Bảy giờ ba mươi lăm hả? Sao H chọn con số cực kỳ gọi cảm vậy? Tại H liên tưởng tới anh... Cái thuở ban đầu như vậy ngàn năm tôi còn lưu luyến, bởi vì l'amour platonique, tôi xin chào thua từ cái thuở ban đầu.

Quán cửa kính trong suốt, ngoài trong nhìn vào nhìn ra làm sao có thể là một cõi riêng, một chỗ cho hai người. Nhân viên phục vụ đi qua đi lại, Jean-Paul Sartre bảo địa ngục là kẻ khác làm sao mà không đúng cho được. Đôi tai H thật ngộ. Vành tai kéo xuống cái chỗ gọi là thùy tai, cái chỗ đó không có. Nghĩa là H có đôi thùy tai vắng mặt. Người ta bảo ai mà không có thùy tai thì không thọ, người ta lại bảo, ai mà còn trẻ, tay đã lấm da trở đời thì thọ lắm. Tôi nhìn cánh tay H đặt trên mặt bàn, cánh tay để trần, trở đời mỗi lấm tẩm từ khuỷu tay qua cả cổ tay. Để chắc ăn tôi sờ vào những nốt lấm tẩm đó. H giật mình, thu tay lại. H nghĩ tôi dê hả? Khi tôi dê thì tôi dê, chứ không làm bộ xem chỉ tay như một ngàn thằng cha khác. H gạt đầu tin tưởng. Thì tôi cũng chỉ tin tưởng tôi ở mỗi cái đức tính đó. Nghĩa là dê ai cứ bảo là dê chứ không nói dê là ngựa.



Còn cái quán bên bờ sông Bình Triệu, quán hoang vắng bỏ mẹ, được cái sông nước đìu hiu, lâu lâu tiếng xuống máy gọi nhớ một thời chiến tranh bây giờ hoà bình ôi sao mà nhớ tiếng trực thăng la đà trên ngọn cây rừng Khe Sanh vùng 1 Chiến thuật, tụt xuống thang dây chậm thì chết, vì rất có thể viên đạn AK của bất luận một thằng cha Victor Charlie nào. Em không vào quán đèn mờ đâu. Quán này đâu phải quán đèn mờ. Hai xe Honda Nhật Bản đã đi quá con đường queo vào quán, lên khỏi đầu cầu Bình Triệu, xe H trước xe tôi sau, nghĩa là xe H đã khởi sự đi vào lòng cầu. H quay xe lại theo tôi, quay xe mà chậm rất có thể bị tông xe chết tốt. H cùng tôi vào cái quán bên bờ sông hoang vắng, quán tối thui vì đâu có một cái bóng đèn mờ nào. Tôi không dàn cảnh để đưa H vào cái quán nguy hiểm hơn cả cái quán đèn mờ. Tiếng xuống máy nó lôi kéo tôi. Những gì xảy ra ở cái quán hoang vắng đìu hiu ấy, tôi đã hứa với H và với một ngàn con muỗi cư ngụ trong lùm cỏ ven sông, lời thề hứa bí mật. Quên lời thề hứa thì cũng không làm một người nào chết, một con muỗi nào chết, một bí mật nào chết. Quán bờ sông đêm mưa, một cái hôn nào dứt được những dòng nước chảy từ cái mái lá dột nát. Không có tiếng xuống máy nào hết, chỉ có nỗi hờn của tôi đối với một cái bóng trong tâm hồn H. Và chút xao xuyến, tôi thừa nhận, tôi nào cần gì hơn một chút xao xuyến mong manh. Anh (sẽ) hôn em, thời khắc mong manh mà vĩnh viễn đó.<sup>[4]</sup>

Còn cái quán có phòng nghe nhạc sống, mấy cô ca sĩ hải ngoại trở về Sài Gòn mong kiếm cho chặt túi đồng tiền nhiều như nước mắt quê hương. H thích hát, ưa nghe hát thì đúng quá rồi, nhưng tôi có 99, con số có thể nhúc nhích, nghĩa là khoảng 99% không thể nghe & ngó mấy cô ca sĩ đó, nói chung là các bà ca sĩ lẽ ra bây giờ chỉ còn có thể ngồi với nhau cùng tâm sự tiếc thương đời ca sĩ ôi sao đẹp quá mong manh mà chẳng vĩnh viễn gì cả. H bảo lẽ ra em cùng anh tới quán Y, nhưng hồi chiều gặp một bà lồi xóm, té ra bà ấy là vợ của một ông nhạc công ở quán đó. Nghĩa là chúng ta (nên) là một cõi bí mật. Đêm đã khuya, này anh đan cho em những ảo tưởng, với ngây thơ nào còn sót, tôi muốn H nói vậy, nói giống câu thơ Thanh Tâm Tuyền. Chia tay buồn kinh khủng vì H cứ nói cái câu buồn bã và hay ho bỏ mẹ: Em có cảm tưởng mình lấy trộm hạnh phúc của người khác. Hạnh phúc ở đâu mà lấy trộm được hả em. Anh mà biết hạnh phúc ở đâu, có bị bắt xử tù chung thân, anh cũng phải làm một tên trộm chuyên nghiệp. Quá ưa ông Albert Camus, tôi muốn giống ông để nói rằng những người sáng suốt không thể yêu ai. Rồi tự an ủi, ưa ông ấy là một chuyện, yêu người phụ nữ nào đó là chuyện khác, nghĩa là cứ yêu một ngàn người phụ nữ nào đó mà vẫn cứ là người sáng suốt. Tôi bỗng nhẩn nại vô cùng, ngược với tôi vốn là một thằng cha làm biếng bỏ mẹ, giam mình trong ngôi nhà đau buồn và đẹp đẽ ở thị trấn Dran, đéo gọt cái góc cây gò ghề, đặc cứng như đá cho thành bức tượng Quán Thế Âm Bồ Tát. H có đôi tai thật ngộ, ngộ như vậy thì biết đâu H cũng nghe được hết thấy âm thanh trong trời đất.

Tôi mơ ngủ gặp một ông chuyên nghề phỏng vấn, hỏi tôi thích nhất truyện ngắn quốc tế nào, tôi trả lời, truyện ngắn "Người Đàn Bà Ngoại Tình" của Albert Camus. Tôi bảo truyện ngắn này sẽ là truyện ngắn hay nhất thế giới, nếu Albert Camus vứt bỏ cái esprit cartésien trong ông ở cái phần cuối truyện ngắn đó. Ông chuyên nghề phỏng vấn lại hỏi tôi yêu nhất người đàn bà nào trên đời. Tôi trả lời, tôi yêu nhất người đàn bà mang tên H, dù H khó lòng vứt bỏ hình bóng nơi Kinh Thành Cũ (mèm, sắp sụm bà chè rồi). Tôi đề nghị ông chuyên nghề phỏng vấn, cần ghi phụ chú ở câu trả lời này: dù sao mai phòng triển lãm cũng sẽ đóng cửa.

## Cô gái tình lẻ

Nhà cấp 4, vách tường loang lổ từ khuya rồi, chả sao hết. Mái tôn dĩ nhiên lổ chỗ lổ thủng, tề hại & phiền phức gấp ngàn lần vách tường. Có căn nhà để trú ngụ, chả phải trả tiền thuê mướn gì hết, chủ nhà cho ở không. Nghĩa là chủ nhà ở cái nhà khác, cái nhà này có ai mua thì bán, ấy tuy nhiên chả có treo biển Nhà Bán gì hết.

Liên đứng dưới mấy nhánh cây mận, nó trở nên dễ cảm một chút, cái cây mận cộc cằn ấy. Cái túi xách khá lớn, màu mè, in chữ to tổ bố: CHAMPION - Sports, treo ở mấu cây thấp dưới, cái mấu cùi cụt, cứng nhẵn như đá cuội. “Liên đi xe Honda ôm tới, rồi xuống xe ở đầu đường. Có cây mận này làm dấu, vậy mà anh Đăng không nhớ để dặn em. May mà số nhà cũng dễ tìm, không có xuộc xiếc gì hết”. Nhà ở mặt tiền đường phố, xuộc xiếc mẹ gì. Tôi buồn chút đỉnh khi cho cô gái biết tên mình là Đăng. Tên khai sinh của tôi chả có âm hưởng hay ho như vậy, tôi đành cái tên tự đặt để xưng với vài người, vài người ấy lẽ ra không có cô gái này, tôi quên khuấy điều đó. Liên, tôi chả nhớ quen biết cô gái này ở đâu, nhưng đúng là tôi ghi địa chỉ nơi tôi ở cho Liên, “Anh Đăng ở đây”, mẹ kiếp.

Vào trong căn nhà, Liên đứng sững. Liên ngạc nhiên? Bởi vì nghèo nàn bỏ mẹ: chả có cái quái gì đáng giá, chả có mẹ gì hết trong căn nhà. Nghĩa là có mỗi cái giường sắt nhà binh. Nếu cần kể thêm: 3 cái rương (hòm) gỗ bọc viền sắt, cái lớn nhất ở cuối cùng, cái nhỏ nhất làm mặt bàn để muống viết gì thì viết (cái việc viết, thực chất là chủ yếu, thường xuyên nhường chỗ cho bình trà của H tặng: cái bình trà chồng y khuôn lên cái tách có bầu chứa y khuôn, dung tích cái tách bằng 3/4 dung tích cái bình). Trên mặt cái rương (bàn) còn trưng bày cái khung có lồng ảnh ông Charlot cầm cây gậy, ngồi co ro chờ bạn (sẽ cùng đi tìm vàng). 3 cái rương (tiếng miền Bắc sinh quán của tôi gọi là hòm, ghê bỏ mẹ: cái quan tài) khiến tôi nhớ ơn cha như núi Thái Sơn. Có một thuở ông làm thông ngôn cho quân đội Liên Hiệp Pháp trong cuộc chiến ở Đông Dương. Vietnam, tragédie indochinoise.

Có một cái khung ảnh không có ảnh nào hết, để bên cạnh chồng rương. “Anh Đăng mua khung hình, định lồng ảnh ai vậy?” Nhà trống trải bỏ mẹ, tôi sẽ lồng ảnh chàng diễn viên điện ảnh James Dean đẹp trai & cô đơn & yếu mệnh, treo lên tường cho tôi-không-còn-cô-độc-thanh-tâm-tuyền. Tôi nói: “Để lồng gương mặt xinh đẹp của Liên đây!” Nghe tình bỏ mẹ, vậy mà Liên chả biểu lộ cảm xúc gì trên gương mặt đẹp, ửng hồng nhục cảm rất tình lẻ cao nguyên. Hóa ra là Bảo Lộc mà tôi chỉ thích gọi là B'lao. Tôi là khách uống thường trực mỗi khi tôi tới B'lao, nhà hàng có thứ hạng hiện đại, đông khách tại thị xã, Liên từng là phục vụ viên. Liên biết tán chuyện nhảm nhí, đặc biệt thân hình xéch-xi với quần xi-líp nổi gân lơ lửng ngang đôi mông, nói chuyện thế nào hóa ra Liên có người dì ruột ở Sài Gòn, là vợ người bạn của tôi. Và Liên có quen biết một chàng thành đạt bỏ mẹ, làm công việc xuất bản, ấn loát sách báo ở Sài Gòn nữa. Chàng này dù tôi chả ưa, phải thú thật cũng là bạn tôi.

Tôi xách cái túi to tổ mẹ của nhà vô địch xéch-xi đang đặt chơ vơ trên sàn nhà, để ở phía chân cái giường sắt nhà binh. “Liên tới đây ngồi. Nếu định ở lại Sài Gòn ít bữa, Liên cứ ở đây. Cái giường này dành cho Liên ngủ đấy”. Tôi nào có thể nói thêm: còn cái giường nào dành cho tôi ngủ? Vậy mà Liên chả thắc mắc gì ráo trọi. Liên đặt đôi mông tuyệt diệu xuống cái giường sắt, nó lún xuống hơi nhiều, rồi nó trôi lên chút đỉnh. Liên mở phệch-mơ-tuya cái túi xách nhà vô địch, lục tìm gì trong đó. “Anh Đăng chọn giùm em tấm ảnh nào đẹp nhất, mai mốt em mua cái khung để lồng”. Hóa ra cô nàng cũng như một ngàn có dư cô gái khác ở Hà Nội & Sài Gòn, ưa tuyển lựa ảnh tài tử Hàn Quốc & Hồng-kông để ngắm nhìn. Hóa ra không phải. Toàn ảnh Liên khỏa thân. Liên Liên Liên những Liên và Liên. Tôi phải thú thật: tôi là thằng cha bạo mồm bạo miệng, nói thì nhiều mà làm chả bao nhiêu. Tôi vừa xem vừa run, dĩ nhiên, vì tôi xúc động bỏ mẹ. “Dượng Thạch chụp cho em đấy, nom được không anh Đăng?” Cái tiếng “nom”, nghĩa là ngó, là nhìn, là trông, cái tiếng nhà quê Bắc Việt ấy làm tục thêm những tấm hình trần đầy tính khiêu dâm. Tôi biết chắc mẫm 100%, Thạch, người dượng của Liên, đã làm đạo diễn cho nữ minh tinh màn bạc các tư thế nằm ngửa nằm nghiêng, sao cho đạt hiệu quả diễn xuất cao nhất. Thạch luôn tự hào mình là nghệ sĩ nhiếp ảnh kỳ tài, chả thèm dự thi, chứ dự thi ảnh nghệ thuật quốc tế thì rất có khả năng đoạt giải ngoại hạng.

“Liên cất đi. Tấm nào cũng đẹp nhất, Liên muốn lồng khung tất cả cũng được... Nhưng Liên định treo ở đâu vậy?” “Em treo ở chỗ giường ngủ. Nhưng phải có phòng ngủ riêng như ở nhà dượng em. Mà ở đây lâu lâu có dì em về, em đâu dám treo ảnh của em”.

Thằng cha nghệ sĩ nhiếp ảnh này đâu phải là nhà văn Duy Lam. Tôi tin ông Duy Lam có thể thanh thản ngắm bức họa khỏa thân của Renoir chẳng hạn, như ông nói. Nhưng Thạch, hẳn

phải có những tìm tòi khám phá tràn đầy nghệ thuật 36 kiểu, trong cái phòng ngủ mà lâu lâu vợ hẳn mới về.

“Liên ở B’lao xuống đây từ bữa nào?” “Đúng một tuần anh Đăng ạ. Em hỏi địa chỉ nhà anh Bảo, dựng Thạch nói chỉ có anh Đăng biết nhà mới của anh Bảo thôi”. Hóa ra Liên ghé đây gặp tôi, để tôi dẫn tới nhà Bảo. Dĩ nhiên tôi biết, chẳng nhớ tại sao tôi biết, Bảo ở ngôi biệt thự nào, trong những ngôi biệt thự rất bảnh ở đường Hồ Văn Huê, quận Phú Nhuận. “Nhà có phòng tắm không hở anh Đăng?” “Có chứ, Liên đi tắm cho mát. Cái vòi nước thổ tả, phải lấy kèm vịn thật chặt mới đỡ nhỏ nước, để tôi vịn ra cho”. Tiếng nước xối do dự, tiếng Liên khẳng quyết: “Thế này mà anh Đăng cũng cố gọi là phòng tắm cho được!” Cái chỗ có cửa nẻo khép lại để cởi đồ ra, có nước để tắm dội thân thể, thì là phòng tắm chứ là phòng mẹ gì nữa. Tôi có thể hình dung một ngàn lần, ở một khu xóm bất kỳ nào đó nơi tỉnh lẻ, các cô các bà tắm trường ngoài trời đêm trăng sao hay đêm không trăng sao là chuyện dĩ nhiên. Tôi đi ra quán cà phê gần nhà mua gói thuốc lá, tiện ra đây, tôi uống một tách cà phê. 9 giờ sáng, tôi bận bịu toàn việc tào lao mà quên uống tách cà phê cực kỳ cần thiết.

Liên trong bộ đồ tinh sạch, mịn mỏng, màu hồng nhạt. Liên không dùng áo ngực. H gọi áo ngực là xú-cheng, nghe tức cười & dễ thương bỏ mẹ. Có người phụ nữ tuyệt vời không nhỉ, khi tôi có thể hình dung tới Simone Weil. Và tôi hình dung H có khả năng đi trên con đường Simone Weil một cách thanh thản. Ấy tuy nhiên người phụ nữ tuyệt vời cũng có lúc ngớ ngẩn, H có thể nhắc tới cổ nhân cho tôi nghe: “Anh ấy cao hơn anh, cao xấp xỉ Chương” (Chương quen biết cả cổ nhân của H & tôi). “Lan-đao nói: không phải người 1 mét 9 cao hơn người 1 mét 8. Cái thân xác người này dài hơn thân xác người kia mà thôi”. H hỏi tôi Lan-đao là ai. Tôi bảo Lan-đao giống tôi, khi tôi và K nghẽn mạch cảm thông, để 2 năm sau đó, máu huyết tôi lưu thông cùng H. Lan-đao, người làm sáng tỏ Einstein, bật thiếp 2 năm sau cú sốc giao thông, hồi sinh với thuyết siêu dẫn. Dĩ nhiên chẳng so sánh gì được, giữa nhà vật lý học & người viết văn, làm thơ.

Liên nằm ngửa, vú tròn lẳn mờ mờ hồng hồng, một chân xoải hẳn ra một chân hơi gập lại. “Anh Đăng đi đâu về vậy?... Anh Đăng nằm ở giường nào?” Có cái gì để gọi là cái giường trong căn nhà này nữa? Cũng chẳng có một cái chiếu mà mẹ nào để trải trên sàn nhà xi-măng đầy bụi đất thiên nhiên & nhân tạo mà nằm. “Tạm nằm chung, lát ra chợ mua cái chiếu”. Nói xong tôi nằm ngay bên cạnh Liên. Cô phục vụ viên nhà hàng tỉnh lẻ học đòi không tỉnh lẻ tôi từng ôm riết, gấn chặt cái miệng đầy hơi bia & sắc mùi thuốc lá mà không phản đối gì hết, nó là tiền đề cho cái chuyện nằm chung trên cái giường của một người lính.

Liên nằm nghiêng người, day mặt vào vách tường (tôi nhìn tôi trên vách túy hồng), cố ép thân thể thu hẹp lại, nhưng thân thể không chịu khổ hạnh, nó đầm ấm, nó tràn đầy trên cái giường đơn. Hơi ấm nóng từ thân thể Liên sát bên thân thể tôi, nó không cần lời ngỏ nào hết. Tôi ôm lấy thân thể Liên, miệng tôi đầy tóc. Hơi thở Liên đều đặn như người đang ngủ ngon giấc. Tiếng nói ráo hoảnh: “Nhà anh Bảo chắc to đẹp lắm nhỉ, hở anh Đăng?”

Tay tôi ôm Liên, ôm cái thân thể nóng bỏng mà sao tay tôi bải hoải, không một chút sinh lực. Tay tôi vẫn ở đó hay không ở đó, trên thân thể Liên? “Phòng ngủ nhà anh Bảo chắc chắn có gấn máy lạnh”. Nhà anh chàng Bảo thì khỏi nói, có gấn máy lạnh khắp nơi, cả ở cầu tiêu, trên sân thượng nữa, phòng khi Sài Gòn nhiệt đới trở trời trở chứng.

Đây là chuyện cách đây 2 tháng. Sau 2 tháng, Liên trở thành người vợ thứ mấy của Bảo, tôi chẳng biết. Tôi nói với H: “Khi hôn một phụ nữ, có 3/4 là tình yêu, 1/4 còn lại thuộc về tình dục. Còn ở chuyện kia, thì cái tỷ lệ tình yêu tình dục ngược lại. Nhưng không có 1/4, anh không thể làm được cái 3/4 kia”. H tin lời tôi nói, tôi cũng tin tôi nói đúng về bản chất tôi. Tuy nhiên tôi thật sự mắc cỡ cho mình, tự an ủi, dù sao tôi cũng muốn mình thật sự được như vậy. Với cô gái tỉnh lẻ, thật ra chẳng cần gì tình yêu, chỉ cần thiết đừng quá quê mùa ngàn năm ngu dốt & khôn khổ, nói ra niềm mơ nổi cảm của mình về cái phòng tắm phòng ngủ làm gì. Nói ra thì cũng vậy thôi, nhưng ngặt nỗi nó làm tôi chán nản bỏ mẹ, chẳng ham muốn gì nữa.

## Nhà thờ Hàm và cà phê Lão Tử

Mỗi khi thân hữu ở hải ngoại hỏi thăm tôi về sinh hoạt hàng ngày, tôi luôn cho biết: trước hết, sáng sớm đi bộ tập thể dục ở nhà thờ Hàm; sau đó ăn điểm tâm rồi đi uống cà phê Lão Tử... Chỉ ngắn gọn thế thôi, anh em thân hữu đã biết “nhà thờ Hàm” ở đâu, “cà phê Lão Tử” chỗ nào. Có thể nói, trước 1975, nhà thờ Hàm cũng như cà phê Lão Tử nằm trong những địa chỉ quen thuộc của đa số cư dân Sài Gòn. Những thế hệ thanh niên sau này hẳn nhiên không biết như vậy; vì không thấy ngôi nhà thờ nào mang tên nhà thờ Hàm, không thấy quán tiệm nào mang tên cà phê Lão Tử...

Nhà thờ Hàm vốn là căn hầm chứa bom đạn của Pháp trong thời kỳ chiến tranh Việt-Pháp. Căn hầm được xây dựng rất kiên cố, ở phía sau khu vực cư xá Lữ Gia, trường đua ngựa Phú Thọ. Sau năm 1954, căn hầm bỏ hoang; số giáo dân Thiên Chúa giáo di cư từ miền Bắc vào Sài Gòn, ở khu vực này, đã dọn dẹp căn hầm để làm nơi cầu nguyện.

Bà con làm thêm nhà nguyện ở vuông đất ngoài căn hầm; đầu tiên bằng lều vải, sau bằng tôn. Năm 1966, nơi này chính thức trở thành nhà thờ của giáo xứ Tân Phước; tới năm 1968, sau khi xây dựng xong ngôi nhà thờ mới, cách đó vài trăm mét, căn hầm lại bỏ hoang. Nhà thờ hầm không còn nữa, mà trở thành tên gọi một địa điểm. Bây giờ người Sài Gòn vẫn gọi như vậy; dù bây giờ căn hầm chứa bom đạn của Pháp trở thành “Câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ Tân Phước,” nằm trong công viên Tân Phước.

Công viên Tân Phước được xây dựng khá khang trang, nền được đổ thêm đất lên cao thành đồi, nhiều cây cổ thụ (cây lớn sẵn, mua về trồng lại); bao quanh căn hầm đã được tô điểm sửa sang cho thích hợp với một câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ.

Trong công viên không rộng lắm, có dựng một tượng đài “chiến sĩ cách mạng” khá lớn, với bom đạn tên lửa đầy mình, của điêu khắc gia Phan Gia Hương (con dâu Ca Văn Thỉnh, nhà giáo dục-nghiên cứu văn học, chủ yếu về Nguyễn Đình Chiểu).

Nhà thờ Hàm hiện nay trở thành công viên Tân Phước; dân Sài Gòn vẫn gọi công viên này là nhà thờ Hàm. Một bạn cùng đi bộ thể dục buổi sáng nói với tôi: “Không hiểu sao mình vẫn cứ thích nó là một nhà thờ hầm bỏ hoang, chứ không phải cái công viên ‘hoành tráng’ như thế này. Nó càng ‘hoành tráng’, mình càng nhớ nó thuở hoang sơ...” Từ nỗi nhớ ấy của người bạn, tôi liên tưởng tới một trào lưu trong văn học phương Tây ở một thế kỷ trước: đấy là nỗi nhớ về nguồn gốc, gọi là “nỗi nhớ bùn - nostalgie de la boue.”

Căn hầm vốn được xây dựng kiên cố, nên vẫn hình dung được cái gốc của nó là căn hầm chứa bom đạn của Pháp. Và nhà nước cộng sản lại được khoe thêm một di tích lịch sử để liệt hạng di tích cấp thành phố, với cái bảng gắn ở cổng vào công viên Tân Phước: “Kho bom Phú Thọ.”

\*\*\*

Cà phê Lão Tử vẫn giữ nguyên hình dạng từ thuở mới xuất hiện, cách đây không dưới sáu-bảy chục năm; ở đường Lý Thái Tổ-quận 10, đối diện bệnh viện Nhi Đồng 1.

Cà phê Lão Tử và tiệm phở “Phở Tàu Bay” sát cạnh nhau, một con hẻm rất sâu và rất hẹp chia ranh giới. Nhìn vào, thấy cà phê Lão Tử giống một nhánh chia ra, của cái cây là Phở Tàu Bay: diện tích quán cà phê Lão Tử chỉ khoảng 3 mét vuông mà thôi, một quán cóc đúng nghĩa của Sài Gòn. Ấy vậy mà cà phê Lão Tử nổi tiếng không thua Phở Tàu Bay lừng danh một thuở; có thể vì ông chủ quán rất đặc biệt; có thể vì khách uống thường xuyên là các nhà văn nhà thơ, và những nhân vật được xem là “hào hán” về nhiều phương diện.

Từ thuở còn là học sinh, tôi đã mon men tập tành nhâm nhi cà phê phì phèo thuốc lá, tại quán cóc cà phê Lão Tử. Tên quán cóc này mặc nhiên là vậy; không biết ai đã đặt tên cho quán cóc như thế. Có thể vì ông chủ quán có phong thái rất phiêu hốt, rất “Xử thế nhược đại mộng / Hồ vi lao kỳ sinh,” nghĩa là rất Lão Tử. Khách uống thiếu tiền trả không đủ cũng được; uống ghi sổ cũng được. Mà ông cũng chẳng ghi sổ làm gì; ai uống thiếu cứ uống thiếu, bao giờ trả tiền cũng được, không trả “quên luôn” ông cũng không đòi. Thuở ấy, những năm cuối thập kỷ 50-đầu thập kỷ 60 của thế kỷ trước, ngồi quán cóc cà phê Lão Tử thường xuyên là anh em bạn bè của

nhóm văn nghệ Thái Độ: Thế Uyên, Nguyễn Đông Ngạc, Nguyễn Tường Giang...; nhóm Đất Nước-Trình Bày: Thế Nguyên, Phạm Kim Khải, Đinh Phụng Tiến...

Tôi gặp cả nhà văn Nguyễn Thụy Long thuở bắt đầu viết văn, với bút hiệu rất dịu dàng yêu điệu: Mặc Lan Giao ; gặp cả Duy Lam, anh của Thế Uyên ; và là tác giả truyện ngắn thuở đó tôi rất mê thích: Đôi mắt ngọc trai đen, đăng ở nguyệt san Chỉ Đạo của Nha Chiến Tranh Tâm Lý. Duy Lam là sĩ quan cao cấp của Quân Đoàn 1, từ miền Trung về Sài Gòn, ghé quán cóc cà phê Lão Tử cùng Thế Uyên. Chị Phan Lệ Thanh, dịch giả lừng danh Chuyện Tình-Love Story, đi cùng Nguyễn Đông Ngạc để thưởng thức cà phê Lão Tử. Khi không tìm hiểu học hỏi văn nghệ nữa, tôi học hỏi tìm hiểu ở những ông anh cốt cách giang hồ như Dương-bò, tay anh chị có dáng vẻ văn nhả trầm tư và đẹp trai rất đàn ông; như Minh-thọt, võ sĩ quyền Anh từng hạ đo ván võ sĩ Tây ở Hà Nội trước 1954; sau Minh-thọt bị một ông đại úy Tây bắn vào chân trở thành thọt; vì Minh-thọt dám rù quyến một me Tây, tình nhân của quan đại úy. Trở lại quán cóc cà phê Lão Tử, chủ nhân bây giờ thuộc hàng cháu chắt của Lão tiên sinh; tôi vui mừng vì người đương đại một lòng tôn kính tiền nhân, mê mải kể chuyện xưa cùng ẩm khách cũ. Rồi nỗi buồn ập tới, khi những người tôi vừa nhắc tên, nay còn thì ít, mất đã khá nhiều. Cái kèo cái cột cái mái che quán cóc, kệ ngăn để ly tách của cà phê Lão Tử... vẫn nguyên tại chỗ; những thứ đó đã nhắc nhở tôi tất cả một thời Sài Gòn của miền Nam tự do.

## Ở một nơi nào

Nhà sư loay hoay với cái bếp điện, “Trà quý mà bạn hiền đi B’Lao về cho tôi bữa hôm ấy đây, chưa có dịp pha một ấm nào. Trời mưa, có trà ngon uống với bạn hiền là đệ nhất hạng.” Nhà sư đã sửa xong cái bếp điện. Đặt cái ấm nhôm lên bếp điện, nhà sư lại loay hoay ở chỗ cắm điện; ổ cắm cũng trục trặc sao đó. Bây giờ tôi mới nhìn thấy ngọn đèn điện ở lưng tường có chóa chụp màu xanh lục che bớt ánh sáng. Ngọn đèn này khiến tôi nhầm lẫn ánh sáng của căn phòng, vẫn xanh mờ như lúc nãy, ánh nắng được lọc qua đám cây cảnh trên bệ cửa sổ. Hơi lạnh lùa vào căn phòng; đôi lúc gió tạt, phủ trên mặt bàn lấm tẩm những hạt bụi nước.

Tôi nhìn ánh lửa của bếp điện loe đều quanh dưới cái ấm đun nước. Nhà sư đi vào phía trong; ở lại trong đó khá lâu, chắc hẳn lại loay hoay với ấm chén gì đó để pha trà. Một mình tôi phía ngoài căn phòng, nghe tiếng rào rào như ai ném liên hồi những mớ đá rậm lên mái tôn. Tiếng rào rào ngưng lại giây lát, rồi tiếp tục; sau đổ ào rất mạnh. Mưa nghiêng ngả bên ngoài cửa sổ. Bầu trời một màng đục lờ, mềm mại vừa dần, rơi xuống khoảng không mù mịt; mưa đổ từ tấm màng rất dày lớp. Những tiếng chân chạy ngoài hành lang. Tiếng một người la lớn: “Sao tui cứ mang banh ra là ổng đổ mưa.” Tiếng huýt gió; tiếng hát: “Tháng sáu trời mưa trời mưa không dứt... Trời không mưa tui cũng lạy trời mưa...”

\*

Hình như cánh cửa ra vào bị lỏng, và tiếng động lập cập do cơn gió xô đẩy. “Ai đó?” Nhà sư lau mấy cái chén uống trà, hỏi băng quơ. Tôi nói: “Có lẽ là mưa đá đập vào cánh cửa.” Tiếng động rõ rệt, không còn là tiếng lập cập để ngỡ cơn gió xô đẩy nữa. Tôi đoán chừng ai đẩy gõ cửa; có thể chú tiểu ở phòng kế cận vừa đi đâu về, mang trả nhà sư cái vòng khóa xe đạp. Tôi tới mở cửa; chiếc áo mưa kéo một đường dài thông đen sũng nước, cô gái đứng sát bên ngoài cánh cửa, đến nỗi tôi tưởng đã chạm phải cô gái choàng áo mưa rồi chẳng.

Nhà sư cười lục cục trong cổ họng, nói: “Cô Th. rét cóng ngoài cửa, bọn này lại cứ nghĩ tiếng gõ cửa là tiếng mưa đá đập vào.” Cô gái treo áo mưa ngay bên trong cánh cửa; lúc này tôi nhìn được dáng vẻ thanh thoát của cô gái. Chiếc áo dài cô gái vận màu sậm thắm ướt nhiều chỗ,

những chỗ ấy trở nên sậm màu hơn. Nước mưa đầm trên tóc nhỏ xuống, khuôn mặt lấm tấm những hạt nước mưa, cô gái trông càng trắng, trắng nhợt ra. Nhưng không phải vì vậy, không phải vì tất cả những thứ ấy. Vì sao đó tôi không biết, khuôn mặt cô gái khiến tôi chột dạ ngỡ ngàng. Một khuôn mặt xa lạ mà quen thuộc.

“Mới pha trà xong, vừa đủ ngấm rồi; cô Th. tới thật đúng lúc... gọi là gì nhỉ?... à, phải rồi, cô Th. tới đúng giờ hoàng đạo!” Nhà sư nói vậy; nhà sư kiêm nhà chiêm tinh mà. Cô gái tới ngồi trên chiếc ghế tôi ngồi khi nãy, sát bên cửa sổ; tóc cô gái vẫn ướt như lúc vừa xuất hiện. “Ngồi xuống đây, bạn hiền,” nhà sư kéo tôi ngồi xuống chiếc ghế vừa lấy ở đâu ra. Nhà sư cũng đã có một chiếc ghế đặt bên cạnh, không rõ trước đây những chiếc ghế này ở xá nào trong căn phòng.

Cô gái cầm chén trà nóng bốc khói, những ngón tay gầy nhợt nhạt. Tôi muốn ngỏ lời đổi chỗ cho cô gái; nơi cô gái ngồi sát bên cửa sổ, những cơn gió lạnh không ngớt lùa vào; nhưng tôi vẫn ngồi bất động.

Cô gái hỏi nhà sư: “Thầy viết gì thế?” Nhà sư chỉ cười lục cục trong cổ họng; bàn tay cầm cây bút thỉnh thoảng gạch xóa trên quyển vở dày trang. Tôi biết nhà sư đang viết những dòng thơ, gọi là thi hóa một bộ kinh Phật; tôi trả lời cô gái, thay nhà sư như vậy. “Kinh Ngọc,” nhà sư nói tên bộ kinh đang thi hóa. Cô gái cười hồn nhiên, nói: “Khi nào thầy thi hóa xong, cho phép Th. được kinh hóa trở lại nhé.” Nhà sư càng cười dần, tiếng cười lục cục xô đẩy nhau trong cổ họng; chén trà ở bàn tay trái của nhà sư hình như rung theo.

“Tôi nghe thầy nói anh Đăng là nhà văn nhà thơ các thứ.” Cô gái nhìn tôi chăm chú, vẻ chờ đợi tôi xác nhận. Tôi vội lắc đầu. Cô gái không rời cái nhìn chăm chú, và nói: “Anh lắc đầu phủ nhận làm gì. Tôi đã đọc truyện ngắn của anh rồi, trước khi thầy cho tôi biết anh là nhà văn nhà thơ nữa kia... Nhân vật nữ của anh luôn luôn là Th., ít nhất trong bốn năm truyện ngắn mới đây, Th. cả trong thơ của anh nữa... Anh viết tắt tên cô gái ấy, nhưng không chừng tôi biết cả họ tên cô ấy đấy.” Nhà sư dùng bút gạch xóa trên quyển vở dày trang, nói nhanh: “Ông bạn hiền của tôi mà khôn cũng đáo để. Biết bao nhiêu cô có tên bắt đầu bằng chữ Th., thế là cô nào cũng ngỡ mình là nhân vật của nhà văn Nhĩ Đăng. Cả cô Th. đến thăm thầy một chiều mưa đây nữa, cũng ngỡ thế phải không?”

Tôi nhìn cô gái và nói: “Th. là nhân vật có thật, một phụ nữ tôi quý trọng, một nhân vật ám ảnh tôi. Tất nhiên Th. không thể ngăn tôi viết về cô ấy, một khi tôi muốn viết; và với người đọc, Th. vẫn cứ là nhân vật tiểu thuyết, nghĩa là nhân vật hư cấu. Chính tôi ưa thích viết tắt tên của cô ấy. Tôi cũng biết rõ điều này: Th. chưa từng khoe với bất cứ ai những truyện ngắn tôi viết, dù truyện ca ngợi cô ấy.” Cô gái nói nhỏ giọng: “Viết tắt tên nhân vật, càng làm tăng thêm bí ẩn của nhân vật.” “Không phải ý muốn của tôi như vậy, dù Th. có thể có những nỗi niềm bí ẩn mà tôi không thể biết, không ai có thể biết, biết cũng chẳng để làm gì.” Tôi nói, tự thấy câu nói mang vẻ lãnh đạm lạnh lùng sao đó.

“Cô Th. cùng bọn này đang uống trà của nhân vật tiểu thuyết Th. mua tặng đấy,” nhà sư cầm chén trà chậm rãi đưa rộng trong không gian màu xanh lá cây; tiếp tục cười lục cục trong cổ họng. Tôi có cảm giác cô gái chạnh lòng gì đấy; chút vẻ hờn tủi thoáng trên khuôn mặt, khuôn mặt xa lạ mà quen thuộc. Liền sau tôi nhớ lại truyện ngắn viết dở dang; mấy ngày này tôi tiêu phí thì giờ vào những chuyện đầu đầu, để trang giấy trống lủng.

Đấy là một chuyện có thật, đã xảy ra với tôi cách đây nhiều năm. Một chuyện không thành chuyện; chỉ là dáng hình, ảo tượng, đi qua khoảnh khắc đời tôi. Một thoáng chốc đầy ý nghĩa đã vụt bay đi mất dạng, cô gái mà tôi gặp trong vườn cây rộng rinh của ngôi chùa cổ thời gian

tôi ở Huế; ở đó, hình như vậy, hoặc ở một nơi nào tương tự. Cô gái ngồi trên chiếc ghế đá đối diện, cách chiếc ghế đá tôi ngồi một hàng cây. Tôi nhìn cô gái, có cảm giác chắc chắn cô gái ấy sẽ là người làm thay đổi cuộc sống ảm đạm của tôi; tôi rất muốn gặp gỡ quen biết. Cô gái thì thỉnh thoảng như ngẫu nhiên nhìn về phía tôi, nhưng tôi thấy được vẻ chờ đợi của cô gái. Tôi rất muốn tới chỗ cô gái, nhưng tôi ngồi bất động. Một lúc nào đấy, tôi quyết định bước sang bên ghế đá đối diện. Cô gái đã rời chỗ lúc nào, thật nhanh, như ánh chớp. Liên tiếp nhiều ngày sau, tôi trở lại ngôi chùa cổ, không hề thấy cô gái một lần nào nữa.

\*

“Xe gắn máy bạn hiền để lâu ở dưới mà chẳng khóa gì cả, không chừng mọc cánh bay đi mất đấy,” nhà sư nhắc tôi. Tôi đi qua lối hành lang dài dặc, xuống nhiều bậc cấp nữa mới tới sân. Ai đấy đã chuyển xe của tôi vào nhà để xe của tu viện. Lúc tôi lên lại căn phòng của nhà sư, cô Th. đã ra về. Nhà sư nói: “Cô Th. bảo đã từng gặp bạn hiền, trong vườn cây một ngôi chùa ngoài Huế cách đây lâu lắm rồi, có lẽ bạn hiền không còn nhớ đâu.” Tôi hỏi nhà sư, bao giờ có thể gặp lại cô Th. Nhà sư cười lục cục trong cổ họng, vừa lắc đầu vừa nói: “Chẳng biết bao giờ. Có thể là lâu lắm, có thể là chẳng bao giờ... Cô Th. bảo ngày mai phải về với đứa em ở B’Lao. Hai chị em, hai kẻ song trùng, đã xa cách nhau tới hơn chục năm trời...” Tôi đứng sững trước mặt nhà sư, trong căn phòng màu xanh lá cây. Tôi nghe dòng thác đổ, trôi phẳng mọi vách ngăn rào cản cuộc sống kêu đòi. Nhân vật của tôi ở B’Lao có lần đã nói sơ qua một bi kịch trong gia đình; người chị của Th. đã phải rút ruột ra đi, từ mùa xuân mười mấy năm về trước.

*Cuối tháng 3.2012*